

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO    BỘ LAO ĐỘNG – THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC LAO ĐỘNG – XÃ HỘI**

**NGUYỄN THỊ YẾN**

**TẠO VIỆC LÀM CHO NGƯỜI LAO ĐỘNG TẠI  
HUYỆN THẠCH THẮT, THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**LUẬN VĂN THẠC SĨ QUẢN TRỊ NHÂN LỰC**

**HÀ NỘI - 2019**

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO    BỘ LAO ĐỘNG – THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC LAO ĐỘNG – XÃ HỘI**

**NGUYỄN THỊ YẾN**

**TẠO VIỆC LÀM CHO NGƯỜI LAO ĐỘNG TẠI  
HUYỆN THẠCH THẮT, THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**Chuyên ngành: Quản trị nhân lực**

**Mã số:        QT07114**

**LUẬN VĂN THẠC SĨ QUẢN TRỊ NHÂN LỰC**

**CÁN BỘ HƯỚNG DẪN KHOA HỌC: PGS.TS NGUYỄN NAM PHƯƠNG**

**HÀ NỘI - 2019**

## **LỜI CAM ĐOAN**

Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu của riêng tôi dưới sự hướng dẫn của PGS. TS Nguyễn Nam Phương. Các số liệu, kết quả nghiên cứu nêu trong Luận văn là trung thực, đảm bảo tính khách quan, khoa học và chưa được ai công bố trong công trình nghiên cứu nào. Các tài liệu tham khảo, những thông tin trích dẫn trong luận văn đều có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng.

## **TÁC GIẢ LUẬN VĂN**

**Nguyễn Thị Yên**

## MỤC LỤC

<b>LỜI CAM ĐOAN</b> .....	<b>i</b>
<b>MỤC LỤC</b> .....	<b>II</b>
<b>DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT</b> .....	<b>VI</b>
<b>DANH MỤC CÁC BẢNG</b> .....	<b>VII</b>
<b>DANH MỤC CÁC BIỂU ĐỒ</b> .....	<b>IX</b>
<b>PHẦN MỞ ĐẦU</b> .....	<b>1</b>
<b>1. Lý do chọn đề tài</b> .....	<b>1</b>
<b>2. Tổng quan nghiên cứu</b> .....	<b>3</b>
<b>3. Mục đích, nhiệm vụ nghiên cứu</b> .....	<b>5</b>
<b>3.1. Mục đích nghiên cứu</b> .....	<b>5</b>
<b>3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu</b> .....	<b>5</b>
<b>4. Đối tượng, phạm vi nghiên cứu</b> .....	<b>6</b>
<b>4.1. Đối tượng nghiên cứu</b> .....	<b>6</b>
<b>4.2. Phạm vi nghiên cứu</b> .....	<b>6</b>
<b>5. Phương pháp nghiên cứu</b> .....	<b>6</b>
<b>5.1. Nguồn số liệu</b> .....	<b>6</b>
<b>5.2. Phương pháp phỏng vấn sâu</b> .....	<b>7</b>
<b>5.3. Phương pháp phân tích số liệu</b> .....	<b>9</b>
<b>5.4. Phương pháp xử lý số liệu</b> .....	<b>9</b>
<b>6. Đóng góp mới của đề tài</b> .....	<b>9</b>
<b>7. Kết cấu của đề tài</b> .....	<b>9</b>
<b>Chương 1. CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ TẠO VIỆC LÀM CHO NGƯỜI LAO ĐỘNG</b> <b>10</b>	
<b>1.1. Một số khái niệm có liên quan tới vấn đề nghiên cứu</b> .....	<b>10</b>
<b>1.2. Khái lược một số mô hình lý thuyết về tạo việc làm</b> .....	<b>16</b>
<b>1.2.1. Lý thuyết về tạo việc làm thông qua chuyển dịch lao động giữa hai khu vực của nền kinh tế</b> .....	<b>16</b>

1.2.2. Lý thuyết về tạo việc làm bằng di chuyển lao động của Haris Todoró .....	16
1.3. Hình thức tạo việc làm cho người lao động .....	17
1.3.1. Tạo việc làm thông qua các chương trình phát triển kinh tế - xã hội.....	17
1.3.2. Tạo việc làm thông qua Xuất khẩu lao động .....	18
1.3.3. Đào tạo nghề gắn với tạo việc làm cho người lao động sau đào tạo	19
1.3.4. Tạo việc làm thông qua phát triển thị trường lao động.....	20
1.3.5. Tạo việc làm thông qua khôi phục và phát triển các làng nghề và làng nghề truyền thống .....	21
1.3.6. Tạo việc làm thông qua vay vốn từ Quỹ quốc gia về việc làm.....	21
1.3.7. Tạo việc làm thông qua thực hiện luân canh tăng vụ trong sản xuất nông nghiệp.....	22
1.4. Các yếu tố ảnh hưởng đến tạo việc làm cho người lao động.....	23
1.4.1. Yếu tố ảnh hưởng trực tiếp .....	23
1.4.2. Yếu tố ảnh hưởng gián tiếp tới tạo việc làm .....	24
1.5. Kinh nghiệm tạo việc làm ở một số địa phương .....	26
1.5.1. Kinh nghiệm tạo việc làm ở huyện Hiệp Hòa tỉnh Bắc Giang.....	26
1.5.2. Kinh nghiệm tạo việc làm ở huyện Thanh Miện tỉnh Hải Dương ..	27
1.5.3. Một số bài học kinh nghiệm rút ra cho huyện Thạch Thất về tạo việc làm cho người lao động.....	28
<b>Chương 2. THỰC TRẠNG TẠO VIỆC LÀM CHO NGƯỜI LAO ĐỘNG TẠI HUYỆN THẠCH THẤT, THÀNH PHỐ HÀ NỘI .....</b>	<b>29</b>
2.1. Khái quát điều kiện tự nhiên, điều kiện kinh tế xã hội huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội .....	29
2.1.1. Khái quát điều kiện tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên huyện Thạch Thất thành phố Hà Nội.....	29
2.1.2. Tình hình phát triển kinh tế huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội .....	32

2.1.3. Đặc điểm dân cư và nguồn lao động huyện Thạch Thất.....	33
2.2. Tình trạng việc làm của người lao động trên địa bàn huyện Thạch Thất, Thành phố Hà Nội .....	40
2.2.2. Việc làm chia theo ngành kinh tế .....	43
2.3. Thực trạng tạo việc làm mới cho người lao động tại huyện Thạch Thất giai đoạn 2014 - 2018 .....	45
2.3.1. Xây dựng kế hoạch tạo việc làm cho người lao động tại huyện Thạch Thất giai đoạn 2014 – 2018.....	45
2.3.2. Tạo việc làm thông qua phát triển kinh tế.....	47
2.3.3. Thực trạng tạo việc làm thông qua xuất khẩu lao động .....	51
2.3.4. Tạo việc làm thông qua đào tạo nghề.....	53
2.3.5. Tạo việc làm thông qua vay vốn từ Quỹ quốc gia về việc làm để phát triển sản xuất .....	57
2.4. Đánh giá chung về công tác tạo việc làm cho người lao động huyện Thạch Thất giai đoạn 2014 – 2018 .....	60
2.4.1. Những kết quả đạt được.....	60
2.4.2. Những tồn tại, hạn chế .....	66
2.4.3. Nguyên nhân của hạn chế.....	69
<b>Chương 3. GIẢI PHÁP TẠO VIỆC LÀM CHO NGƯỜI LAO ĐỘNG TẠI HUYỆN THẠCH THẮT THÀNH PHỐ HÀ NỘI .....</b>	<b>71</b>
3.1. Định hướng, mục tiêu tạo việc làm cho người lao động tại huyện Thạch Thất thành phố Hà Nội.....	71
3.1.2. Mục tiêu tạo việc làm cho người lao động tại huyện Thạch Thất thành phố Hà Nội.....	75
3.2. Một số giải pháp tạo việc làm cho người lao động tại huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội .....	76
3.2.1. Tăng cường hoạt động quản lý nhà nước về xuất khẩu lao động trên địa bàn.....	76
3.2.2. <i>Đổi mới hoạt động tổ chức Hội chợ việc làm .....</i>	<i>77</i>

3.2.3. Đa dạng hóa các hình thức tạo việc làm thông qua phát triển kinh tế .....	79
3.2.4. Tăng cường công tác quản lý nhà nước về đào tạo nghề, gắn đào tạo nghề gắn với tạo việc làm.....	82
3.2.5. Khuyến khích người lao động tự tạo việc làm .....	83
3.2.6. Nâng cao hiệu quả tạo việc làm thông qua vay vốn từ Quỹ quốc gia về việc làm.....	84
3.2.7. Đa dạng hóa các biện pháp tạo việc làm cho người lao động bị thu hồi đất .....	85
3.2.8. Tăng cường đầu tư kinh phí cho hoạt động tạo việc làm.....	85
<b>KẾT LUẬN.....</b>	<b>87</b>
<b>DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO.....</b>	<b>88</b>
<b>PHỤ LỤC 1 .....</b>	<b>91</b>
<b>PHỤ LỤC 2 .....</b>	<b>94</b>
<b>PHỤ LỤC 3 .....</b>	<b>96</b>

**DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT**

<b>TỪ VIẾT TẮT</b>	<b>NỘI DUNG ĐẦY ĐỦ</b>
KTXH	Kinh tế xã hội
LĐTBXH	Lao động Thương binh Xã hội
UBND	Ủy ban nhân dân
XKLĐ	Xuất khẩu lao động



## DANH MỤC CÁC BẢNG

Bảng 2.1: Cơ cấu dân số chia theo giới tính và khu vực sinh sống.....	35
huyện Thạch Thất giai đoạn 2014 – 2018.....	35
Bảng 2.2: Cơ cấu dân số huyện Thạch Thất giai đoạn 2014 – 2018 ....	36
Bảng 2.3: Cơ cấu lao động theo trình độ học vấn huyện Thạch Thất giai đoạn 2014 – 2018 (ĐVT:%).....	38
Bảng 2.4: Lao động qua đào tạo huyện Thạch Thất giai đoạn 2014 – 2018.....	39
Bảng 2.5: Tình trạng việc làm của người lao động huyện Thạch Thất giai đoạn 2014 – 2018 .....	41
Bảng 2.6: Cơ cấu lao động chia theo ngành nghề huyện Thạch Thất .. giai đoạn 2014 – 2018 (ĐVT: %).....	43
Bảng 2.7: Số lao động được tạo việc làm mới trong các KCN huyện Thạch Thất giai đoạn 2014 – 2018.....	48
Bảng 2.8. Số lao động được tạo việc làm mới trong các cơ sở làng nghề huyện Thạch Thất giai đoạn 2014 – 2018.....	50
Bảng 2.9: Tạo việc làm thông qua xuất khẩu lao động huyện Thạch Thất.....	52
giai đoạn 2014 – 2018 .....	52
Bảng 2.10. Số lao động được tạo việc làm mới thông qua đào tạo nghề huyện Thạch Thất giai đoạn 2014 - 2018 .....	55
Bảng 2.11. Số lao động được tạo việc làm mới qua vay vốn từ Quỹ quốc gia về việc làm giai đoạn 2014 – 2018 (ĐVT: Người).....	59
Bảng 2.12. Kết quả tạo việc làm so với kế hoạch giai đoạn 2014 - 2018	60
Bảng 2.13: Kết quả tạo việc làm thông qua các hình thức tạo việc làm giai đoạn 2014 - 2018 .....	61

Bảng 2.14: Thống kê kết quả tạo việc làm theo vị thế của người lao động huyện Thạch Thất giai đoạn 2014 - 2018.....	64
Bảng 2.15: Kết quả khảo sát tỷ lệ lao động có việc làm sau đào tạo nghề .....	65
Bảng 3.1: Nhu cầu tuyển dụng nhân lực của các doanh nghiệp huyện Thạch Thất giai đoạn 2019 - 2020.....	73
Bảng 3.2: Dự báo nhu cầu học nghề của người lao động huyện Thạch Thất giai đoạn 2019 - 2020 .....	74
Bảng 3.3. Dự kiến tạo việc làm mới cho NLD huyện Thạch Thất giai đoạn 2019 - 2020.....	75

## DANH MỤC CÁC BIỂU ĐỒ

Biểu 2.1: Cơ cấu dân số huyện Thạch Thất giai đoạn 2014 – 2018.....	37
Biểu 2.2: Lao động qua đào tạo huyện Thạch Thất giai đoạn 2014 – 2018.....	39
Biểu 2.3: Cơ cấu lao động chia theo ngành nghề huyện Thạch Thất giai đoạn 2014 – 2018.....	44
Biểu 2.4. Số lao động được tạo việc làm mới trong các cơ sở làng nghề huyện Thạch Thất giai đoạn 2014 – 2018.....	50
Biểu 2.5: Tạo việc làm thông qua xuất khẩu lao động huyện Thạch Thất	52
Biểu 2.6: Tổng số người có việc làm mới so với tổng số người học nghề, số người có việc làm sau học nghề giai đoạn 2014 – 2018.....	56
Biểu 2.7: Kết quả tạo việc làm thông qua các hình thức tạo việc làm năm 2014 so với năm 2018.....	63

## PHẦN MỞ ĐẦU

### 1. Lý do chọn đề tài

Việc làm không chỉ là hoạt động lao động đặc biệt của con người nhằm tạo ra của cải vật chất và các giá trị tinh thần cho xã hội mà việc làm còn là vấn đề kinh tế xã hội tổng thể, bởi lẽ, việc làm có mối liên hệ mật thiết tới các vấn đề kinh tế, chính trị và an ninh quốc phòng. Do đó, việc làm luôn là một trong những vấn đề thời sự được quan tâm hàng đầu trong các quyết sách phát triển kinh tế - xã hội (KTXH) của các quốc gia trong đó có nước ta.

Việt Nam là một quốc gia có nguồn lao động dồi dào. Theo thống kê, mỗi năm Việt Nam có khoảng 1 triệu người bước vào độ tuổi lao động, đó là thế mạnh trong phát triển KTXH nhưng cũng tạo ra sức ép không nhỏ lên vấn đề giải quyết việc làm. Bởi vậy, tạo việc làm, nâng cao thu nhập cho người lao động luôn được Đảng và Nhà nước ta đặc biệt quan tâm.

Thạch Thất là một huyện ngoại thành nằm phía tây thủ đô Hà Nội. Từ khi sáp nhập vào Hà Nội, đến nay, bộ mặt kinh tế xã hội của huyện có nhiều chuyển biến tích cực, cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tăng dần tỷ trọng các ngành công nghiệp và dịch vụ, giảm dần tỷ trọng ngành nông lâm nghiệp. Việc quy hoạch, xây dựng các khu, cụm công nghiệp mang tới cơ hội việc làm rộng mở cho người dân địa phương.

Tuy nhiên, gánh nặng về vấn đề tạo việc làm cho người lao động ở huyện Thạch Thất còn tương đối lớn. Bởi lẽ, hiện nay, trung bình mỗi năm huyện Thạch Thất tiếp nhận thêm hơn 2000 lao động mới từ học sinh tốt nghiệp trung học phổ thông (THPT), sinh viên tốt nghiệp các trường chuyên nghiệp, bộ đội xuất ngũ và số dân bước vào tuổi lao động, điều này đồng nghĩa với việc mỗi năm huyện cần tạo thêm một số lượng lớn vị trí việc làm mới.

Nhận thức tầm quan trọng của tạo việc làm đối với phát triển KTXH, trong thời gian qua, Đảng, Nhà nước và Chính quyền địa phương đã triển khai

thực hiện nhiều chính sách nhằm tạo việc làm cho người lao động như: thực hiện chương trình vay vốn giải quyết việc làm; đẩy mạnh hoạt động xuất khẩu lao động; đào tạo nghề cho người lao động; phát triển kinh tế nhằm tạo việc làm..v.v. Từ năm 2014 đến năm 2018, mỗi năm, huyện Thạch Thất tạo việc làm cho hàng trăm lao động mới. Có việc làm ổn định, thu nhập cao, đời sống của đại bộ phận người dân được nâng lên.

Mặc dù đạt được nhiều thành tựu song công tác tạo quyết việc làm tại địa phương hiện nay đang gặp phải một số khó khăn.

Tỷ lệ thất nghiệp và thiếu việc làm ở huyện Thạch Thất vẫn còn tương đối cao. Nguyên nhân của tình trạng này một mặt là do quá trình xây dựng các khu, cụm công nghiệp đã làm cho một bộ phận hộ gia đình bị mất đất canh tác. Mặt khác, việc thu hút vốn đầu tư xây dựng các nhà máy, khu công nghiệp trên địa bàn huyện đã thu hút một lực lượng lớn lao động phổ thông từ 18 đến 35 tuổi đã khiến nhiều gia đình từ bỏ việc canh tác, sản xuất nông nghiệp nên thực tế có không ít diện tích đất sản xuất nông nghiệp đang bị bỏ hoang gây lãng phí tài nguyên đất trong khi tình trạng thất nghiệp và thiếu việc làm vẫn diễn ra. Thất nghiệp và thiếu việc làm không những ảnh hưởng trực tiếp đến đời sống của người lao động mà còn là nguyên nhân gây ra nhiều vấn đề xã hội nghiêm trọng khác, nhất là tệ nạn xã hội trong thanh niên.

Hoạt động đào tạo nghề tạo việc làm còn bất cập trong một số khâu như hệ thống cơ sở vật chất phục vụ đào tạo còn chưa đồng bộ, hiện đại, công tác quản lý hoạt động đào tạo còn lỏng lẻo, đào tạo nghề chưa gắn với tạo việc làm; một bộ phận người dân tham gia vay vốn tạo việc làm nhưng sử dụng vốn vay chưa hiệu quả..v.v

Với mong muốn đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao hoạt động tạo việc làm cho người lao động trên địa bàn huyện thông qua việc tìm hiểu tình hình thực hiện công tác tạo việc làm, tác giả đã mạnh dạn lựa chọn đề tài:

*“Tạo việc làm cho người lao động tại huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội”* làm vấn đề nghiên cứu của mình.

## **2. Tổng quan nghiên cứu**

Việc làm luôn là vấn đề được quan tâm hàng đầu trong chiến lược phát triển kinh tế xã hội của các quốc gia. Do đó, cho tới nay, vấn đề việc làm đã nhận được sự quan tâm của nhiều nhà khoa học, nhà quản lý. Dưới đây, tác giả xin điếm qua một số công trình nghiên cứu như sau:

*“Luận cứ khoa học cho việc xây dựng chính sách giải quyết việc làm ở nước ta khi chuyển sang nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần”*, đề tài khoa học cấp nhà nước của tác giả Nguyễn Hữu Dũng. Trong đề tài này, tác giả đã trình bày vấn đề giải quyết việc làm ở Việt Nam trong điều kiện chuyển đổi cấu trúc nền kinh. Kết quả nghiên cứu của đề tài này đã đóng góp cơ sở khoa học cho Đảng và Nhà nước ta trong việc ban hành các chính sách về giải quyết vấn đề việc làm thời kì công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Đề tài khoa học cấp Nhà nước *“Đánh giá hiệu quả và tác động của chính sách dạy nghề, giải quyết việc làm cho lao động vùng dân tộc từ đổi mới đến nay”* của tác giả Mai Ngọc Cường. Đề tài hướng tới mục tiêu xây dựng khung lý thuyết đánh giá hiệu quả và tác động của chính sách dạy nghề, giải quyết việc làm cho lao động vùng dân tộc. Đề tài đã đạt được một số kết quả như: Hệ thống hoá các chính sách dạy nghề, giải quyết việc làm cho lao động vùng dân tộc thiểu số từ khi nhà nước thực hiện chính sách đổi mới đến nay; Phân tích thực trạng dạy nghề và giải quyết việc làm cho lao động vùng dân tộc thiểu số ở Việt Nam; Phân tích, đánh giá hiệu quả, tác động của chính sách dạy nghề, giải quyết việc làm cho lao động vùng dân tộc thiểu số từ đổi mới đến nay theo hệ thống tiêu chí/chỉ tiêu được thiết lập; Nhận diện các yếu tố ảnh hưởng đến chính sách dạy nghề, giải quyết việc làm cho lao động vùng dân tộc thiểu số; Đề xuất các giải pháp.

“*Việc làm ở nông thôn: thực trạng và giải pháp*”, cuốn sách do tác giả Chu Tiến Quang chủ biên đã làm rõ vấn đề lý luận về việc làm và đặc điểm việc làm của lao động khu vực nông thôn; khảo sát, đánh giá thực trạng lao động và việc làm trong nông thôn, thông qua đó, tác giả khẳng định hiệu quả của việc làm phi nông nghiệp “ly nông bất ly hương”, coi đây là hướng đi đúng đắn để giải quyết việc làm cho lao động khu vực nông thôn nước ta trong giai đoạn hiện nay. Tuy viết về vấn đề việc làm lao động khu vực nông thôn nước ta trong thập niên 90 song những vấn đề được nêu trong cuốn sách vẫn có giá trị trong giai đoạn hiện nay.

Luận án tiến sĩ “*Giải quyết việc làm cho lao động nông thôn tỉnh Ninh Bình trong quá trình công nghiệp hóa hiện đại hóa*” của tác giả Phạm Mạnh Hà. Trên cơ sở làm rõ đường lối, chủ trương, chính sách về lao động nông thôn của nhà nước, tác giả đã trình bày thực trạng giải quyết việc làm cho lao động nông thôn tỉnh Ninh Bình, từ đó đề xuất phương hướng và các biện pháp giải quyết việc làm cho lao động nông thôn tỉnh Ninh Bình đến năm 2020.

Luận văn thạc sỹ “*Tạo việc làm cho người lao động huyện Yên Dũng tỉnh Bắc Giang*” của tác giả Nguyễn Thị Thanh Huyền. Trong đề tài này tác giả đã trình bày khá hoàn chỉnh hệ thống cơ sở lý thuyết về tạo việc làm, nội dung tạo việc làm, các yếu tố có ảnh hưởng đến tạo việc làm, phân tích thực trạng tạo việc làm cho người lao động huyện Yên Dũng tỉnh Bắc Giang. Tuy vậy, trong đề tài tác giả chưa đề cập tới các yếu tố có ảnh hưởng tới tạo việc làm ở huyện Yên Dũng tỉnh Bắc Giang, các giải pháp đưa ra còn chung chung.

Luận văn thạc sỹ “*Tạo việc làm cho người lao động huyện Quốc Oai thành phố Hà Nội*” của tác giả Tạ Thị Thanh. Trong đề tài này tác giả đã trình bày khá hoàn chỉnh hệ thống cơ sở lý thuyết về tạo việc làm, nội dung tạo việc làm, các yếu tố có ảnh hưởng đến tạo việc làm, phân tích thực trạng tạo

việc làm cho người lao động huyện Quốc Oai. Tuy vậy, phần trình bày thực trạng tạo việc làm cho người lao động còn sơ sài, chưa gắn với nội dung tạo việc làm cụ thể của huyện.

Ngoài ra, còn rất nhiều các công trình nghiên cứu được đăng tải trên các tạp chí như:

Bài viết: Tạo việc làm cho lao động nông thôn, đăng trên báo Nhân dân ngày 6/3/2019.

Bài viết: Giải quyết việc làm cho lao động, đảm bảo an sinh xã hội đăng trên báo Quảng Bình, ngày 14/11/2018.

Bài viết: Đồng bộ giải pháp giải quyết việc làm cho người lao động, đăng trên báo Dân sinh, ngày 3/6/2018.

Như vậy, có thể nói, cho tới nay đã có rất nhiều các công trình nghiên cứu về vấn đề việc làm cho người lao động với những quy mô, cách thức tiếp cận khác nhau. Tuy nhiên, chưa có công trình khoa học nào nghiên cứu về tạo việc làm cho người lao động trên địa bàn huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội. Do đó, đề tài nghiên cứu của tác giả đảm bảo tính mới về không gian và đối tượng nghiên cứu.

### **3. Mục đích, nhiệm vụ nghiên cứu**

#### ***3.1. Mục đích nghiên cứu***

Trên cơ sở mô tả thực trạng tạo việc làm cho người lao động tại huyện Thạch Thất thành phố Hà Nội thời gian qua, đề tài chỉ ra những kết quả đạt được, khó khăn đang gặp phải, phân tích nguyên nhân và đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả tạo việc làm cho người lao động tại huyện Thạch Thất trong thời gian tới.

#### ***3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu***

Để đạt được mục đích nghiên cứu trên đây, đề tài cần thực hiện một số nhiệm vụ như sau:



- Hệ thống hóa cơ sở lý luận về lao động, việc làm.
- Mô tả thực trạng tạo việc làm cho người lao động tại huyện Thạch Thất thành phố Hà Nội thời gian qua.
- Đề tài chỉ ra những kết quả đạt được, khó khăn đang gặp phải trong công tác tạo việc làm cho người lao động.
- Đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả tạo việc làm cho người lao động trên địa bàn huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội trong giai đoạn tiếp theo.

#### **4. Đối tượng, phạm vi nghiên cứu**

##### ***4.1. Đối tượng nghiên cứu***

- Tạo việc làm cho người lao động tại huyện Thạch Thất thành phố Hà Nội.

##### ***4.2. Phạm vi nghiên cứu***

- Phạm vi không gian: Đề tài thực hiện nghiên cứu trên địa bàn huyện Thạch Thất thành phố Hà Nội.
- Phạm vi thời gian: Phân tích và đánh giá thực trạng tạo việc làm cho người lao động huyện Thạch Thất thành phố Hà Nội giai đoạn 2014 - 2018.
- Phạm vi về nội dung: Tập trung nghiên cứu các biện pháp tạo việc làm chủ yếu cho người lao động trên địa bàn huyện Thạch Thất thành phố Hà Nội.
  - + Tạo việc làm thông qua phát triển kinh tế xã hội.
  - + Tạo việc làm thông qua đào tạo nghề cho lao động nông thôn.
  - + Tạo việc làm thông qua hoạt động xuất khẩu lao động.
  - + Tạo việc làm thông qua hoạt động vay vốn để giải quyết việc làm.

#### **5. Phương pháp nghiên cứu**

##### ***5.1. Nguồn số liệu***

- Số liệu thứ cấp: Để thực hiện đề tài này, tác giả thu thập các tài liệu, số liệu về tạo việc làm cho người lao động huyện Thạch Thất thành phố Hà

Nội như: Kế hoạch, Báo cáo kết quả giải quyết việc làm hàng năm; Báo cáo và phương hướng phát triển kinh tế xã hội hàng năm..v.v.

- Số liệu sơ cấp: Mục đích của việc thu thập số liệu sơ cấp nhằm đưa ra những đánh giá khách quan về hoạt động tạo việc làm cho người lao động tại huyện Thạch Thất thời gian qua. Cụ thể như sau:

*\* Về đối tượng được tạo việc làm*

- Đối tượng được lựa chọn khảo sát: Tác giả đã tiến hành khảo sát 100 lao động được tạo việc làm thông qua các hình thức tạo việc làm như: đào tạo nghề; vay vốn phát triển kinh tế; xuất khẩu lao động; phát triển làng nghề, cụm công nghiệp.

- Hình thức khảo sát: Khảo sát trực tiếp bằng phiếu điều tra tại nơi làm việc của người lao động.

- Cách thức khảo sát: Khảo sát theo cách thức chọn mẫu cụm phân tầng. Tác giả chọn ra 5 xã có đối tượng được tạo việc làm. Đó là các xã Kim Quan, Thạch Xá, Chàng Sơn, Bình Phú, Cần Kiệm Sau đó, mỗi xã tác giả chọn ngẫu nhiên 20 lao động. Khảo sát trực tiếp bằng phiếu điều tra.

- Kết quả khảo sát: Số phiếu được phát ra: 100 phiếu, số phiếu thu về 100 phiếu; số phiếu hợp lệ 92 phiếu; số phiếu không hợp lệ 08 phiếu.

## **5.2. Phương pháp phỏng vấn sâu**

Bên cạnh phương pháp điều tra bằng bảng hỏi, để tìm hiểu những khó khăn gặp phải trong công tác tạo việc làm, về phía chủ thể thực hiện chính sách tạo việc làm, tác giả tiến hành phỏng vấn sâu với cán bộ Trung tâm giáo dục hướng nghiệp huyện Thạch Thất, cán bộ Phòng Lao động – TBXH, cán bộ Ngân hàng chính sách xã hội.

Về phía người lao động, tác giả tiến hành phỏng vấn sâu với 10 lao động nữ là công nhân hiện đang làm việc tại khu công nghiệp trên địa bàn huyện Thạch Thất.



### **5.3. Phương pháp phân tích số liệu**

Trên cơ sở tổng hợp số liệu thứ cấp và sơ cấp đã thu thập được trong quá trình thực hiện khảo sát, tác giả tiến hành phân tích, đối chiếu kết quả đào tạo việc làm thông qua các biện pháp tạo việc làm cho người lao động huyện Thạch Thất từ năm 2014 đến 2018 từ đó xác định nguyên nhân và đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả tạo việc làm cho người lao động trong những năm tiếp theo.

### **5.4. Phương pháp xử lý số liệu**

Từ số liệu thứ cấp và số liệu sơ cấp thu thập được, tác giả tiến hành thống kê, xử lý bằng excel, phân tích, đối chiếu, so sánh kết quả tạo việc làm giữa các hình thức tạo việc làm, giữa các năm từ đó đưa ra các nhận định, đánh giá về hiệu quả công tác tạo việc làm cho người lao động tại huyện Thạch Thất thành phố Hà Nội.

## **6. Đóng góp mới của đề tài**

Luận văn trình bày kết quả tạo việc làm cho người lao động tại huyện Thạch Thất thông qua các biện pháp tạo việc làm cụ thể, đánh giá những kết quả đạt được, khó khăn gặp phải và đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả tạo việc làm trong thời gian tới.

## **7. Kết cấu của đề tài**

Ngoài phần mở đầu, phần kết luận và danh mục tài liệu tham khảo, kết cấu của đề tài gồm 3 chương.

*Chương 1: Cơ sở lý luận về tạo việc làm cho người lao động*

*Chương 2: Thực trạng tạo việc làm cho người lao động tại huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội*

*Chương 3: Giải pháp tạo việc làm cho người lao động tại huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội*

# CHƯƠNG 1

## CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ TẠO VIỆC LÀM CHO NGƯỜI LAO ĐỘNG

### 1.1. Một số khái niệm có liên quan tới vấn đề nghiên cứu

#### \* Người lao động

Trong bất kỳ giai đoạn phát triển nào của xã hội thì con người cũng là lực lượng sản xuất cơ bản nhất tạo ra của cải vật chất, tinh thần cho xã hội. Con người vừa là mục tiêu vừa là động lực cho sự phát triển xã hội, xã hội thay đổi và phát triển là nhằm mục tiêu phục vụ con người. Con người chỉ trở thành động lực cho sự phát triển của xã hội khi họ có điều kiện sử dụng quyền lao động của mình. Quá trình kết hợp giữa sức lao động và điều kiện sản xuất ấy chính là quá trình lao động hay làm việc của con người. Theo đó, lao động là hoạt động có mục đích, có ý thức của con người. Thông qua quá trình lao động sẽ giúp con người ngày càng trở nên hoàn thiện hơn, đến lượt mình con người chính là lực lượng cải biến xã hội. Do đó, chiến lược phát triển nguồn lực con người nằm trong chiến lược phát triển của mỗi quốc gia. Đảng và nhà nước ta đã khẳng định, người lao động chính là nguồn lực quan trọng nhất để phát triển kinh tế xã hội của đất nước.

Theo quy định tại Khoản 1, Điều 3, Bộ luật Lao động 2012: *Người lao động là người từ đủ 15 tuổi trở lên, có khả năng lao động, làm việc theo hợp đồng lao động, được trả lương và chịu sự quản lý, điều hành của người sử dụng lao động.*[7]

Theo quy định tại Khoản 1, Điều 3, Luật Việc làm: *Người lao động là công dân Việt Nam từ đủ 15 tuổi trở lên, có khả năng lao động và có nhu cầu làm việc.*[8]

Như vậy, từ hai khái niệm trên, người lao động có những đặc điểm sau:

- Là người từ đủ 15 tuổi trở lên.
- Có khả năng lao động, đang làm việc theo hợp đồng lao động hoặc sẵn sàng làm việc.
- Được trả lương và chịu sự quản lý, điều hành của người sử dụng lao động.

### **\* Việc làm**

Ở nước ta, trong thời kỳ kinh tế tập trung, khái niệm việc làm hết sức sơ cứng. Việc làm phải là những công việc đòi hỏi một chuyên môn nào đó, mang lại nguồn thu nhập nhất định. Người có việc làm phải thuộc biên chế nhà nước hoặc làm việc trong các hợp tác xã. Quan niệm như vậy về việc làm vô hình chung đã gây trở ngại cho việc tự do di chuyển, tự do hành nghề của người lao động, do đó hạn chế đáng kể việc phát huy sức mạnh của nguồn nhân lực cũng như quá trình tăng trưởng và phát triển của xã hội. Quan niệm về việc làm như trên đã không thừa nhận những người lao động đang làm việc ở một số khu vực sau:

- Việc làm ở khu vực kinh tế tư nhân, cá thể, hộ gia đình.
- Công việc nội trợ.

Mặt khác, quan niệm trên cũng không phân biệt những người hiện trong guồng máy sản xuất nhưng tạm thời thiếu việc làm hoặc thực tế không có việc làm. Từ khi chuyển sang nền kinh tế thị trường, khái niệm việc làm đã có sự thay đổi. Theo quy định tại Khoản 2, Điều 3, Luật Việc làm: *Việc làm là hoạt động lao động tạo ra thu nhập mà không bị pháp luật cấm.*[8] Từ khái niệm này ta thấy, việc làm bao gồm 3 nội dung cơ bản:

- Các công việc được trả công dưới dạng bằng tiền hay hiện vật.
- Các công việc tự làm để tạo thu nhập hoặc thu lợi nhuận cho bản thân, cho gia đình mình.

- Không bị pháp luật ngăn cấm.

Như vậy nếu một hoạt động lao động tạo ra nguồn thu nhập, nhưng bị pháp luật nghiêm cấm thì hoạt động lao động đó không được coi là việc làm (như trộm cắp, buôn bán hêrroin, mại dâm....)

**\* Người có việc làm**

Người có việc làm là những người từ đủ 15 tuổi trở lên đang làm việc trong mọi lĩnh vực, ngành nghề, dạng hoạt động có ích, mang lại nguồn thu nhập cho bản thân và gia đình.

Người có việc làm được chia làm hai dạng:

+ Người có việc làm đầy đủ: là người làm việc đủ thời gian quy định, có mức lương từ tối thiểu trở lên, không có nhu cầu đi làm thêm.

+ Người thiếu việc làm: là người có việc làm nhưng thời gian làm việc thấp hơn quy định, có nhu cầu làm thêm, thực chất đây là một dạng thất nghiệp.

Trong điều tra Lao động - việc làm, người có việc làm bao gồm những người từ 15 tuổi trở lên trong khoảng thời gian tham chiếu (một tuần), thuộc một trong các loại sau đây:

- *Làm việc được trả lương/trả công*

+ Làm việc: những người trong thời gian tham chiếu đã làm một số công việc để được trả lương hoặc trả công bằng tiền hay hiện vật

+ Có việc làm nhưng không làm việc: những người hiện đang có việc làm, nhưng trong khoảng thời gian tham chiếu đang tạm thời nghỉ việc nhưng vẫn có những dấu hiệu còn gắn bó với việc làm của họ (như: vẫn được trả lương/trả công, được bảo đảm sẽ trở lại làm việc, có thoả thuận trở lại làm việc sau khi nghỉ tạm thời, v.v...)

- *Tự làm hoặc làm chủ*

+ Tự làm: những người trong thời gian tham chiếu đã tự làm một số công việc để có lợi nhuận hoặc thu nhập cho gia đình, dưới hình thức bằng tiền hay hiện vật

+ Có doanh nghiệp nhưng không làm việc: những người hiện đang làm chủ doanh nghiệp, có thể là doanh nghiệp sản xuất kinh doanh, một trang trại hoặc một cơ sở dịch vụ nhưng trong thời kỳ tham chiếu họ đang nghỉ việc tạm thời vì một số lý do cụ thể.

**\* Thất nghiệp**

Theo Tổ chức Lao động Quốc tế (ILO): *Thất nghiệp là tình trạng một số người ở độ tuổi lao động, có khả năng làm việc, không có việc làm và đang đi tìm kiếm việc làm.* [5, tr.131]

Nhìn chung, khái niệm này mang tính khái quát cao, đã được nhiều nước tán thành và lấy làm cơ sở để vận dụng tại quốc gia mình khi đưa ra những khái niệm về người thất nghiệp.

Ở Việt Nam, thất nghiệp là vấn đề mới nảy sinh trong thời kỳ chuyển đổi nền kinh tế cơ chế kế hoạch hóa tập trung sang cơ chế thị trường. Vì vậy, tuy chưa có văn bản pháp quy về thất nghiệp nhưng ở nước ta bước đầu thất nghiệp được hiểu là *những người trong độ tuổi lao động, có khả năng lao động, có nhu cầu việc làm, đang không có việc làm.*

Phân loại thất nghiệp:

- Theo lý do thất nghiệp:

+ *Thất nghiệp tự nguyện* :là loại thất nghiệp mà ở một mức tiền công nào đó người lao động không muốn làm việc hoặc vì lý do cá nhân nào đó (di chuyển, sinh con...). Thất nghiệp loại này thường tạm thời.



+ *Thất nghiệp không tự nguyện là*: thất nghiệp mà ở mức tiền công nào đó người lao động chấp nhận nhưng vẫn không được làm việc do kinh tế suy thoái , cung lớn hơn cầu về lao động...

+ *Thất nghiệp trá hình* : hay thiếu việc làm là hiện tượng xuất hiện khi người lao động được sử dụng dưới mức khả năng mà bình thường gắn với việc sử dụng không hết thời gian lao động.

- Theo nguồn gốc thất nghiệp có thể chia thành:

+ *Thất nghiệp tạm thời* : là loại thất nghiệp phát sinh do sự di chuyển không ngừng của người lao động giữa các vùng, các loại công việc hoặc giữa các giai đoạn khác nhau của cuộc sống. Thậm chí trong một nền kinh tế có đủ việc làm vẫn luôn có sự chuyển động nào đó như một số người tìm việc làm sau khi tốt nghiệp hoặc di chuyển chỗ ở từ nơi này đến nơi khác ; phụ nữ có thể quay lại lực lượng lao động sau khi sinh con...

+ *Thất nghiệp có tính cơ cấu* : Xảy ra khi có sự mất cân đối giữa cung – cầu lao động ( giữa các ngành nghề , khu vực...). Loại này gắn liền với sự biến động cơ cấu kinh tế và gây ra do sự suy thoái của một ngành nào đó hoặc là sự thay đổi công nghệ dẫn đến đòi hỏi lao động có chất lượng cao hơn, ai không đáp ứng được sẽ bị sa thải.

+ *Thất nghiệp do thiếu cầu* : Loại thất nghiệp này xảy ra khi mức cầu chung về lao động giảm xuống . Nguồn gốc chính là sự suy giảm tổng cầu . Loại này còn được gọi là thất nghiệp chu kỳ bởi ở các nền kinh tế thị trường nó gắn liền với thời kỳ suy thoái của chu kỳ kinh doanh. Dấu hiệu chứng tỏ sự xuất hiện của loại này là tình trạng thất nghiệp xảy ra tràn lan ở khắp mọi nơi, mọi nghề.

*Tóm lại*, thất nghiệp tạm thời và thất nghiệp cơ cấu xảy ra trong một bộ phận riêng biệt của thị trường lao động (có thể diễn ra ngay cả khi thị trường

lao động đang cân bằng). Thất nghiệp do thiếu cầu xảy ra khi nền kinh tế đi xuống, toàn bộ thị trường lao động bị mất cân bằng.

### **\* Người thất nghiệp**

Từ khái niệm thất nghiệp của Tổ chức Lao động Quốc tế (ILO) có thể đưa ra 4 tiêu chí để xác định người thất nghiệp đó là:

- + Người trong độ tuổi lao động,
- + Có khả năng lao động,
- + Đang không có việc làm,
- + Đang đi tìm việc làm.

### **\* Tạo việc làm**

Theo Trần Xuân Cầu: *“Tạo việc làm là một quá trình tạo ra môi trường hình thành các chỗ làm việc và sắp xếp người lao động phù hợp với chỗ làm việc để có các việc làm chất lượng, đảm bảo nhu cầu của cả người lao động và người sử dụng lao động đồng thời phải đáp ứng được mục tiêu phát triển đất nước”*. [3,tr.11]

Như vậy, tạo việc làm không phải là một hoạt động mà là một chuỗi các hoạt động nhằm tạo ra môi trường làm việc với nhiều vị trí việc làm và sắp xếp người lao động phù hợp (nhu cầu, trình độ chuyên môn) với các vị trí đó nhằm đảm bảo chất lượng và hiệu quả công việc, đồng thời phù hợp với mục tiêu phát triển của đất nước. Như vậy, để tạo việc làm cho người lao động cần phải có sự kết hợp của các yếu tố sau: chủ thể tạo việc làm, tư liệu sản xuất, công cụ sản xuất và người lao động.

### **\* Phân biệt giữa tạo việc làm và giải quyết việc làm**

- Sự khác nhau

+ Giải quyết việc làm nhấn mạnh tới việc kết nối NLD với thị trường lao động nhằm giúp NLD có việc làm.

+ Tạo việc làm nhấn mạnh tới việc tạo ra các cơ hội việc làm mới và việc làm đầy đủ cho người lao động.

- *Sự giống nhau:*

+ Mặc dù có những điểm khác nhau nhưng cả tạo việc làm và giải quyết việc làm đều nhấn mạnh tới việc giúp người lao động có việc làm nhằm thực hiện mục tiêu quốc gia về việc làm, đảm bảo đời sống NLD và ổn định an sinh xã hội.

## **1.2. Khái lược một số mô hình lý thuyết về tạo việc làm**

### ***1.2.1. Lý thuyết về tạo việc làm thông qua chuyển dịch lao động giữa hai khu vực của nền kinh tế***

Vào thập niên 50 của thế kỷ XX, nhà kinh tế học Jamaica, Athur Lewis đưa ra lý thuyết về tạo việc làm thông qua chuyển dịch lao động giữa hai khu vực của nền kinh tế - nông nghiệp và công nghiệp.

Nội dung cơ bản của lý thuyết này là chuyển đổi lao động dư thừa từ lĩnh vực nông nghiệp sang công nghiệp do hệ thống các nhà tư bản nước ngoài đầu tư vào các nước nghèo. Bởi lẽ, trong khu vực nông nghiệp hạn chế và đất canh tác, lao động lại quá dư thừa, do đó, ngoài số lao động cần đủ cho sản xuất nông nghiệp số còn lại tham gia vào lĩnh vực tiểu thủ công nghiệp và tiểu thương, lao động phục vụ cho gia đình. Do đó, việc di chuyển lao động từ nông nghiệp sang công nghiệp sẽ có hai tác dụng: chuyển bớt lao động ra khỏi lĩnh vực nông nghiệp từ đó nâng cao sản lượng đầu người; tăng lợi nhuận trong lĩnh vực công nghiệp.

### ***1.2.2. Lý thuyết về tạo việc làm bằng di chuyển lao động của Haris Todaro***

Lý thuyết của Todaro ra đời vào thập kỷ 60 – 70 của thế kỷ XX, lý thuyết này nghiên cứu việc làm thông qua di chuyển lao động trên cơ sở thực hiện điều tiết thu nhập, tiền lương giữa các khu vực kinh tế khác nhau. Theo ông, những người lao động ở khu vực nông thôn có thu nhập trung bình thấp.

Họ lựa chọn quyết định di chuyển lao động từ vùng có thu nhập thấp sang khu vực thành thị có thu nhập cao hơn. Đây là quá trình di chuyển mang tính tự phát. Điều này gây ra sự không ổn định về cung lao động, gây khó khăn cho nhà nước trong việc quản lý lao động và nhân khẩu. Do đó, trong lý thuyết của mình, Todaro thừa nhận sự tồn tại của khu vực kinh tế phi chính thức như: lao động phục vụ gia đình, xe ôm, bán hàng rong, dịch vụ ăn uống vỉa hè, thu mua ve chai, đánh giày...vv.

Tóm lại, các lý thuyết về tạo việc làm trên đây xoay quanh vấn đề giữa cung và cầu lao động dưới góc độ kinh tế học. Những lý thuyết này mặc dù không đề xuất các chính sách cụ thể để tạo việc làm cho người lao động song nó cũng mang tính chất gợi mở cho chúng ta khi phân tích thực trạng việc làm và đề ra những giải pháp phù hợp tạo việc làm cho người lao động ở Việt Nam.

### **Kết luận:**

Như vậy, có thể thấy các lý thuyết về tạo việc làm cho người lao động tương đối đa dạng. Tuy vậy, khi áp dụng vào địa bàn huyện Thạch Thất có những khác biệt mang tính đặc thù. Trong bối cảnh huyện Thạch Thất đang thực hiện quá trình chuyển dịch mạnh cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động thì việc áp dụng kết hợp lý thuyết về tạo việc làm thông qua chuyển dịch lao động giữa hai khu vực của nền kinh tế và lý thuyết về tạo việc làm bằng di chuyển lao động của Haris Todaro là sự lựa chọn phù hợp.

## **1.3. Hình thức tạo việc làm cho người lao động**

### ***1.3.1. Tạo việc làm thông qua các chương trình phát triển kinh tế - xã hội***

Tạo mở việc làm thông qua các chương trình phát triển kinh tế - xã hội là một hình thức tạo việc làm đặc biệt quan trọng. Hiện nay, các chương trình phát triển nông nghiệp, nông thôn với trọng tâm hướng vào việc: chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi, tăng cường áp dụng các thành tựu khoa học kỹ thuật

vào nông nghiệp nhằm tăng năng suất lao động, phát triển việc làm; tạo vùng nguyên liệu gắn với các cơ sở chế biến nhằm tạo việc làm ổn định cho người lao động; tăng cường đầu tư cho xây dựng cơ sở hạ tầng nông thôn nhằm tạo ra môi trường phát triển việc làm. Các chương trình đã và đang được triển khai như:

- + Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững
- + Chương trình 134, chương trình 135 (giai đoạn I, II, III)
- + Chương trình hỗ trợ giảm nghèo nhanh và bền vững đối với 61 huyện nghèo (Nghị quyết 30a)

- + Chương trình mục tiêu quốc gia về việc làm và dạy nghề
- + Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới

Các chương trình phát triển công nghiệp dịch vụ với trọng tâm hướng vào việc: phát triển các khu công nghiệp, khu công nghệ cao, khu kinh tế mở... thu hút lao động vào làm việc; phát triển các ngành dịch vụ thu hút nhiều lao động như: văn hóa, thể thao, du lịch, ngân hàng, tín dụng, viễn thông, y tế..vv.

Các chương trình, dự án đã và đang được thực hiện như:

- + Chương trình quốc gia phát triển công nghệ cao
- + Chương trình phát triển một số ngành công nghiệp công nghệ cao

Các chương trình tín dụng hỗ trợ tạo việc làm hộ gia đình là một hướng tạo việc làm hiệu quả, có tính xã hội rộng rãi. Các chương trình tín dụng, hỗ trợ vốn thường được đi kèm với đào tạo tay nghề, nghiệp vụ chuyên môn kỹ thuật, chuyển giao công nghệ, các chương trình khuyến nông, lâm, ngư. Hệ thống tín dụng có vai trò quan trọng trong tạo việc làm là tín dụng từ quỹ quốc gia về giải quyết việc làm, tín dụng từ chương trình xóa đói giảm nghèo, tín dụng nông nghiệp ( ngân hàng nông nghiệp, từ các chương trình, dự án..)

### ***1.3.2. Tạo việc làm thông qua Xuất khẩu lao động***

Xuất khẩu lao động được xem một giải pháp để giảm tỷ lệ thất nghiệp tại Việt Nam. Vì vậy việc lựa chọn xuất khẩu lao động được xem như là một

chiến lược nhằm phát triển kinh tế đất nước, giải quyết việc làm, nâng cao năng lực cho người lao động, đây là một hướng đi hoàn toàn đúng đắn của Đảng và Nhà nước. Xuất khẩu lao động còn đem lại nguồn thu ngoại tệ đáng kể cho đất nước góp phần cải thiện cán cân thanh toán quốc tế do vậy rút ngắn khoảng cách giàu nghèo giữa các nước phát triển và các nước đang phát triển. Nhà nước tạo điều kiện phát triển hoạt động xuất khẩu lao động bằng các chính sách như:

- Chính sách phát triển các doanh nghiệp xuất khẩu lao động
- Chính sách vay vốn
- Chính sách đào tạo lao động xuất khẩu
- Chính sách phát triển thị trường xuất khẩu lao động

### ***1.3.3. Đào tạo nghề gắn với tạo việc làm cho người lao động sau đào tạo***

Ngày 27 tháng 11 năm 2009, Thủ tướng Chính phủ đã ra quyết định phê duyệt đề án đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020. Mục tiêu của đề án là, bình quân hàng năm đào tạo nghề cho khoảng 1 triệu lao động nông thôn, trong đó đào tạo, bồi dưỡng 100.000 lượt cán bộ, công chức xã; Nâng cao chất lượng và hiệu quả đào tạo nghề, nhằm tạo việc làm, tăng thu nhập của lao động nông thôn; góp phần chuyển dịch cơ cấu lao động và cơ cấu kinh tế, phục vụ sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp, nông thôn; Xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức xã có bản lĩnh chính trị vững vàng, có trình độ, năng lực, phẩm chất đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ quản lý hành chính, quản lý, điều hành kinh tế - xã hội và thực thi công vụ phục vụ sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp, nông thôn.

Từ khi đưa đề án vào triển khai trong thực tế tới nay đã có hàng ngàn lao động nông thôn được đào tạo nghề. Với hai lĩnh vực đào tạo chính là nghề nông nghiệp và phi nông nghiệp, người lao động đã có cơ hội nâng cao trình độ chuyên môn, tay nghề nhằm tìm kiếm cũng như có khả năng tự

tạo việc làm để nâng cao thu nhập, góp phần xóa đói giảm nghèo, ổn định an sinh xã hội.

Như trên đã phân tích, tạo việc làm không phải là một hoạt động mà là một chuỗi các hoạt động nhằm tạo ra môi trường làm việc với nhiều vị trí việc làm và sắp xếp người lao động có trình độ chuyên môn phù hợp vào làm việc ở các vị trí đó đảm bảo mục tiêu phát triển của đất nước. Đào tạo nghề gắn với tạo việc làm là một hướng đi đúng đắn của Đảng và Nhà nước ta trong thời gian vừa qua. Thực tế thời gian qua cho thấy, để giúp người lao động có việc làm sau đào tạo, ngoài việc chú trọng đổi mới chương trình đào tạo nghề, đầu tư hệ thống trang thiết bị trong đào tạo thì một vấn đề rất quan trọng đang được chú ý trong thực hiện đề án đào tạo nghề cho người lao động đó là đào tạo theo đơn đặt hàng hay nói cách khác là đào tạo theo nhu cầu của xã hội. Với cách thức này, hàng ngàn vị trí việc làm đã được tạo ra giúp người lao động yên tâm học nghề để nâng cao chất lượng cuộc sống.

#### ***1.3.4. Tạo việc làm thông qua phát triển thị trường lao động***

Thị trường lao động là nơi cung cấp sức lao động của những người có khả năng lao động và mong muốn được làm việc trong một địa phương hoặc một quốc gia cụ thể, là điều kiện cơ bản để lao động hợp lý và tổ chức lại sức lao động. Sàn giao dịch việc làm chính là nơi để người lao động (người cần việc) và người sử dụng lao (người có việc cần thuê lao động) động gặp gỡ trực tiếp. Tại sàn giao dịch việc làm, có những trung tâm tổ chức 3-4 phiên giao dịch việc làm mỗi tuần, sẽ có nhiều doanh nghiệp đến tham dự. Phiên giao dịch việc làm làm lành lạnh, công khai minh bạch. Việc tổ chức sàn giao dịch việc làm hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động trong quá trình chấp nối việc làm chia sẻ thông tin, gặp gỡ trực tiếp doanh nghiệp. Từ đó, mỗi phiên, hàng trăm lao động được tuyển dụng vào các doanh nghiệp.

Tuy vậy, để thị trường lao động thực sự phát huy vai trò là cầu nối tạo việc làm cho người lao động, trong thời gian tới cần nâng cấp, tổ chức sàn giao dịch việc làm, có thể bằng online để thuận lợi trong việc kết nối. Hơn nữa, trung tâm tổ chức sàn theo chuyên sâu, từng lĩnh vực phù hợp với từng doanh nghiệp. Ví dụ, phiên giao dịch việc làm dành cho người khuyết tật, phiên giao dịch việc làm cho bộ đội xuất ngũ. Bên cạnh đó, việc thực hiện thu thập thông tin cung và cầu lao động cần được thực hiện nghiêm túc, nhanh chóng, chính xác, cụ thể để cung cấp thông tin nhanh nhất tới người lao động.

### ***1.3.5. Tạo việc làm thông qua khôi phục và phát triển các làng nghề và làng nghề truyền thống***

Khôi phục và phát triển các làng nghề, làng nghề truyền thống là một hình thức tạo việc làm hiệu quả ở nông thôn, nhằm tận dụng thời gian nông nhàn chưa được sử dụng hết của lao động địa phương. Các làng nghề với nhiều nghề đa dạng và phong phú, vốn đầu tư không tốn, mà giá trị mang lại không hề nhỏ, hạ tầng cơ sở không đòi hỏi cao.... Góp phần quan trọng vào việc tạo việc làm, mang lại thu nhập cho người lao động.

Thực tế cho thấy, các làng nghề hiện nay thu hút được rất nhiều lao động, mang lại nguồn thu nhập đáng kể cho người lao động, điển hình là Hà Nội, địa phương có nhiều làng nghề nhất cả nước. Theo thống kê của Sở Khoa học và Công nghệ Hà Nội, trên địa bàn hiện có 1350 làng nghề, với nhiều làng nghề nổi tiếng như: Gốm sứ Bát Tràng, Lụa Vạn Phúc, Mây tre đan Phú Vinh, làng Miến Cự Khê..v.v. Chỉ tính riêng năm 2012, các làng nghề đã thu hút 172 000 hộ sản xuất giải quyết việc làm cho 739.630 lao động, đem lại thu nhập bình quân 25 triệu đồng/ người/ năm.

### ***1.3.6. Tạo việc làm thông qua vay vốn từ Quỹ quốc gia về việc làm***

Nhằm đẩy mạnh hỗ trợ tạo việc làm cho người lao động, ngày 11 tháng 4 năm 1992, Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ) đã ban hành Nghị



quyết số 120/HĐBT về chủ trương, phương hướng và biện pháp giải quyết việc làm trong các năm tới, trong đó có quy định về việc thành lập Quỹ quốc gia về giải quyết việc làm (nay là Quỹ quốc gia về việc làm) để cho vay tín dụng ưu đãi đối với cơ sở sản xuất kinh doanh (doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ kinh doanh).

Trong giai đoạn từ năm 2008 đến năm 2015, hoạt động cho vay từ Quỹ quốc gia về việc làm được thực hiện theo quy định tại Bộ luật Lao động, Quyết định số 71/2005/QĐ-TTg ngày 05 tháng 4 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế quản lý, điều hành vốn cho vay của Quỹ quốc gia về việc làm, Quyết định số 15/2008/QĐ-TTg ngày 23 tháng 01 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 71/2005/QĐ-TTg và các văn bản hướng dẫn. Từ năm 2015 đến nay, hoạt động cho vay từ Quỹ quốc gia về việc làm được thực hiện theo quy định tại Luật Việc làm, Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09/7/2015 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm và các văn bản hướng dẫn. Các quy định pháp luật điều chỉnh hoạt động cho vay từ Quỹ quốc gia về việc làm được ban hành tương đối đầy đủ, góp phần thực hiện mục tiêu hỗ trợ tạo việc làm.

### ***1.3.7. Tạo việc làm thông qua thực hiện luân canh tăng vụ trong sản xuất nông nghiệp***

Một đặc điểm trong sản xuất nông nghiệp là thời gian nông nhàn trong chu kỳ sinh trưởng và phát triển của cây trồng và thời gian cho đất nghỉ. Đặc điểm này gây nên tình trạng thiếu việc làm ở khu vực nông thôn hay còn gọi là thất nghiệp trá hình. Để khắc phục tình trạng này thì một số địa phương đã đẩy mạnh canh tác luân canh tăng vụ. Tức là trồng xen canh, gối vụ để tăng thời gian làm việc của người nông dân trên ruộng đồng từ đó tăng năng suất và tăng thu nhập, cải thiện tình trạng thiếu việc làm ở khu vực nông thôn.

## **1.4. Các yếu tố ảnh hưởng đến tạo việc làm cho người lao động**

### ***1.4.1. Yếu tố ảnh hưởng trực tiếp***

\* *Điều kiện tự nhiên, tài nguyên quốc gia:* Đất đai, khí hậu, sông ngòi, rừng, biển, tài nguyên thiên nhiên là những điều kiện tự nhiên của mỗi quốc gia, hình thành nằm ngoài ý muốn chủ quan của con người, nó có thể đem lại những điều kiện thuận lợi hoặc khó khăn cho phát triển kinh tế, mở rộng sản xuất. Nó quyết định đến cơ cấu các ngành kinh tế và từ đó ảnh hưởng đến phân công lao động xã hội. Nước ta, về cơ bản được thiên nhiên ưu đãi, khí hậu nhiệt đới gió mùa, các loại động, thực vật rừng, biển phong phú, đa dạng, giàu tài nguyên, chúng ta có thể mở rộng, phát triển sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, công nghiệp chế biến và xuất khẩu nhiều mặt hàng nông sản, công nghiệp khai khoáng.....đó là những điều kiện thuận lợi cho tạo việc làm.

#### *\* Trình độ phát triển của công nghệ*

Mặc dù là quốc gia giàu tài nguyên song chúng ta sử dụng những tài nguyên này chưa hiệu quả. Một trong những lý do đó là chúng ta thiếu vốn và khoa học công nghệ. Trong khi các nước nghèo tài nguyên như Nhật Bản, thiên nhiên có phần khắc nghiệt với động đất, sóng thần nhưng nhờ có vốn, có khoa học công nghệ hiện đại, tiên tiến, phương pháp quản lý khoa học họ đã có lợi thế trong việc chinh phục thiên nhiên, khai thác rất hiệu quả các nguồn lợi vốn rất nghèo nàn từ thiên nhiên phục vụ cho sản xuất. Do đó, khoa học công nghệ cũng chính là một điều kiện quan trọng tạo ra việc làm và những việc làm có chất lượng cao. Tuy vậy, chính khoa học kỹ thuật và công nghệ mới sẽ tạo ra một sự thay đổi khi con người dần hướng tới việc sử dụng các công cụ, phương tiện máy móc hiện đại thay thế cho sức lao động, lao động trí óc dần thay thế cho lao động chân tay. Điều này cũng sẽ làm giảm đi

nhiều việc làm ở nhiều ngành nghề khác nhau đối với lao động chân tay và đòi hỏi thay thế bằng những lao động trí óc có chuyên môn, kiến thức.

*\* Chất lượng nguồn lao động*

Cơ chế tạo việc làm đòi hỏi sự kết hợp giữa 3 bên: người sử dụng lao động, Nhà nước và người lao động. Người lao động muốn có việc làm, có thu nhập cao thì phải đầu tư, không ngừng rèn luyện, phát triển sức lao động của mình, tham gia học tập để có khả năng thực hiện một công việc nào đó, tức là đầu tư về thể lực và trí lực, từ đó mới có thể tham gia vào thị trường lao động, tìm kiếm việc làm, đồng thời đây cũng là điều kiện để duy trì công việc và tạo cơ hội việc làm có thu nhập cao hơn.

*\* Quy mô dân số*

Dân số, lao động, việc làm và nguồn nhân lực là yếu tố quyết định đến sự phát triển kinh tế – xã hội của đất nước. Tăng trưởng dân số với tốc độ và quy mô hợp lý là nguồn cung cấp nguồn nhân lực vô giá. Tuy nhiên, nếu dân số phát triển quá nhanh, quy mô phát triển lớn vượt khả năng đáp ứng và yêu cầu của xã hội, thì tăng trưởng dân số không phải là yếu tố tích cực mà lại là gánh nặng cho vấn đề việc làm.

**1.4.2. Yếu tố ảnh hưởng gián tiếp tới tạo việc làm**

*\* Nhân tố thuộc về cơ chế chính sách của Nhà nước*

Các cơ chế chính sách kinh tế - xã hội của Chính phủ, chính quyền mỗi địa phương, các quy định của chủ các doanh nghiệp có tác động quan trọng đến tạo việc làm cho người lao động.

Các chính sách kinh tế - xã hội của Chính phủ tạo hành lang pháp lý cho các hoạt động phát triển sản xuất, chính sách có thể tác động mở rộng hoặc thu hẹp việc làm của các ngành này, lĩnh vực này hoặc ngành khác, lĩnh vực khác đồng thời tạo điều kiện cho người lao động và người sử dụng lao động gặp nhau.

Các chính sách này cũng trực tiếp hoặc gián tiếp khuyến khích các chủ sử dụng lao động thu hút các lao động đặc thù hoặc là sa thải họ.

Cơ chế, chính sách rất đa dạng và phong phú, đó có thể là các chính sách vĩ mô, hoặc các chính sách vi mô tác động tới từng lĩnh vực, từng ngành cụ thể, và có ảnh hưởng lớn đến tạo việc làm. Các chính sách vĩ mô như: chính sách đổi mới kinh tế, chuyển từ cơ chế tập trung bao cấp sang nền kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa, chính sách phát triển nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần bên cạnh thành phần nhà nước còn tạo điều kiện phát triển mạnh mẽ thành phần kinh tế tư nhân, tập thể, có vốn đầu tư nước ngoài....các chính sách này đã làm thay đổi cơ cấu kinh tế, tạo điều kiện phát triển, mở rộng các loại hình sản xuất, mở rộng thị trường lao động trong nước và cả nước ngoài tạo ra nhiều việc làm cho xã hội.

Bộ Luật Lao động nước ta chính là nền tảng, là khuôn khổ pháp lý quan trọng nhất hình thành thị trường lao động Việt Nam, cũng là công cụ quan trọng nhất điều chỉnh mối quan hệ giữa người lao động và chủ sử dụng lao động. Bằng việc công nhận “người lao động có quyền làm việc cho bất kỳ chủ sử dụng lao động nào và bất kỳ chỗ nào mà pháp luật không cấm” là nền tảng quan trọng hình thành thị trường lao động. Điều 9 Bộ luật lao động còn quy định: “ Giải quyết việc làm, đảm bảo cho mọi người có khả năng lao động đều có cơ hội có việc làm là trách nhiệm của Nhà nước, các doanh nghiệp và của toàn xã hội.

Chính sách giáo dục, đào tạo: Tiềm năng kinh tế của một đất nước phụ thuộc vào trình độ khoa học công nghệ của đất nước đó. Trình độ khoa học công nghệ lại phụ thuộc vào các điều kiện giáo dục. Giáo dục đào tạo giúp cho người lao động có đủ tri thức, năng lực, sẵn sàng đáp ứng mọi yêu cầu của công việc. Người lao động qua quá trình đào tạo sẽ có nhiều cơ hội để thực hiện các công việc mà xã hội phân công sắp xếp. Giáo dục và đào tạo là

động lực thúc đẩy, là điều kiện cơ bản để đảm bảo việc thực hiện những mục tiêu kinh tế – xã hội. Giáo dục và đào tạo nhằm vào định hướng phát triển, trước hết cung cấp cho xã hội một lực lượng lao động mới đủ về số lượng, nâng cao chất lượng và phát huy hiệu quả để đảm bảo việc thực hiện thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.

\* Tác động của công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn

Công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp nông thôn là một trong những chủ trương lớn của nhà nước nhằm tạo sự chuyển biến tích cực mọi mặt đời sống kinh tế xã hội khu vực nông thôn. Việc đầu tư xây dựng hệ thống cơ sở hạ tầng, thu hút vốn đầu tư xây dựng các khu công nghiệp đã tạo ra hàng ngàn việc làm cho người lao động, đặc biệt là lao động nông thôn từ đó tạo sự chuyển biến trong cơ cấu ngành kinh tế và cơ cấu lao động.

Tuy nhiên, để thích ứng với sự nghiệp công nghiệp hóa và thời đại công nghiệp 4.0 trong giai đoạn hiện nay, lực lượng lao động nước ta cần phải được đào tạo bài bản, có tay nghề và trình độ kỹ thuật cao.

## **1.5. Kinh nghiệm tạo việc làm ở một số địa phương**

### ***1.5.1. Kinh nghiệm tạo việc làm ở huyện Hiệp Hòa tỉnh Bắc Giang***

Hiệp Hòa là một huyện trung du của tỉnh Bắc Giang, cách thành phố Bắc Giang 30 km và cách thủ đô Hà Nội 50 km. Với lợi thế về địa bàn và giao thông thuận tiện, lại tiếp giáp với các vùng kinh tế lớn trong và ngoài tỉnh, Hiệp Hòa đã sử dụng nhiều cơ chế, chính sách nhằm tìm kiếm, thu hút, tạo điều kiện về cơ chế chính sách để phát triển kinh tế - xã hội huyện, đặc biệt là phát triển ngành công nghiệp và dịch vụ, góp phần tạo nhiều chỗ làm việc mới.

Để tạo việc làm cho người lao động, Hiệp Hòa tập trung vào các vấn đề sau:

Chuyển dịch cơ cấu sản xuất nông - lâm nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa lớn. Từ đó, chuyển dịch cơ cấu lao động sang làm việc trong ngành công nghiệp – xây dựng và dịch vụ.

Đẩy mạnh phát triển các ngành công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp tạo ra được nhiều việc làm tại chỗ.

Phát triển các doanh nghiệp vừa và nhỏ, ngành nghề dịch vụ để thu hút lực lượng lao động có chất lượng.

Thực hiện tốt công tác giáo dục - đào tạo nghề cho người lao động, dạy nghề gắn với nhu cầu của thị trường lao động trong và ngoài tỉnh.

### ***1.5.2. Kinh nghiệm tạo việc làm ở huyện Thanh Miện tỉnh Hải Dương***

Thanh Miện là một huyện đầu mối của tỉnh Hải Dương. Cách thành phố Hải Dương 30km, cách thủ đô Hà Nội hơn 50km. Huyện là đầu mối giao lưu giữa các huyện thị trong tỉnh và các tỉnh Hưng Yên, Thái bình. Do đó, Thanh Miện có vị trí rất thuận lợi cho sự phát triển kinh tế - xã hội, giải quyết tốt việc làm cho người lao động. Tận dụng vị trí địa lý thuận lợi, trong những năm qua, Thanh Miện đẩy mạnh tạo việc làm cho người lao động và đã đạt được kết quả đáng khích lệ. Để đạt được kết quả đó, công tác giải quyết việc làm của Thanh Miện tập trung vào một số vấn đề sau đây:

Thanh Miện xác định ổn định quy mô dân số, phát triển dân số phải căn cứ và xuất phát từ sự phát triển của kinh tế và khả năng tạo việc làm. Đồng thời, có các chính sách hỗ trợ cho người lao động vay vốn nhằm phát triển các làng nghề truyền thống.

Phát triển dịch vụ - việc làm: đẩy mạnh công tác tư vấn lập các dự án tạo việc làm hoặc dự án tạo thêm việc làm như tư vấn cho người lao động và người sử dụng lao động lập các dự án vay vốn với lãi suất ưu đãi để đầu tư cho sản xuất nhằm tạo mở việc làm cho người lao động, tư vấn các vấn đề luật lao động liên quan đến việc làm như: vấn đề tuyển dụng và sử dụng lao động, thỏa ước lao động tập thể, nội quy, kỷ luật lao động và các chế độ chính sách liên quan đến người lao động.

- Tăng cường xuất khẩu lao động: giải quyết việc làm theo hướng xuất khẩu lao động được nhiều nước trên thế giới áp dụng rất thành công.

### ***1.5.3. Một số bài học kinh nghiệm rút ra cho huyện Thạch Thất về tạo việc làm cho người lao động***

Để tạo việc làm cho người lao động, Thạch Thất cần tập trung vào một số vấn đề sau:

+ Đẩy mạnh việc thực hiện chính sách dân số, hàng năm rà soát dân số, thống kê số người bước vào độ tuổi lao động, trình độ lao động để có kế hoạch đào tạo, sắp xếp, bố trí, tạo việc làm cho người lao động.

+ Đẩy mạnh công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn, tăng cường hệ thống cơ sở vật chất, đội ngũ giáo viên, liên kết với các doanh nghiệp để tìm đầu ra cho học viên sau học nghề.

+ Thực hiện chính sách tín dụng giúp người lao động có cơ hội đầu tư để tạo việc làm thông qua các hình thức: phát triển kinh tế hộ, kinh tế trang trại, thành lập các hợp tác xã.

+ Yêu cầu các doanh nghiệp trên địa bàn ký cam kết giải quyết việc làm cho lao động địa phương.

+ Khôi phục và phát triển các làng nghề truyền thống để tận dụng lao động dôi dư trong nông nghiệp lúc nông nhàn.

## CHƯƠNG 2

### THỰC TRẠNG TẠO VIỆC LÀM CHO NGƯỜI LAO ĐỘNG TẠI HUYỆN THẠCH THẮT, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

#### 2.1. Khái quát điều kiện tự nhiên, điều kiện kinh tế xã hội huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội

##### 2.1.1. Khái quát điều kiện tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên huyện Thạch Thất thành phố Hà Nội

###### a) Vị trí địa lý

Ngày 29 tháng 5 năm 2008, Quốc Hội chính thức thông qua Nghị quyết số 15/2008/QH12 về việc điều chỉnh địa giới hành chính thành phố Hà Nội và một số tỉnh có liên quan. Trong đó, quyết định hợp nhất toàn bộ diện tích tự nhiên và dân số của tỉnh Hà Tây vào thành phố Hà Nội.

Trước đó, Thạch Thất là một trong 14 huyện, thành phố trực thuộc tỉnh Hà Tây. Sau khi hợp nhất, Thạch Thất là một trong số 17 huyện trực thuộc thủ đô Hà Nội. Huyện Thạch Thất nằm về phía tây, cách trung tâm Thủ đô Hà Nội 25km, phía bắc giáp huyện Phúc Thọ, phía nam giáp huyện Quốc Oai và huyện Lương Sơn tỉnh Hoà Bình; phía tây giáp huyện Ba Vì và thị xã Sơn Tây; phía đông giáp với huyện Phúc Thọ, Quốc Oai. Trên địa bàn huyện có một số tuyến đường giao thông huyết mạch như quốc lộ 21A, 32, đại lộ Thăng Long, các tuyến đường tỉnh lộ 419, 420, 446.

Với những đặc điểm về vị trí địa lý trên đây, Thạch Thất có nhiều điều kiện thuận lợi để thu hút vốn đầu tư, đẩy mạnh giao thương, trao đổi kinh tế - văn hóa với các địa phương lân cận trên địa bàn tỉnh và các tỉnh lân cận, đặc biệt là thủ đô Hà Nội.

###### b) Địa hình

Huyện Thạch Thất có địa hình đa dạng, độ cao giảm dần từ Bắc xuống Đông Nam, được phân chia vào 3 tiểu vùng chính. Bao gồm:



- *Địa hình vùng đồng bằng*: Đây là vùng nằm ở phía tả ngạn sông Tích, bao gồm 12 xã. Địa hình tương đối bằng phẳng, địa chất tương đối đồng nhất, chiếm khoảng 30% diện tích đất tự nhiên của toàn huyện. Với đặc điểm như trên, vùng đất này của huyện Thạch Thất thích hợp với sản xuất nông nghiệp như: trồng lúa, cây hoa màu, cây công nghiệp ngắn ngày.

- *Địa hình vùng bán sơn địa*: Nằm ở phía hữu sông Tích, bao gồm 8 xã. Địa hình không đồng đều với những đồi thấp xen lẫn đồng trũng. Đất đai chủ yếu nằm trên những nền đá phong hóa xen lẫn với lớp sỏi ong, tầng đất canh tác mỏng. Do đó thích hợp sử dụng khai thác vật liệu xây dựng.

- *Địa hình vùng núi*: Bao gồm 3 xã mới sát nhập từ huyện Lương Sơn tỉnh Hoà Bình. Địa hình chủ yếu là đồi núi cao, tầng đất không dày nên thích hợp với trồng rừng.

#### *c) Khí hậu*

Với đặc trưng khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa, nhiệt độ trung bình năm khoảng 23,4<sup>0</sup>C. Mùa nóng thường kéo dài từ tháng 5 đến tháng 9 hàng năm với độ ẩm không khí cao, mưa nhiều nên thường xảy ra lũ lụt, ngập úng, nhiệt độ trong mùa nóng có thể lên tới trên 38<sup>0</sup>C. Mùa lạnh kéo dài từ tháng 12 đến tháng 3 hàng năm, khí hậu hanh khô, thường xảy ra hạn hán, nhiệt độ xuống thấp dưới 18<sup>0</sup>C thấp nhất là 5<sup>0</sup>C. Khí hậu nhiệt đới gió mùa ẩm tạo cho Thạch Thất những điều kiện thuận lợi trong phát triển kinh tế nông nghiệp, đặc biệt là trồng cây hoa màu vụ đông, thực hiện biện pháp luân canh, xen canh tăng vụ. Tuy vậy, hiện tượng mưa nhiều trong mùa hạ dẫn tới tình trạng ngập úng hoa màu gây thiệt hại lớn tới sản xuất của bà con.

#### *d) Tài nguyên thiên nhiên*

- Tài nguyên đất: Tổng diện tích đất tự nhiên của huyện Thạch Thất hiện nay là 18459,1 ha, chủ yếu là vùng đồi núi thấp và đồng bằng. Trong số 18459,1 ha đất tự nhiên thì diện tích đất nông nghiệp là 8449,55 ha, chiếm

45,77%; đất phi nông nghiệp là 9120,07 ha, chiếm 49,41%. Còn lại 799,48 ha, chiếm khoảng 4,33% là đất chưa sử dụng.

Với diện tích là 8449,55 ha, đất nông nghiệp của Thạch Thất chủ yếu được sử dụng để trồng lúa (diện tích đất trồng lúa chiếm khoảng 58% diện tích đất nông nghiệp và 28% diện tích đất tự nhiên của toàn huyện). Bên cạnh diện tích đất trồng lúa, diện tích đất trồng rừng cũng chiếm tỷ lệ tương đối lớn trong diện tích đất nông nghiệp (chiếm 26,5%), phần còn lại là diện tích trồng cây lâu năm, trồng cỏ chăn nuôi và nuôi trồng thủy sản.

Mặc dù được sáp nhập về Hà Nội, song trên địa bàn huyện Thạch Thất hiện nay có tới hơn 90% dân cư sinh sống ở khu vực nông thôn. Có thể nói, đất canh tác nông nghiệp đóng vai trò quan trọng trong phát triển kinh tế của huyện. Tuy nhiên, đây cũng là một phần quỹ đất phục vụ cho quá trình đô thị hoá đang được đẩy mạnh trên địa bàn huyện. Do đó, trong thời gian tới, chính quyền địa phương cần có kế hoạch tạo việc làm, đa dạng hóa sinh kế cho người lao động khi quỹ đất nông nghiệp trở nên hạn hẹp.

- Đất phi nông nghiệp chưa sử dụng: Quỹ đất này của Thạch Thất là tương đối lớn, chiếm tỷ lệ 50% diện tích đất tự nhiên của toàn huyện. Hiện nay, số diện tích này đã được khai thác chủ yếu cho các công trình hạ tầng giao thôn, văn hoá xã hội và phát triển công nghiệp, khu công nghiệp cao và dự án Trường Đại học Quốc gia. Đất chưa sử dụng chủ yếu là đồi núi, diện tích mặt nước sông suối.

- Tài nguyên nước: Nguồn nước mặt chủ yếu trong khu vực được cung cấp bởi sông Tích, kênh dẫn nước Đồng Mô - Ngải Sơn. Bên cạnh đó còn có nguồn nước từ các suối bắt nguồn từ rừng núi Lương Sơn tỉnh Hoà Bình như suối Linh Kiều, suối Quan, suối Trắng, các suối này ngấn chủ yếu cung cấp nước vào mùa mưa. Nước mưa chủ yếu được lưu giữ trong các ao hồ, chủ yếu là các hồ thủy lợi nhỏ và vừa. Nguồn nước ngầm có độ sâu 70- 80m, lượng

nước này không lớn nhưng có chất lượng tốt. Tóm lại, huyện Thạch Thất có nguồn nước mặt khá dồi dào, là nguồn cung cấp hệ thống tưới tiêu cho hoạt động sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản và sinh hoạt của người dân.

- Tài nguyên khoáng sản: Thạch Thất không có tài nguyên khoáng sản quý hiếm, chủ yếu là đất, đá để làm vật liệu xây dựng. Đá bazan tập trung chủ yếu ở các xã Tiên Xuân, Yên Trung, Yên Bình làm vật liệu xây dựng, san lấp mặt bằng, hiện nay còn tồn tại với trữ lượng khá lớn. Đá ong tập chung chủ yếu tại các xã Bình Yên, Kim Quan, Thạch Hoà, tuy nhiên hiện nay trữ lượng còn lại rất ít do đã khai thác cạn kiệt. Đất sét tập trung ở xã Đại Đồng để sản xuất gạch ngói.

### ***2.1.2. Tình hình phát triển kinh tế huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội***

Sau khi sáp nhập về Hà Nội, Thạch Thất là huyện tiếp nhận thêm 3 xã của huyện Lương Sơn tỉnh Hòa Bình. Đến nay, huyện đã có 23 xã, thị trấn với 196 thôn. Khi được sáp nhập về Hà Nội và được mở rộng thêm về diện tích đã đặt ra cho Thạch Thất thêm cơ hội phát triển nhưng kèm theo đó là những thách thức và khó khăn. Bài toán đặt ra cho huyện là làm sao vận dụng được hết tiềm năng sẵn có để phát triển, đồng thời thu hẹp khoảng cách giữa các xã mới sáp nhập với các xã trên địa bàn. Tuy vậy, sau 10 năm sáp nhập, với sự chỉ đạo sát sao và quyết liệt của thành ủy, Hội đồng nhân dân, UBND thành phố, sự quan tâm giúp đỡ của các cơ sở, ban ngành, sự cố gắng của các cấp, ngành trong huyện thì nền kinh tế của huyện đã có bước phát triển nhanh chóng. Cơ cấu kinh tế có sự chuyển biến tích cực, giá trị công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp đạt 69,2%, thương mại - dịch vụ - du lịch đạt 22,3%, nông lâm - thủy sản đạt 8,5%.

- Công nghiệp – tiểu thủ công nghiệp: Thạch Thất đã đẩy mạnh đầu tư cơ sở hạ tầng, hoàn thiện các cụm, điểm công nghiệp. Đến nay, huyện có 1 khu công nghiệp, 7 cụm công nghiệp, trên 1.300 doanh nghiệp và trên 20.800 hộ

sản xuất kinh doanh. Phát huy và phát triển các làng nghề truyền thống, quan tâm đào tạo nghề, xúc tiến thương mại, xây dựng thương hiệu các sản phẩm làng nghề. Các làng nghề của Thạch Thất tập trung vào 2 ngành sản xuất chính là cơ kim khí và chế biến lâm sản, sản xuất đồ gỗ trang trí nội thất làm nhà cổ truyền.

- Hoạt động thương mại, dịch vụ: Được giữ vững ổn định, hệ thống thương mại, dịch vụ đã được quy hoạch, đầu tư nâng cấp đáp ứng nhu cầu trao đổi, mua bán hàng hóa phục vụ đời sống dân sinh.

- Sản xuất nông nghiệp: Được tập trung chỉ đạo phát triển theo hướng sản xuất hàng hóa hiệu quả, bền vững, trọng tâm là: quy hoạch hình thành các vùng sản xuất tập trung cây công nghiệp, lúa, cây ăn quả, rau, hoa chất lượng cao, nhằm phát huy lợi thế so sánh của địa phương; quan tâm đầu tư cơ sở hạ tầng kỹ thuật phục vụ phát triển nông nghiệp; đẩy mạnh chuyển giao và ứng dụng tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất. Vì vậy, sản xuất nông nghiệp trên địa bàn huyện 4 năm qua đã có bước phát triển vượt bậc, năng suất, sản lượng cây trồng hàng năm đều tăng (năng suất lúa bình quân đạt 13,8 tạ/ha năm 2017. Toàn huyện có 52 trang trại chăn nuôi tập trung xa khu dân cư, 115 mô hình chuyển đổi sản xuất nông nghiệp. Nhiều mô hình đã mang lại hiệu quả kinh tế cao như mô hình trồng hoa Ly ở Đại Đồng, Yên Bình, thu nhập từ 2,5 - 2,8 tỷ đồng/năm, mô hình chăn nuôi lợn rừng ở Tiên Xuân cho thu nhập 15 tỷ đồng/năm, mô hình trồng lúa kết hợp chăn nuôi đạt từ 180 - 250 triệu đồng/năm.

### **2.1.3. Đặc điểm dân cư và nguồn lao động huyện Thạch Thất**

#### *\* Đặc điểm dân cư*

Đến nay, trên địa bàn huyện Thạch Thất có 23 xã và thị trấn với tổng số 196 thôn. Theo số liệu thống kê, huyện Thạch Thất có dân số đông, nguồn lao động dồi dào, được thể hiện trong bảng số liệu dưới đây:



**Bảng 2.1: Cơ cấu dân số chia theo giới tính và khu vực sinh sống  
huyện Thạch Thất giai đoạn 2014 – 2018**

Năm	Tổng số dân		Theo giới tính				Khu vực sinh sống			
			Nam		Nữ		Thành thị		Nông thôn	
	Người	%	Người	%	Người	%	Người	%	Người	%
2014	201050	100	103340	51,0	97710	49,0	9248	4,6	19180	95,4
2015	203280	100	104690	51,2	98590	48,8	10367	5,1	192912	94,9
2016	205408	100	104553	51,5	100855	48,5	11502	5,6	193905	94,4
2017	207608	100	105258	51,6	102350	48,4	12041	5,8	195566	94,2
2018	209948	100	107704	51,8	102244	48,2	12596	6,0	197351	94,0

(Nguồn: Phòng LDTBXH huyện Thạch Thất)

Nhìn vào số liệu Bảng 2.1 cho thấy, Thạch Thất là huyện có dân số đông, từ năm 2014 đến năm 2018, trung bình mỗi năm dân số huyện Thạch Thất tăng lên trên 2000 người.

Cơ cấu giới cho thấy, tỷ lệ nam giới lớn hơn tỷ lệ nữ giới và có xu hướng tăng dần trong một vài năm trở lại đây. Nếu như năm 2014, tỷ lệ nam giới là 51,0% thì đến năm 2018 là 51,8%. Tỷ lệ nữ giới giảm dần từ 49,0% năm 2014 xuống còn 48,2% năm 2018. Có thể nói, sự mất cân bằng giới tính nam và nữ không chỉ xảy ra ở Thạch Thất mà còn là một thực tế của nước ta hiện nay.

Bảng 2.1 cũng cho thấy, trên địa bàn huyện Thạch Thất hiện nay, dân số chủ yếu tập trung sinh sống ở khu vực nông thôn với hơn 90%. Tuy vậy, tỷ lệ dân số sinh sống ở khu vực thành thị và nông thôn từ năm 2014 đến năm 2018 có sự biến động, tỷ lệ dân thành thị tăng từ 4,6% năm 2014 lên 6,0% năm 2018, tỷ lệ dân số sinh sống ở khu vực nông thôn có xu hướng giảm dần từ 95,4% năm 2014 xuống còn 94,0% năm 2018. Có thể nói, với việc thành lập các khu cụm công nghiệp trong thời gian qua không chỉ tạo ra sự thay đổi

bộ mặt hệ thống cơ sở hạ tầng mà còn kéo nhiều lao động khu vực nông thôn của huyện cũng như các địa phương khác về đây làm việc. Do đó, tỷ lệ dân thành thị có xu hướng tăng lên.

- Về cơ cấu dân số huyện Thạch Thất theo độ tuổi

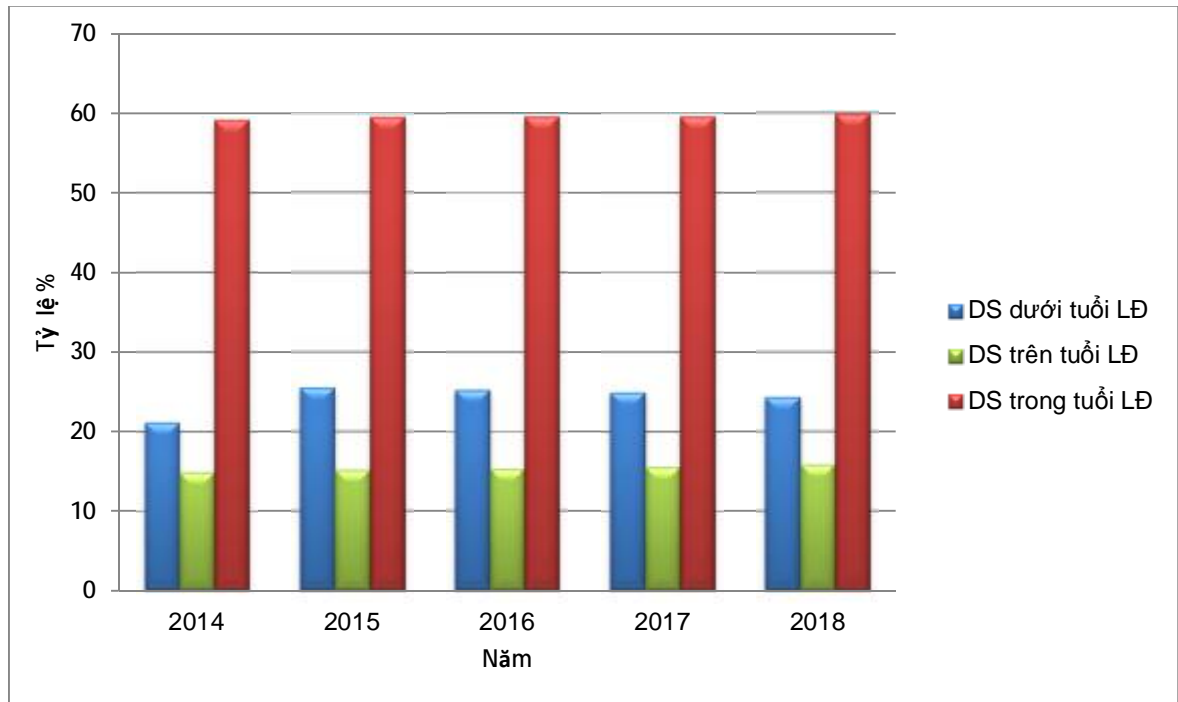
**Bảng 2.2: Cơ cấu dân số huyện Thạch Thất giai đoạn 2014 – 2018**

Năm	DS dưới tuổi lao động		DS trong tuổi lao động		DS trên tuổi lao động		Tổng số dân	
	Người	(%)	Người	(%)	Người	(%)	Người	(%)
2014	52474	26,1	118748	59,1	29928	14,8	201050	100
2015	51836	25,5	120831	59,4	31063	15,1	203280	100
2016	51762	25,2	122375	59,5	31271	15,3	205408	100
2017	51694	24,9	123862	59,6	32052	15,5	207608	100
2018	51017	24,3	125758	59,9	33171	15,8	209948	100

(Nguồn: Phòng LĐTĐ huyện Thạch Thất)

Bảng 2.2 cho thấy, Thạch Thất có nguồn lao động khá dồi dào. Số người trong độ tuổi lao động cao, chiếm tới 59% tổng số dân và có xu hướng tăng dần qua các năm. Nếu như năm 2014, số người trong độ tuổi lao động chiếm 59,1% thì đến năm 2018 là 59,9%, dự kiến tới năm 2020 số người trong độ tuổi lao động là 60%, bình quân mỗi năm có 2173 người bước vào độ tuổi lao động.

Số người dưới tuổi lao động chiếm gần 30% tổng số dân. Tuy vậy, trong một vài năm trở lại đây tỷ lệ này có xu hướng giảm dần. Nếu như năm 2014 số người dưới độ tuổi lao động chiếm 26,1% dân số thì đến năm 2018 là 24,3%. Số người trên tuổi lao động chiếm khoảng 14% tổng số dân, song tỷ lệ này có xu hướng tăng dần qua các năm. Nếu như năm 2014 có 14,8% dân số trên độ tuổi lao động thì năm 2018 con số này là 15,8%



**Biểu 2.1: Cơ cấu dân số huyện Thạch Thất giai đoạn 2014 – 2018**

(Nguồn: Phòng LDTBXH huyện Thạch Thất)

Mặc dù quy mô dân số tăng, số người bước vào độ tuổi lao động và bước ra độ tuổi lao động tăng song số người dưới tuổi lao động lại có xu hướng giảm dần. Điều đó chứng tỏ dân số huyện Thạch Thất đang có xu hướng già hóa. Điều này đòi hỏi Hà Nội nói chung và huyện Thạch Thất nói riêng cần có kế hoạch sắp xếp, giải quyết việc làm phù hợp cho lực lượng lao động mới, đào tạo nguồn lao động kế cận có chất lượng cao. Đối với nhóm người cao tuổi, ngoài việc chú ý thực hiện chính sách phúc lợi cho nhóm người cao tuổi, trong thời gian tới chính quyền các cấp nên chăng cần có các biện pháp tạo việc làm phù hợp cho nhóm lao động này để không gây lãng phí nguồn nhân lực.

*\* Đặc điểm lao động huyện Thạch Thất*

- Cơ cấu lao động huyện Thạch Thất theo trình độ học vấn giai đoạn 2014 - 2018



Trình độ học vấn của người lao động huyện Thạch Thất ngày càng được nâng cao. Bảng 2.3 cho thấy, tỷ lệ người lao động chưa từng đi học, chưa tốt nghiệp tiểu học và tốt nghiệp tiểu học ngày càng giảm. Tỷ lệ người chưa từng đi học giảm từ 4,2% năm 2014 xuống còn 2,6% năm 2018. Tỷ lệ người có trình độ học vấn tốt nghiệp THCS và THPT ngày càng tăng. Tỷ lệ tốt nghiệp THCS tăng từ 38,9% năm 2014 lên 40,6% năm 2018. Tỷ lệ người tốt nghiệp THPT tăng từ 36,8% năm 2014 lên 40,6% năm 2018. Trình độ học vấn của người lao động ngày một nâng cao là điều kiện thuận lợi cho chính quyền địa phương thực hiện có hiệu quả kế hoạch nâng cao chất lượng nguồn nhân lực.

**Bảng 2.3: Cơ cấu lao động theo trình độ học vấn huyện Thạch Thất giai đoạn 2014 – 2018 (ĐVT:%)**

Chỉ tiêu	Năm				
	2014	2015	2016	2017	2018
Chưa từng đi học	4,2	4,0	3,8	3,5	2,6
Chưa tốt nghiệp tiểu học	7,6	7,2	7,1	6,8	6,5
Tốt nghiệp tiểu học	12,5	10,8	10,6	10,2	9,8
Tốt nghiệp THCS	38,9	39,1	39,3	39,5	40,5
Tốt nghiệp THPT	36,8	38,9	39,2	40,0	40,6
<i>Lao động trong độ tuổi</i>	<i>100</i>	<i>100</i>	<i>100</i>	<i>100</i>	<i>100</i>

(Nguồn: Quy hoạch phát triển nhân lực huyện Thạch Thất giai đoạn 2014 - 2018)

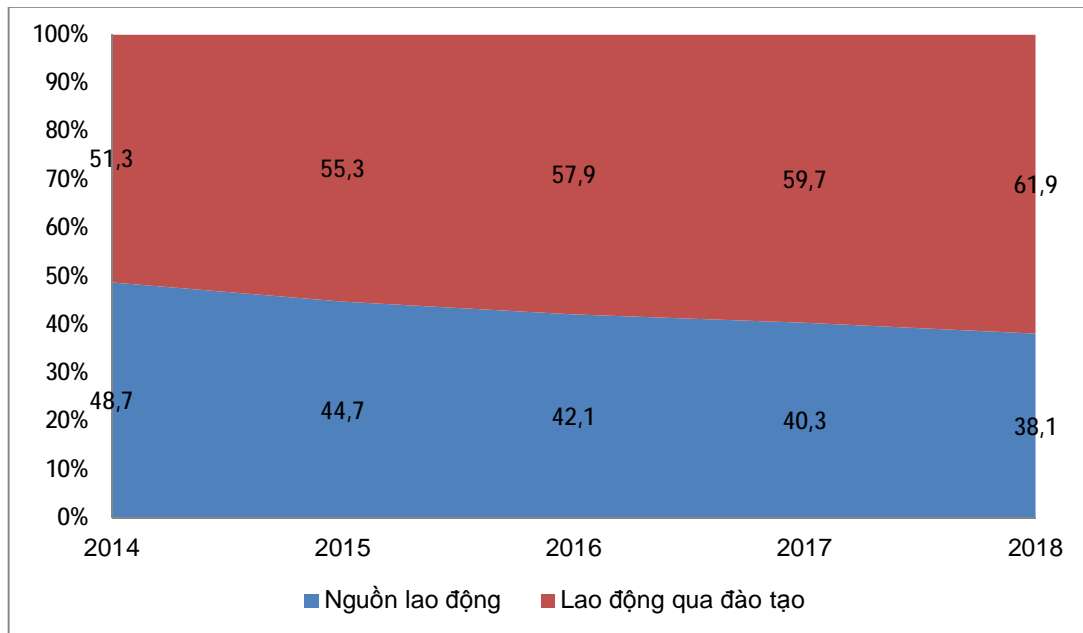
Là một huyện ngoại thành Hà Nội, trong những năm gần đây, Thạch Thất không chỉ là địa phương phát triển mạnh về kinh tế mà vấn đề giáo dục đào tạo cũng không ngừng được đầu tư phát triển. Số học sinh, sinh viên tốt nghiệp các trường đại học, cao đẳng và trung học chuyên nghiệp ngày càng tăng làm tăng số lao động qua đào tạo. Bên cạnh đó, từ khi huyện Thạch Thất triển khai thực hiện đề án 1956 về đào tạo nghề cho lao động nông thôn, mỗi

năm có hàng trăm lao động tham gia đào tạo đã làm cho lực lượng lao động qua đào tạo ở địa phương này tăng lên nhanh chóng. Bảng 2.4 cho thấy, nếu như năm 2014, tỷ lệ lao động qua đào tạo chiếm 51,3% thì đến năm 2018 tỷ lệ này là 61,9%. Lực lượng lao động chưa qua đào tạo giảm dần nhưng còn chiếm tỷ lệ cao. Năm 2018, còn 39,1% lực lượng lao động chưa qua đào tạo, lực lượng này chủ yếu tập trung ở khu vực nông thôn.

**Bảng 2.4: Lao động qua đào tạo huyện Thạch Thất giai đoạn 2014 – 2018**

Năm	Tổng số dân	Nguồn lao động		Lao động qua đào tạo	
		Người	(%)	Người	(%)
2014	201050	118748	100	60917	51,3
2015	203280	120831	100	66819	55,3
2016	205408	122375	100	70855	57,9
2017	207608	123862	100	73945	59,7
2018	209948	125758	100	77844	61,9

(Nguồn: Phòng LDTBXH huyện Thạch Thất)



**Biểu 2.2: Lao động qua đào tạo huyện Thạch Thất giai đoạn 2014 – 2018**

(Nguồn: Phòng LĐTBXH huyện Thạch Thất)

Tuy lực lượng lao động qua đào tạo tăng lên song cơ cấu đào tạo chưa hợp lý. Theo thống kê hiện nay, số lao động qua đào tạo có trình độ sơ cấp, công nhân kỹ thuật: 32.740 người chiếm 49%; trình độ trung cấp: 18.910 người chiếm 28,3%; trình độ cao đẳng, đại học, trên đại học: 15.168 người chiếm 22,7%.

Có thể nói, hiện nay, Việt Nam nói chung và Thạch Thất nói riêng vẫn là thị trường hấp dẫn với các nhà đầu tư nước ngoài bởi nền chính trị ổn định với nguồn lao động dồi dào, giá nhân công rẻ. Việc thu hút vốn đầu tư nước ngoài xây dựng các khu cụm công nghiệp và trung tâm thương mại đã giải quyết việc làm cho hàng ngàn người lao động. Tuy vậy, trước tác động của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0, với những đặc điểm trên đây, lực lượng lao động Việt Nam nói chung và lao động huyện Thạch Thất nói riêng sẽ phải đối mặt với nhiều thách thức, trong đó có tình trạng mất việc làm do sự xuất hiện của các dây chuyền sản xuất tự động và robot. Vì vậy, trong thời gian tới cần chú trọng trang bị kiến thức và kỹ năng cần thiết để người lao động có thể tìm kiếm được việc làm cũng như nâng cao tay nghề nhằm đáp ứng yêu cầu của công việc trong giai đoạn mới.

## **2.2. Tình trạng việc làm của người lao động trên địa bàn huyện Thạch Thất, Thành phố Hà Nội**

Theo số liệu điều tra, tình trạng việc làm của người lao động huyện Thạch Thất giai đoạn 2014 – 2018 (Bảng 2.5) cho thấy, tỷ lệ người lao động có việc làm rất lớn, chiếm hơn 90% tổng số lượng lao động toàn huyện và có xu hướng tăng dần qua các năm. Nếu như năm 2014, tỷ lệ người có việc làm là 92,3% thì năm 2018 là 95,1%.

Tỷ lệ người có việc làm mới tăng, tỷ lệ người không có việc làm và thiếu việc làm tuy có giảm song còn tương đối cao. Năm 2014 còn 7,7% số lao động thất nghiệp và thiếu việc làm, năm 2018 giảm nhẹ còn 4,9%. Nhóm

người lao động không có việc làm bao gồm một bộ phận học sinh, sinh viên đã tốt nghiệp nhưng chưa tìm kiếm được việc làm. Đây là nhóm lao động trẻ tuổi và chiếm tỷ lệ lớn nhất trong nhóm lao động thất nghiệp ở Thạch Thất hiện nay, bởi lẽ, tính chất lao động của nhóm này là năng động, thích nhảy việc để thử sức những công việc mới với mức lương hấp dẫn hơn; nhóm người lao động bị thu hồi đất nông nghiệp ở khu vực nông thôn mà chưa chuyển đổi sang các ngành nghề phi nông nghiệp do thiếu vốn, kỹ năng, lao động trên 35 tuổi (nhóm này thường không đủ điều kiện tuyển dụng vào làm việc trong các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài); Nhóm lao động nữ trên 35 tuổi bị sa thải do bị buộc phải nghỉ việc hoặc tự bỏ việc với lý do chính là do cơ cấu lại sản xuất, hoặc tự nghỉ do không chịu được điều kiện làm việc khắc nghiệt. Sau khi bị sa thải, đa phần người lao động làm công việc tự do, buôn bán, công việc nội trợ gia đình, làm ruộng và bán hàng rong. Có thể nói sa thải lao động nữ lớn tuổi là vấn đề nghiêm trọng, nếu không giải quyết tốt sẽ ảnh hưởng không nhỏ đến thị trường lao động cũng như các vấn đề an sinh xã hội.

**Bảng 2.5: Tình trạng việc làm của người lao động huyện Thạch Thất giai đoạn 2014 – 2018**

Năm	Tổng số lực lượng lao động		Có việc làm		Thất nghiệp, thiếu việc làm	
	Người	(%)	Người	(%)	Người	(%)
2014	109604	100	101164	92.3	8440	7.7
2015	109841	100	102701	93.5	7140	6.5
2016	110042	100	103219	93.8	6823	6.2
2017	110252	100	104739	95	5513	5
2018	110527	100	105111	95.1	5416	4.9

(Nguồn: Phòng LDTBXH huyện Thạch Thất)



### 2.2.2. Việc làm chia theo ngành kinh tế

Từ khi sáp nhập về Hà Nội bộ mặt kinh tế xã hội huyện Thạch Thất có nhiều khởi sắc. Theo số liệu thống kê cho thấy, từ năm 2010 đến năm 2018, Thạch Thất đã được đầu tư 1051 dự án với số vốn hơn 5900 tỷ đồng. Riêng 3 xã mới sáp nhập từ huyện Lương Sơn tỉnh Hòa Bình là Yên Trung, Yên Bình, Tiến Xuân đã thực hiện các dự án với kinh phí 735 tỷ đồng. Bên cạnh đó, với thế mạnh là huyện có nhiều làng nghề truyền thống như nghề mộc, cơ khí, kim khí, chế biến lâm sản, huyện đã nhân rộng các mô hình làng nghề truyền thống này và phát triển thêm những nghề mới.

Những kết quả đạt được trong lĩnh vực công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và thương mại, dịch vụ đã tạo sự chuyển biến về cơ cấu kinh tế theo hướng tăng dần tỷ trọng các ngành công nghiệp, thương mại - dịch vụ và giảm dần tỷ trọng ngành nông nghiệp. Sự chuyển dịch này đã tạo thêm nhiều việc làm mới cho người lao động, từ đó, tạo sự chuyển biến rõ rệt trong cơ cấu lao động. Điều này được thể hiện trong số liệu tại Bảng 2.6 dưới đây:

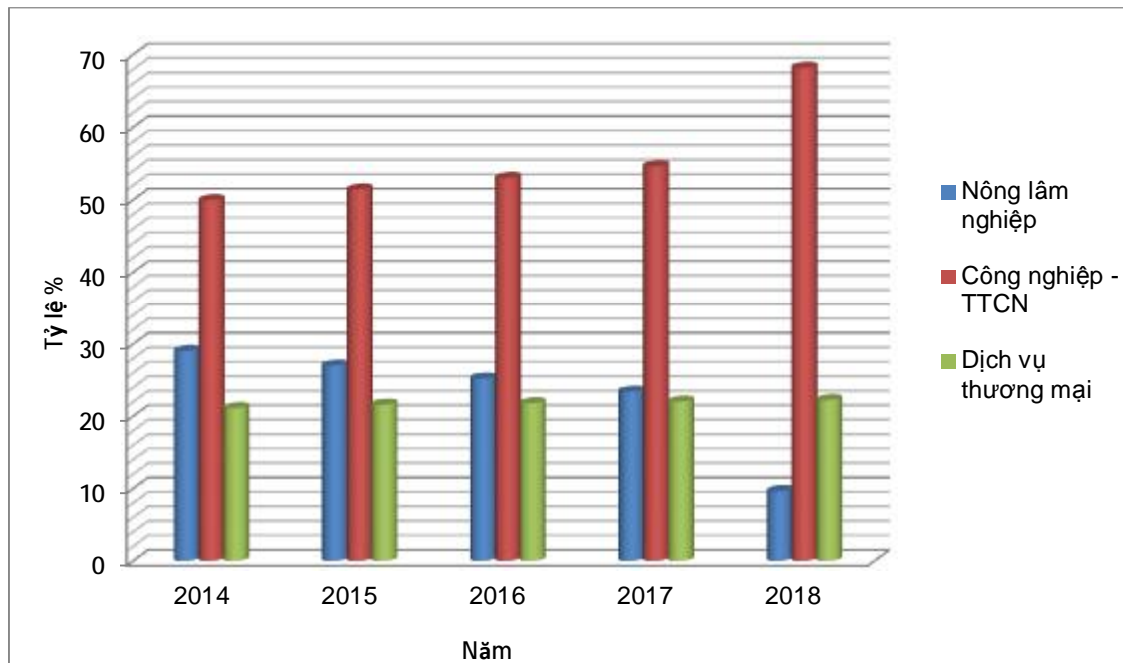
**Bảng 2.6: Cơ cấu lao động chia theo ngành nghề huyện Thạch Thất giai đoạn 2014 – 2018 (ĐVT: %)**

Năm	Lao động Đang làm việc trong các ngành kinh tế		Nông – Lâm nghiệp		Công nghiệp, TTCN		Dịch vụ, TM	
	Người	(%)	Người	(%)	Người	(%)	Người	(%)
2014	109604	100	31785	29	54692	49.9	23126	21.1
2015	109841	100	29657	27	56458	51.4	23726	21.6
2016	110042	100	27731	25.2	58322	53	23989	21.8
2017	110252	100	25799	23.4	60198	54.6	24255	22
2018	110527	100	22658	20.5	62006	56.1	25863	23.4

(Nguồn: Phòng LĐTBXH huyện Thạch Thất)

Nhìn vào số liệu trong Bảng 2.6 ta thấy, số lao động làm việc trong lĩnh vực nông – lâm nghiệp giảm từ 29,0% năm 2014 xuống còn 20,5% năm 2018. Trung bình mỗi năm giảm hơn 2%. Sở dĩ có điều này là do tác động của quá trình công nghiệp hóa, nhiều diện tích đất nông nghiệp bị thu hồi phục vụ xây dựng các khu cụm công nghiệp, trung tâm thương mại, hạ tầng giao thông. Do đó, nhiều hộ dân phải chuyển đổi từ làm nông nghiệp sang các ngành nghề phi nông nghiệp.

Lực lượng lao động làm việc trong lĩnh vực công nghiệp – tiểu thủ công nghiệp cao nhất và tăng dần qua các năm, từ 49,9% năm 2014 lên 56,1% năm 2018. Số lao động làm việc trong lĩnh vực dịch vụ - thương mại cũng có xu hướng tăng dần, từ 21,1% năm 2014 lên 23,4% năm 2018.



**Biểu 2.3: Cơ cấu lao động chia theo ngành nghề huyện Thạch Thất giai đoạn 2014 – 2018**

### **2.3. Thực trạng tạo việc làm mới cho người lao động tại huyện Thạch Thất giai đoạn 2014 - 2018**

#### **2.3.1. Xây dựng kế hoạch tạo việc làm cho người lao động tại huyện Thạch Thất giai đoạn 2014 – 2018**

Để giúp người lao động có việc làm, từ tháng 5 đến tháng 7 hàng năm, Phòng LĐTBXH huyện Thạch Thất phối hợp với UBND các xã, thị trấn tổ chức điều tra thu thập xử lý thông tin cung lao động tại các hộ gia đình trên địa bàn huyện.

Từ tháng 6 đến tháng 8 hàng năm, Phòng LĐTBXH phối hợp với Chi cục thuế, Chi cục thống kê điều tra tình hình sử dụng lao động và nhu cầu tuyển dụng tại các doanh nghiệp đóng trên địa bàn, khuyến khích và tạo điều kiện cho các doanh nghiệp ưu tiên tuyển dụng lao động là người của huyện vào làm việc.

Sau khi tổ chức điều tra về cung và cầu lao động, tháng 8 hàng năm, Phòng LĐTBXH phối hợp với các doanh nghiệp, UBND các xã, thị trấn tổ chức Hội chợ việc làm nhằm tạo điều kiện cho người lao động có cơ hội gặp gỡ các doanh nghiệp để tìm kiếm việc làm. Mặt khác, tạo điều kiện để các doanh nghiệp tìm kiếm nguồn lao động. Kế hoạch tạo việc làm cho người lao động huyện Thạch Thất từ năm 2014 đến năm 2018 được thể hiện cụ thể như sau:

Năm 2014, số việc làm mới được tạo ra là 430 người.

Năm 2015, số việc làm mới được tạo ra là 450 người.

Năm 2016, số việc làm mới được tạo ra là 420 người.

Năm 2017, số việc làm mới được tạo ra là 445 người.

Năm 2018, số việc làm mới được tạo ra là 635 người.

Để đạt được mục tiêu tạo việc làm đã đề ra, UBND huyện giao cho Phòng LĐTBXH phối kết hợp với các phòng, ban trực thuộc UBND và



UBND các xã, thị trấn triển khai thực hiện đồng bộ các giải pháp tạo làm cho người lao động.

### **2.3.2. Tạo việc làm thông qua phát triển kinh tế**

#### **\* Sản xuất công nghiệp**

Trong những năm gần đây, huyện Thạch Thất đẩy mạnh hoạt động xúc tiến thu hút đầu tư phát triển hoạt động sản xuất công nghiệp. Huyện đã hoàn thành xây dựng Cụm công nghiệp Hữu Bằng có quy mô 25ha, Cụm công nghiệp Dị Nậu có quy mô 9,83ha với tổng vốn đầu tư là hơn 500 tỷ đồng, bao gồm các ngành nghề công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp phù hợp với quy hoạch phát triển công nghiệp và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

Việc xây dựng các cụm công nghiệp một mặt tạo mặt bằng sản xuất với hệ thống hạ tầng kỹ thuật đồng bộ để di dời các cơ sở sản xuất của các doanh nghiệp vừa và nhỏ, hợp tác xã, cơ sở sản xuất hộ gia đình từ đó khắc phục tình trạng gây ô nhiễm môi trường trong khu dân cư mặt khác tạo thêm nhiều vị trí việc làm mới cho người lao động.

Thật vậy, từ năm 2014 đến năm 2018 quy mô lao động làm việc trong khu cụm công nghiệp ngày càng tăng. Bảng 2.7 cho thấy, năm 2014 có 112 lao động được tuyển dụng vào làm việc trong các khu công nghiệp, năm 2015 là 124 lao động, năm 2016 là 115 lao động, năm 2017 là 95 lao động và năm 2018 là 210 lao động. Làm việc trong khu công nghiệp giúp NLD có thu nhập ổn định, nâng cao chất lượng cuộc sống.

Tuy vậy, xét về giới, lực lượng lao động là nữ giới vào làm việc trong các doanh nghiệp lớn hơn nam giới và có xu hướng ngày càng tăng. Nếu như năm 2014 tỷ lệ lao động nữ vào làm việc trong doanh nghiệp là 59,3% thì đến năm 2018 chiếm tỷ lệ 61,5%. Nguyên nhân của tình trạng này là do đặc điểm và tính chất công việc trong các nhà máy chủ yếu là sản xuất mặt hàng may mặc và điện tử, chi tiết nhỏ, yêu cầu sự cẩn thận và tỷ mỉ của nữ giới.

**Bảng 2.7: Số lao động được tạo việc làm mới trong các KCN huyện Thạch Thất giai đoạn 2014 – 2018**

Chỉ tiêu	Năm				
	2014	2015	2016	2017	2018
Số lao động được tạo việc làm mới trong các KCN	112	124	115	95	210
Tỷ lệ %	100	100	100	100	100
Lao động nữ	66	74	69	57	129
Tỷ lệ %	59,3	59,7	60,1	60,4	61,5

(Nguồn: Phòng LĐTBXH huyện Thạch Thất)

*\* Phát triển làng nghề truyền thống*

Được sự quan tâm chỉ đạo sát sao của trung ương, thành ủy, hội đồng nhân dân và UBND huyện Thạch Thất đã tận dụng lợi thế, phát huy tiềm năng sẵn có của địa phương đẩy mạnh thu hút vốn đầu tư xây dựng các cụm công nghiệp làng nghề. Từ năm 2014 đến năm 2018, UBND huyện đã tập trung chỉ đạo các xã, chủ đầu tư thực hiện bàn giao các cụm công nghiệp làng nghề về Ban quản lý dự án. Hiện nay đã cơ bản hoàn thành công tác bàn giao 7 cụm công nghiệp làng nghề: cụm công nghiệp Cơ kim khí; Đồ mộc Phùng Xá, Cụm công nghiệp Bình Phú, Bình Phú I, Chàng Sơn, Kim Quan, Đám Sào Canh Nậu. Bên cạnh đó, UBND huyện cũng hướng dẫn các xã thực hiện quy trình xét duyệt, thẩm định giao đất, cho thuê tại các cụm công nghiệp làng nghề như: Cụm công nghiệp Bình Phú I giai đoạn 2; Cụm công nghiệp Chàng Sơn giai đoạn 2; Cụm công nghiệp Di Nậu; Cụm công nghiệp Hữu Bằng; Cụm công nghiệp Hương Ngải. Hiện toàn huyện hiện có 59 làng nghề với 14.400 hộ sản xuất kinh doanh, thu hút hơn 37.000 lao động nông thôn.

Hữu bằng là một trong những địa phương thu hút nhiều lao động nhiều nhất trên địa bàn huyện Thạch Thất. Từ khi có nghề đến nay, nghề mộc và may của xã ngày càng phát triển cả về số lượng và chất lượng, hàng năm thu

hút hàng ngàn lao động, tạo công ăn việc làm cho nhiều lao động trong xã và một số xã lân cận góp phần tăng thu nhập gia đình, thúc đẩy nền kinh tế làng nghề phát triển bền vững. Số lao động làm nghề là 5.742/7.818 lao động trên địa bàn xã. Các mặt hàng sản xuất chủ yếu ở đây là bàn, ghế, tủ, kệ, giường, ghế sofa, bàn kính... Các sản phẩm đa phần đều được sản xuất từ gỗ ép nên không gặp khó khăn trong việc nhập nguyên liệu, lại phong phú về mặt mẫu mã và chủng loại. Công việc sản xuất không đòi hỏi tay nghề cao, người thợ chỉ cần học nghề trong thời gian ngắn là có thể làm việc thành thạo.

Hữu Bằng chỉ là một trong số nhiều địa phương có các làng nghề truyền thống sản xuất hiệu quả, thu hút nhiều lao động địa phương, tạo thu nhập ổn định góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống cho người dân. Theo số liệu thống kê, từ năm 2014 tới nay, các làng nghề truyền thống của huyện Thạch Thất đã tạo công ăn việc làm cho rất nhiều lao động. Với đặc thù là sản xuất nghề mộc, mây tre giang đan, nghề may..v.v. với nhiều công đoạn khác nhau đã giải quyết việc làm cho cả những người dưới tuổi lao động và trên tuổi lao động – những nhóm lao động phụ, lao động kéo theo.

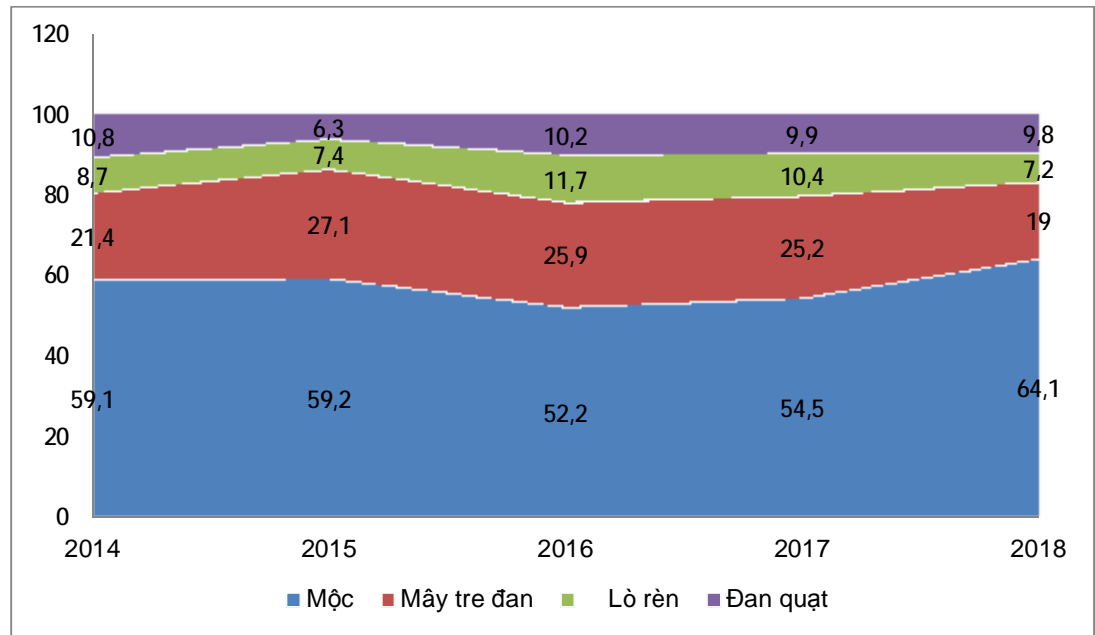
Nhìn vào số liệu trong Bảng 2.8 ta thấy, lực lượng lao động làm việc trong các cơ sở sản xuất kinh doanh, làng nghề truyền thống của địa phương này cao và tương đối ổn định. Trong đó, tỷ lệ lao động nam và nữ không có sự chênh lệch nhiều. Trong giai đoạn từ 2014 đến 2018 trung bình mỗi năm có khoảng 120 lao động vào làm việc trong cơ sở sản xuất của các làng nghề. Trong đó, nghề mộc dân dụng, mộc mỹ nghệ thu hút nhiều lao động nhất, chiếm tới hơn 50% tổng số lao động làm việc trong các làng nghề mỗi năm. Bởi lẽ, sản phẩm đồ mộc và mây tre đan ở Thạch Thất có mẫu mã đẹp, chất lượng tốt mà giá cả cạnh tranh nên hàng hóa không chỉ được ưa chuộng trong nước mà trong một vài năm trở lại đây còn xuất khẩu sang cả thị trường Châu Âu. Do đó, quy mô các làng nghề mộc và mây tre đan không những được mở rộng. Nghề rèn và đan quạt chiếm tỷ lệ nhỏ hơn do nghề rèn yêu cầu sức khỏe, trẻ, lao động nam là chủ yếu; thị trường đầu ra của nghề đan quạt còn

bấp bênh. Việc khôi phục và phát triển các làng nghề truyền thống ở Thạch Thất không chỉ là khôi phục, giữ gìn nghề truyền thống của địa phương, giữ gìn bản sắc văn hóa mà còn tạo ra hàng ngàn việc làm cho lao động nữ và lao động cao tuổi khu vực nông thôn. Công việc thủ công vừa sức.

**Bảng 2.8. Số lao động được tạo việc làm mới trong các cơ sở làng nghề huyện Thạch Thất giai đoạn 2014 – 2018**

Năm	Tổng cộng		Mộc		Mây tre đan		Lò rèn		Đan quạt	
	Người	%	Người	%	Người	%	Người	%	Người	%
2014	120	100	71	59.1	26	21.4	10	8.7	13	10.8
2015	95	100	56	59.2	26	27.1	7	7.4	6	6.3
2016	110	100	57	52.2	28	25.9	13	11.7	11	10.2
2017	138	100	75	54.5	35	25.2	14	10.4	14	9.9
2018	180	100	115	64.1	34	19.0	12	7.2	19	9.8

(Nguồn: Phòng LĐTBXH huyện Thạch Thất)



**Biểu 2.4. Số lao động được tạo việc làm mới trong các cơ sở làng nghề huyện Thạch Thất giai đoạn 2014 – 2018**

(Nguồn: Phòng LĐTBXH huyện Thạch Thất)

### **2.3.3. Thực trạng tạo việc làm thông qua xuất khẩu lao động**

Xuất khẩu lao động là một trong các hình thức tạo việc làm mang lại nguồn thu nhập cao cho người lao động. Để mọi người dân nắm được thông tin về xuất khẩu lao động, phòng LĐTBXH phối hợp với Trường đào tạo nghề xuất khẩu lao động SONA thuộc Bộ Lao động-TBXH tổ chức hội nghị tuyên truyền và tuyển dụng lao động đi làm việc tại nước ngoài đến lãnh đạo các ban ngành đoàn thể, UBND các xã, thị trấn, các thôn cụm dân cư trên địa bàn huyện. Từ năm 2014 tới năm 2018, trên địa bàn huyện Thạch Thất hình thức xuất khẩu lao động theo hợp đồng với các doanh nghiệp được phép hoạt động dịch vụ xuất khẩu lao động chiếm tới hơn 90% tổng số lao động tham gia xuất khẩu lao động. Sở dĩ, hình thức xuất khẩu lao động này chiếm đa số bởi vì thị trường xuất khẩu lao động phong phú, không yêu cầu cao về trình độ của người lao động.

Ngoài ra, còn có hình thức xuất khẩu lao động theo hợp đồng cá nhân. Người lao động đi xuất khẩu theo hình thức này chiếm số lượng ít, chủ yếu là do có người nhà bảo lãnh, giới thiệu.

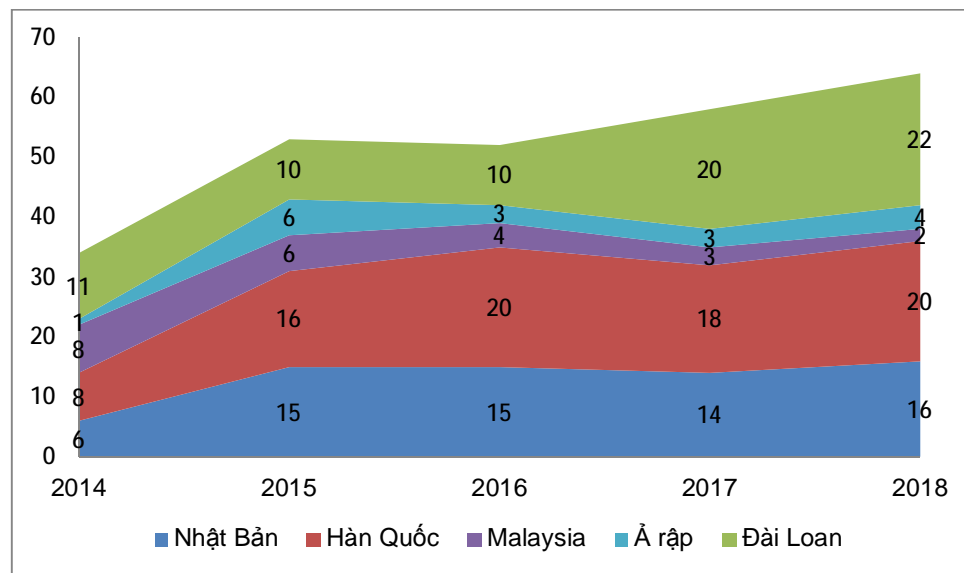
Bảng 2.9 cho thấy, trong giai đoạn từ năm 2014 đến năm 2018 đã có 256 người tham gia xuất khẩu lao động theo hình thức đi theo hợp đồng đi XKLD với các doanh nghiệp được phép hoạt động dịch vụ đi XKLD. Đối tượng tham gia xuất khẩu lao động chủ yếu sinh sống ở khu vực nông thôn, gia đình có hoàn cảnh khó khăn, ít có khả năng tìm được việc làm. Thị trường xuất khẩu lao động tương đối đa dạng, trong đó có thể thấy thị trường xuất khẩu lao động sang Malaysia, Ả rập có xu hướng giảm dần do thực tế mức thu nhập của lao động xuất khẩu ở các nước này không còn hấp dẫn nên không thu hút người nhiều lao động sang làm việc. Thị trường Nhật Bản, Hàn Quốc, Đài Loan là những thị trường xuất khẩu lao động mới, mức lương hấp dẫn, môi trường làm việc chuyên nghiệp nên trong những năm gần đây số lao

động trên địa bàn huyện sang làm việc tại các quốc gia này có xu hướng tăng dần và dự báo đây vẫn là những thị trường xuất khẩu lao động tiềm năng trong thời gian tới.

**Bảng 2.9: Tạo việc làm thông qua xuất khẩu lao động huyện Thạch Thất giai đoạn 2014 – 2018**

Năm	Tổng số	Thị trường lao động				
		Nhật Bản	Hàn Quốc	Đài Loan	Malaysia	Ả rập
2014	34	6	8	11	8	1
2015	48	15	16	10	6	6
2016	52	15	20	10	4	3
2017	58	14	18	20	3	3
2018	64	16	20	22	2	4

(Nguồn: Phòng LĐTBXH huyện Thạch Thất)



**Biểu 2.5: Tạo việc làm thông qua xuất khẩu lao động huyện Thạch Thất giai đoạn 2014 – 2018**

(Nguồn: Phòng LĐTBXH huyện Thạch Thất)

Kết quả khảo sát từ phiếu điều tra cho thấy, có 10/92 người lao động đi xuất khẩu lao động theo hình thức hợp đồng với doanh nghiệp xuất khẩu lao động. Trong đó có 4/10 lao động đi xuất khẩu tại Nhật Bản; 4/10 đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan; 2/10 lao động đi xuất khẩu tại Hàn Quốc. Sở dĩ người lao động lựa chọn đi xuất khẩu lao động tới các quốc gia này là do có mức lương hấp dẫn. Tuy vậy, có 6/10 người lao động gặp khó khăn về tài chính khi tham gia xuất khẩu lao động. Có 1/10 lao động phải về nước trước thời hạn vì lý do bất khả kháng.

Sau khi người lao động kết thúc hợp đồng lao động, phòng LĐTBXH hướng dẫn các xã, thị trấn vận động lao động của địa phương đang làm việc tại Hàn Quốc kết thúc hợp đồng lao động về nước đúng hạn để không gây ảnh hưởng đến uy tín của lao động Việt Nam tại Hàn Quốc.

#### ***2.3.4. Tạo việc làm thông qua đào tạo nghề***

Theo quan niệm truyền thống trước đây, đào tạo nghề không phải là hoạt động trực tiếp tạo ra việc làm cho người lao động nhưng là hoạt động gián tiếp giúp người lao động có điều kiện rèn luyện kỹ năng, trang bị kiến thức chuyên môn, thực hành nghề nghiệp nhằm nâng cao tay nghề, trình độ chuyên môn từ đó giúp người lao động có khả năng tự tạo việc làm hoặc tìm kiếm việc làm. Tuy nhiên, để đáp ứng yêu cầu trong tình hình mới và khắc phục tình trạng người lao động sau học nghề không tìm được việc làm, trong thời gian gần đây huyện Thạch Thất đã có nhiều đổi mới trong hoạt động đào tạo nghề tạo việc làm cho người lao động. Trong đó, nét nổi bật nhất là việc mở các ngành nghề đào tạo theo nhu cầu (nhu cầu của người học, nhu cầu của địa phương; nhu cầu của doanh nghiệp); trong đào tạo gắn lý thuyết với thực hành, đào tạo người lao động tại nơi làm việc theo phương châm cầm tay chỉ việc, do đó, số lao động có việc làm sau đào tạo chiếm tỷ lệ tương đối cao.



Với hai nhóm ngành đào tạo chính là: đào tạo nghề nông nghiệp và phi nông nghiệp với các nghề cụ thể như: sản xuất nông nghiệp theo hướng hữu cơ, trồng rau an toàn, nghề may, mộc, điện tử, sửa chữa xe máy.v.v.Từ năm 2014 tới nay, mỗi năm, huyện Thạch Thất đã mở được hàng chục lớp đào tạo nghề cho người lao động với hàng trăm học viên tham gia học nghề.

+ Năm 2014, tổng kinh phí được phân bổ đào tạo là 6,3 tỷ đồng. Trong đó, đào tạo nghề phi nông nghiệp là 3,4 tỷ đồng, đào tạo nghề nông nghiệp là 2,8 tỷ đồng.

+ Năm 2015, kinh phí đào tạo nghề cho lao động nông thôn được thành phố giao tại Quyết định số 6599/QĐ-UBND ngày 10/12/2014 là 3,4 tỷ đồng. Trong đó, đào tạo nghề phi nông nghiệp là 2,1 tỷ đồng, nghề nông nghiệp là 1,3 tỷ đồng.

+ Năm 2016, tổng kinh phí thực hiện từ ngân sách là 6,4 tỷ đồng. Trong đó, dạy nghề phi nông nghiệp cho lao động nông thôn: 3,9 tỷ đồng; dạy nghề nông nghiệp cho lao động nông thôn: 2,5 tỷ đồng.

+ Năm 2017, tổng kinh phí thực hiện từ ngân sách là 5 tỷ đồng. Trong đó, dạy nghề phi nông nghiệp cho lao động nông thôn: 2,5 tỷ đồng; Dạy nghề nông nghiệp cho lao động nông thôn: 2,5 tỷ đồng.

+ Năm 2018, kinh phí được giao là 5,8 tỷ đồng, trong đó kinh phí đào tạo nghề phi nông nghiệp là 3,3 tỷ đồng, kinh phí đào tạo nghề nông nghiệp là 2,4 tỷ đồng. Kết quả đào tạo nghề tạo việc làm cho người lao động được thể hiện trong bảng số liệu dưới đây.

**Bảng 2.10. Số lao động được tạo việc làm mới thông qua đào tạo nghề huyện Thạch Thất giai đoạn 2014 - 2018**

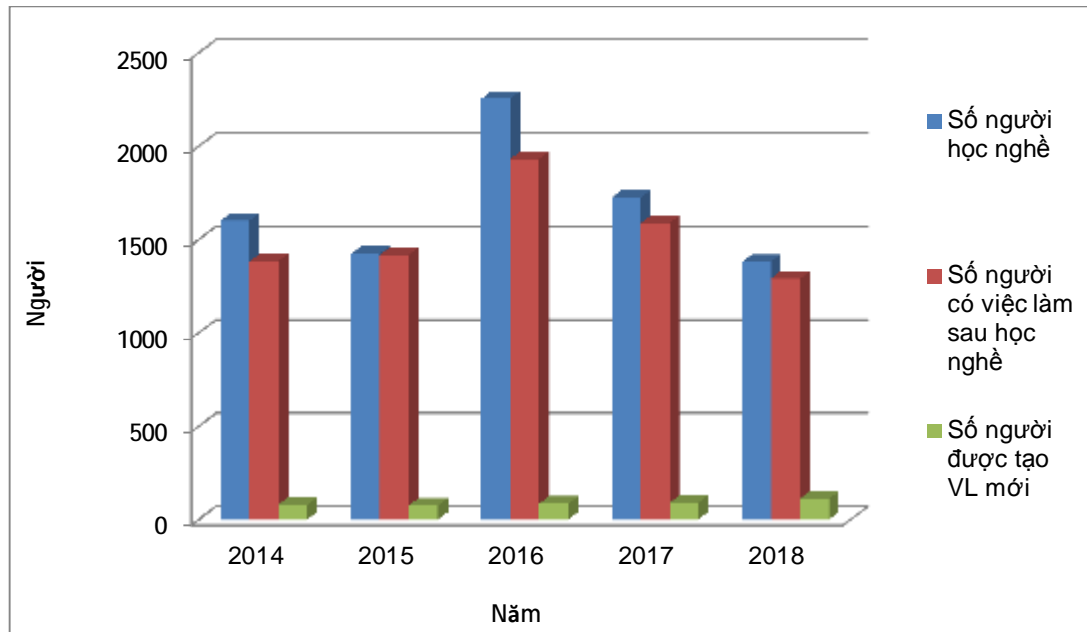
Năm	Số lớp được mở		Số học viên		Số người có VL		Số người được tạo VL mới
			Người	%	Người	%	Người
2014	NN	16	533	100	480	90,1	12
	PNN	31	1068	100	903	84,5	68
2015	NN	15	516	100	510	98,8	10
	PNN	26	907	100	907	100	65
2016	NN	27	931	100	850	91,2	9
	PNN	39	1323	100	1081	81,7	76
2017	NN	25	874	100	738	84,4	9
	PNN	25	849	100	849	100	81
2018	NN	18	540	100	478	88,5	6
	PNN	28	840	100	812	96,6	106

(Nguồn: Phòng LĐTBXH huyện Thạch Thất)

Bảng 2.10 cho thấy, từ năm 2014 đến năm 2018, hàng năm huyện Thạch Thất đều tổ chức thực hiện hàng chục lớp đào tạo nghề cho người lao động, trong đó, số lớp đào tạo nghề phi nông nghiệp chiếm đa số. Năm 2016 là năm có số lớp đào tạo nghề nông nghiệp và phi nông nghiệp cao nhất. Nhóm nghề nông nghiệp chủ yếu là các ngành nghề trồng cây lương thực, chăn nuôi gia súc, trồng hoa cây cảnh, chế biến nông lâm thủy sản. Nhóm nghề phi nông nghiệp tập trung vào các ngành nghề như: nghề mộc, mây tre đan, cơ khí, may công nghiệp, sửa chữa ô tô xe máy, chế biến món ăn...vv.

Lực lượng lao động tham gia học nghề rất đa dạng, bao gồm các đối tượng người có công với cách mạng, người dân tộc thiểu số, người thuộc hộ nghèo, người bị thu hồi đất và các đối tượng khác.

Tỷ lệ lao động qua đào tạo có việc làm tương đối cao, chiếm hơn 80% số người tham gia học nghề. Đáng chú ý, năm 2015 và 2017 tỷ lệ lao động có việc làm sau đào tạo nghề phi nông nghiệp là 100%. Trong đó, chủ yếu là người lao động có việc làm do tự tạo việc làm và được doanh nghiệp tuyển dụng.



**Biểu 2.6: Tổng số người có việc làm mới so với tổng số người học nghề, số người có việc làm sau học nghề giai đoạn 2014 – 2018**

(Nguồn: Phòng LĐTBXH huyện Thạch Thất)

Số lao động được tạo việc làm mới thông qua hoạt động đào tạo nghề hàng năm chiếm tỷ lệ khiêm tốn trong tổng số NLD tham gia học nghề. Tuy vậy, con số này có xu hướng tăng dần qua các năm. Nếu như năm 2014 số lao động mới được tạo việc làm là 80 người thì đến năm 2018 là 112 người. (Số lao động được tạo việc làm mới thông qua hoạt động đào tạo nghề trong

*bảng 2.10 là lao động trước khi tham gia học nghề chưa tham gia hoạt động kinh tế).*

### **2.3.5. Tạo việc làm thông qua vay vốn từ Quỹ quốc gia về việc làm để phát triển sản xuất**

Quỹ quốc gia về việc làm được sử dụng cho vay để tạo việc làm cho người lao động. Trên địa bàn huyện Thạch Thất, Quỹ quốc gia về việc làm được giao cho Ngân hàng Chính sách xã hội huyện quản lý và cho vay theo nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09/7/2015 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm. Việc cho vay từ Quỹ quốc gia giải quyết việc làm cần đảm bảo nguyên tắc đúng đối tượng, vì mục tiêu hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm.

*\* Đối tượng được vay vốn và lãi suất vay vốn từ Quỹ quốc gia về việc làm:*

Đối tượng được vay vốn từ Quỹ quốc gia về việc làm là doanh nghiệp nhỏ và vừa, tổ hợp tác, hợp tác xã, hộ kinh doanh; Người lao động. Hai nhóm này sẽ được vay vốn với lãi suất bằng lãi suất vay vốn đối với hộ nghèo theo từng thời kỳ do Thủ tướng Chính phủ quy định.

Đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa, tổ hợp tác, hợp tác xã, hộ kinh doanh sử dụng từ 30% tổng số lao động là người khuyết tật hoặc sử dụng từ 30% tổng số lao động trở lên là người dân tộc thiểu số hoặc sử dụng từ 30% tổng số lao động trở lên là người khuyết tật và người dân tộc thiểu số sẽ được vay vốn từ Quỹ quốc gia về việc làm với lãi suất bằng 50% lãi suất vay vốn với hộ nghèo theo từng thời kỳ.

*\* Mức vay:* Đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh, mức vay 01 dự án tối đa là 01 tỷ đồng và không quá 50 triệu đồng cho 01 người lao động được tạo việc làm.

2. Đối với người lao động, mức vay tối đa là 50 triệu đồng.

\* *Thời hạn vay vốn*: Thời hạn vay vốn không quá 60 tháng. Thời hạn vay vốn cụ thể do Ngân hàng chính sách xã hội huyện và đối tượng vay vốn thỏa thuận căn cứ vào nguồn vốn, chu kỳ sản xuất, kinh doanh và khả năng trả nợ của đối tượng vay vốn.

\* *Điều kiện bảo đảm tiền vay*: Đối với mức vay trên 50 triệu đồng từ Quỹ, cơ sở sản xuất, kinh doanh phải có tài sản bảo đảm tiền vay theo quy định của pháp luật.

\* *Lập hồ sơ vay vốn*: Người lao động, cơ sở sản xuất, kinh doanh có nhu cầu vay vốn từ Quỹ lập hồ sơ vay vốn gửi chi nhánh nơi thực hiện dự án.

Theo số liệu thống kê, tổng số vốn vay từ Quỹ Quốc gia về giải quyết việc làm của huyện Thạch Thất từ năm 2014 đến 2018 có xu hướng tăng dần cả về số lượng người tham gia vay và số vốn được vay. Tổng số vốn vay của 5 năm là 22,6 tỷ đồng. Mục đích sử dụng vốn vay tương đối đa dạng, trong đó, số hộ vay vốn sử dụng vào mục đích dịch vụ, thương mại chiếm tỷ trọng lớn nhất và có xu hướng tăng dần qua từng năm. Phần lớn, người lao động vay vốn kinh doanh buôn bán, đầu tư mở rộng cơ sở kinh doanh nghề thủ công truyền thống trong các làng nghề như mộc mỹ nghệ, mây tre đan.v.v. Đây cũng là những mảng đầu tư tạo ra nhiều công ăn việc làm cho nhiều lao động, đặc biệt có thể tạo việc làm cho cả những cao tuổi của địa phương.

Số hộ vay vốn sử dụng vào mục đích trồng trọt và chăn nuôi có xu hướng giảm dần, số hộ vay vốn đầu tư vào trồng trọt có tỷ trọng giảm dần từ 35,5% năm 2014 xuống còn 24,9% năm 2018. Tỷ trọng các hộ vay vốn đầu tư trong lĩnh vực chăn nuôi giảm từ 35,5% năm 2014 xuống còn 23,7% năm 2018. Nguyên nhân của vấn đề này được cho là sản phẩm đầu ra của trồng trọt và chăn nuôi bấp bênh, ngành chăn nuôi trong vài năm trở lại đây xảy ra nhiều dịch bệnh gây ra thiệt hại lớn cho người chăn nuôi do đó quy mô số hộ vay vốn giảm dần.

Tuy vậy, xét về tổng thể, nguồn vốn vay từ Quỹ quốc gia về việc làm đã giúp hàng trăm hộ gia đình chuyển đổi nghề nghiệp, phát triển sản xuất, kinh doanh tạo thêm việc làm, tăng thu nhập và ổn định cuộc sống. Tỷ trọng các hộ vay vốn phát triển ngành dịch vụ, thương mại tăng dần từ 28,1% năm 2014 lên 44,5% năm 2018.

Số lao động được tạo việc làm mới trong các lĩnh vực cũng tương đối cao, năm 2014 là 59 người, năm 2015 là 94 người, năm 2016 là 37 người, năm 2017 là 39 người, năm 2018 là 46 người.

**Bảng 2.11. Số lao động được tạo việc làm mới qua vay vốn từ Quỹ quốc gia về việc làm giai đoạn 2014 – 2018 (ĐVT: Người)**

Năm	Số LD vay vốn	Số tiền vay (Triệu đồng)	Sử dụng vốn vay (Số LD vay vốn)			Số lao động được tạo việc làm mới
			Trồng trọt	Chăn nuôi	Dịch vụ, thương mại	
2014	945	33145	135	135	274	59
(%)	100		35,5	35,5	28,1	
2015	820	39360	279	224	315	94
(%)	100		34,1	27,4	40,9	
2016	890	47565	283	210	372	37
(%)	100		31,8	23,6	41,9	
2017	748	49960	201	265	281	39
(%)	100		26,9	25,7	37,6	
2018	837	56742	208	198	430	46
(%)	100		24,9	23,7	44,5	

(Nguồn: Phòng LDTBXH huyện Thạch Thất)

## **2.4. Đánh giá chung về công tác tạo việc làm cho người lao động huyện Thạch Thất giai đoạn 2014 – 2018**

### **2.4.1. Những kết quả đạt được**

- Thứ nhất, trong giai đoạn 2014 – 2018, kết quả tạo việc làm hàng năm đạt tỷ lệ trên 90%.

Trong những năm qua huyện Thạch Thất đã tận dụng lợi thế, khai thác các tiềm năng về vị trí địa lý để thu hút đầu tư, khôi phục và phát triển các làng nghề truyền thống tạo công ăn việc làm cho hàng trăm lao động. Có được kết quả này một mặt là nhờ vào sự chỉ đạo sát sao của chính quyền cấp trên và sự quyết tâm thực hiện mục tiêu giải quyết việc làm của Hội đồng nhân dân, UBND và các ban ngành đoàn thể. Từ năm 2014 đến năm 2018 số việc làm mới được tạo ra so với kế hoạch trung bình đạt trên 90%, được thể hiện như sau.

**Bảng 2.12. Kết quả tạo việc làm so với kế hoạch giai đoạn 2014 - 2018**

<b>Năm</b>	<b>Kế hoạch</b>	<b>Thực hiện</b>	<b>Thực hiện/kế hoạch (%)</b>
2014	430	405	94,1
2015	450	436	96,8
2016	420	399	95,0
2017	445	420	94,3
2018	635	612	96,3

(Nguồn: Phòng LĐDTBXH huyện Thạch Thất)

- Thứ hai, các hình thức tạo việc làm cho người lao động ở huyện Thạch Thất tương đối đa dạng.

So với trước đây, hiện nay, hình thức tạo việc làm cho người lao động của huyện Thạch Thất tương đối đa dạng, bao gồm: tạo việc làm thông qua chương trình đào tạo nghề, XKLD, tạo việc làm thông qua vay vốn từ Quỹ quốc gia về việc làm, phát triển công nghiệp – tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ, phát triển làng nghề.

**Bảng 2.13: Kết quả tạo việc làm thông qua các hình thức tạo việc làm  
giai đoạn 2014 - 2018**

Năm	Các hình thức tạo việc làm										
	Tổng Cộng	Trong KCN		Trong làng nghề		Đào tạo nghề		Xuất khẩu Lao động		Quỹ QGVL	
	Người	Người	%	Người	%	Người	%	Người	%	Người	%
2014	405	112	27.6	120	29.6	80	19.7	34	8.3	59	14.5
2015	436	124	28.4	95	21.7	75	17.2	48	11.0	94	21.5
2016	399	115	28.8	110	27.5	85	21.3	52	13.0	37	9.2
2017	420	95	22.6	138	32.8	90	21.4	58	13.8	39	9.2
2018	612	210	34.3	180	29.4	112	18.3	64	10.4	46	7.5

(Nguồn: Phòng LDBXH huyện Thạch Thất)

Nhìn vào bảng số liệu 2.12 ta thấy, nhìn chung, số lao động được tạo việc làm mới từ năm 2014 đến năm 2018 huyện Thạch Thất có xu hướng tăng dần, từ 405 người năm 2014 lên 612 người năm 2018. Trong số 5 hình thức tạo việc làm thì tạo việc làm thông qua tuyển dụng người lao động vào làm việc trong các khu công nghiệp và trong các làng nghề chiếm tỷ trọng lớn nhất và có xu hướng tăng lên qua các năm.

Cụ thể, đối với tạo việc làm trong các khu công nghiệp, nếu như năm 2014 tạo việc làm mới cho 112/405 người, chiếm tỷ lệ 27,6% thì đến năm 2018 con số này là 210/612 người, chiếm tỷ lệ 34,3%. Số lao động được tạo việc làm trong các làng nghề chiếm tỷ trọng cao và tương đối ổn định trong khoảng từ 21 đến 30%. Đặc biệt, năm 2017, tỷ lệ lao động được tạo việc làm mới trong các làng nghề chiếm tỷ lệ 32,8% trong tổng số lao động được tạo việc làm mới.

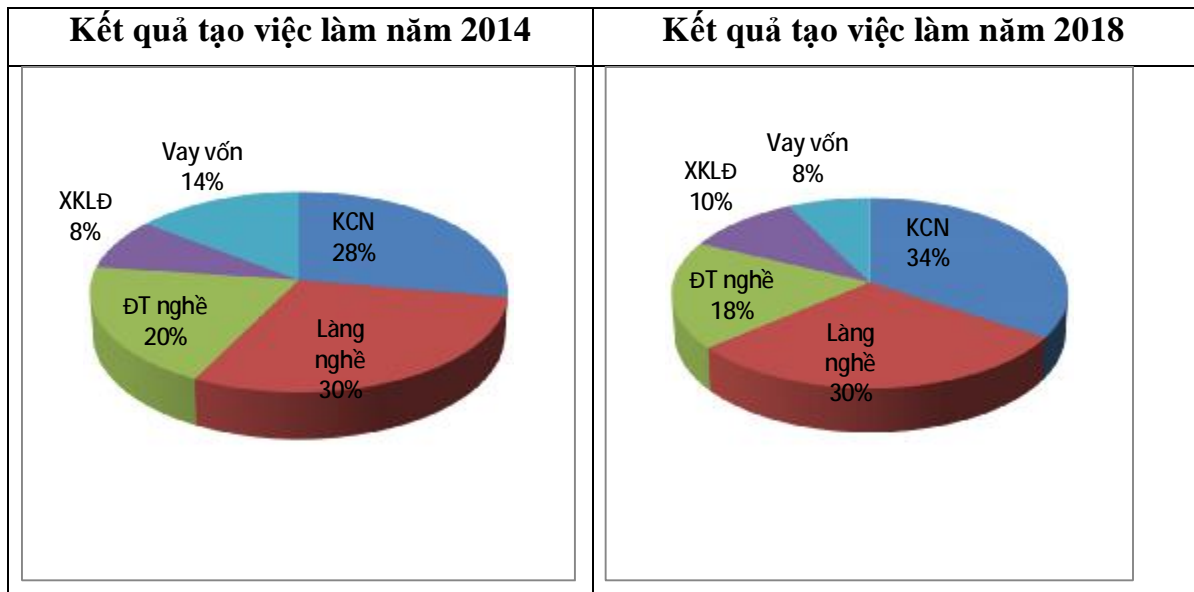
Số lao động được tạo việc làm mới thông qua hai hình thức này trong thời gian qua cho thấy chính quyền địa phương đã khai thác và phát huy được



lợi thế là huyện ngoại thành của thủ đô và lợi thế vốn là một huyện có nhiều làng nghề và làng nghề truyền thống. Với hệ thống cơ sở hạ tầng được đầu tư, xây dựng và việc hoàn thành quy hoạch di dời các cụm công nghiệp làng nghề thì không chỉ hiện tại mà trong tương lai thì đây vẫn được coi là hai lĩnh vực mũi nhọn, chiến lược trong tạo việc làm cho người lao động của huyện góp phần chuyển đổi cơ cấu ngành nghề, thực hiện quá trình công nghiệp hóa, đô thị hóa của địa phương.

Tạo việc làm thông qua đào tạo nghề chiếm tỷ trọng cao thứ ba và tương đối ổn định. Trong quá trình thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp nông thôn hiện nay, đây cũng được coi là biện pháp quan trọng để giúp người lao động của Thạch Thất nâng cao trình độ và chuyển đổi nghề nghiệp từ nông nghiệp sang các ngành nghề phi nông nghiệp.

Tạo việc làm thông qua vay vốn và xuất khẩu lao động chiếm tỷ lệ nhỏ so với các hình thức tạo việc làm khác. Do đó, trong thời gian tới cần có những biện pháp thúc đẩy hơn nữa hoạt động tạo việc làm thông qua hai hình thức này.



**Biểu 2.7: Kết quả tạo việc làm thông qua các hình thức tạo việc làm năm 2014 so với năm 2018**

*(Nguồn: Phòng LĐTBXH huyện Thạch Thất)*

*- Thứ ba, vị thế việc làm của người lao động đa dạng*

Không chỉ đa dạng về hình thức tạo việc làm mà vị thế việc làm của người lao động cũng khá đa dạng. Theo số liệu thống kê từ phòng LĐTBXH huyện Thạch Thất, trong giai đoạn 2014 -2018 vị thế việc làm của người lao động khá đa dạng, bao gồm: tự làm chủ cơ sở; tự tạo việc làm; nội trợ gia đình; làm công ăn lương và vị thế khác. Trong đó, việc tự làm chủ cơ sở chiếm tỷ trọng nhỏ nhất và không có sự biến động nhiều. Năm 2014 tỷ trọng này là 2,7% thì đến năm 2018 là 3,2%.. Nhóm việc làm này chủ yếu tập trung ở các làng nghề truyền thống có nhiều gia đình mở các cơ sở sản xuất nhỏ.

Nhóm công việc tự làm chiếm tỷ trọng cao nhất và có xu hướng giảm dần qua các năm. Năm 2014 có 3131 người, chiếm 44,7% cơ cấu lao động, năm 2018 là 2100 người, chiếm 26,3%. Nhóm công việc tự tạo bao gồm: những người làm nông nghiệp, thợ thủ công, thương nhân.

Bên cạnh nhóm công việc tự tạo, nhóm công việc làm công ăn lương cũng chiếm tỷ trọng lớn và có xu hướng tăng mạnh hơn so với các nhóm việc làm còn lại. Nếu như năm 2014 có 29,3% người lao động làm công việc làm công ăn lương thì đến năm 2018 là 47,9%. Đối với nhóm việc làm làm công ăn lương bao gồm nhóm việc làm trong khu vực nhà nước; việc làm khu vực tư nhân và có vốn đầu tư nước ngoài. Trong đó, việc làm trong khu vực nhà nước có xu hướng giảm dần do chính sách tinh gọn bộ máy, tinh giản biên chế của Nhà nước trong một vài năm gần đây. Việc làm ở hai khu vực còn lại có xu hướng tăng lên do trong vài năm trở lại đây Thạch Thất đẩy mạnh thu hút vốn đầu tư, chuyển dịch mạnh mẽ cơ cấu nền kinh tế theo hướng công nghiệp hóa.

Nhóm công việc nội trợ (hoàn toàn làm công việc nội trợ mà không có việc làm được trả công nào khác) chiếm tỷ trọng nhỏ nhất và có xu hướng giảm dần từ 5,5% năm 2014 xuống còn 3,6% năm 2018. Thực tế, dù phụ nữ có công việc khác được trả công thì hầu như công việc nội trợ ở Việt Nam nói chung và ở các địa phương trong đó có Thạch Thất nói riêng phần lớn do người phụ nữ phải đảm nhận. Người phụ nữ là người chủ yếu chăm sóc các thành viên trong gia đình như trẻ em, người già, người tàn tật, đau ốm. Do vậy, rất cần nam giới và các thành viên khác trong gia đình cùng chia sẻ và gánh vác trách nhiệm với người phụ nữ.

**Bảng 2.14: Thống kê kết quả tạo việc làm theo vị thế của người lao động huyện Thạch Thất giai đoạn 2014 - 2018**

Năm	Kết quả tạo việc làm theo vị thế					
	Tổng Cộng	Chủ cơ sở	Tự làm	Nội trợ	Làm công căn lương	Khác
	Người	%	%	%	%	%
2014	100	2.7	44.7	5.5	29.3	17.8
2015	100	4.3	42.5	5.4	31.6	16.2
2016	100	2.7	27.0	3.1	52.4	14.8
2017	100	4.0	27.5	3.8	45.2	19.5
2018	100	3.2	26.3	3.6	47.9	19.0

(Nguồn: Phòng LĐTBXH huyện Thạch Thất)

- Thứ tư, tỷ lệ lao động có việc làm mới sau đào tạo nghề chiếm tỷ lệ cao.

Kết quả khảo sát từ phiếu điều tra có 52/92 lao động trước đó chưa tham gia hoạt động kinh tế đã tham gia đào tạo trình độ sơ cấp nghề (Bảng 2.13) cho thấy, việc lựa chọn ngành nghề đào tạo của người lao động khá đa dạng, trong đó, chiếm tỷ lệ cao là những ngành nghề phi nông nghiệp. Cụ thể, có 17/52 người chiếm tỷ lệ 32,1% học nghề mộc; 13/92 người, chiếm tỷ lệ

25,0% học nghề may công nghiệp, đây là những nhóm ngành mà địa phương đang có nhu cầu nhân lực lớn. Điều đó cho thấy, người lao động đã nhận thức được nhu cầu của xã hội trong đào tạo nghề, từ đó lựa chọn ngành nghề đào tạo phù hợp với nhu cầu của thị trường. Thật vậy, Bảng 2.14 cho thấy, tỷ lệ có việc làm mới sau đào tạo của nghề mộc là 100%; may công nghiệp 92,3%; hàn xì là 85,7%.

Có 19/52 người học nghề trồng rau an toàn (6/52 người) và cắt tóc gội đầu (6/52 người), song tỷ lệ có việc làm của người lao động ở các ngành nghề đào tạo này là 100% do chủ yếu người lao động sau khi học nghề tự mở cửa hàng (cắt tóc, gội đầu).

**Bảng 2.15: Kết quả khảo sát tỷ lệ lao động có việc làm sau đào tạo nghề**

Nghề đào tạo	Số người học nghề		Số người có việc làm	Tỷ lệ có việc làm sau học nghề
	Người	%	Người	Tỷ lệ %
Trồng rau an toàn, rau hữu cơ	6	10,7	6	100
Nghề mộc	17	32,1	17	100
May công nghiệp	13	25,0	12	92,3
Hàn xì	7	14,2	6	85,7
Cắt tóc gội đầu	6	10,7	6	100
Sửa chữa xe máy	3	7,1	2	66,6
Tổng cộng	52	100	49	94,2

(Nguồn: Tổng hợp từ kết quả khảo sát)

- Thứ năm, phần lớn người lao động hài lòng với chương trình và hệ thống cơ sở đào tạo nghề.

Kết quả khảo sát về sự hài lòng của người học đối với chương trình đào tạo nghề, hệ thống cơ sở hạ tầng, trình độ chuyên môn của đội ngũ giáo viên

cho thấy, có 70/92 người được hỏi chiếm tỷ lệ 76,0% hài lòng với chương trình đào tạo và rất hài lòng với trình độ chuyên môn của đội ngũ giáo viên tham gia giảng dạy.

- Thứ sáu, phần lớn các hộ vay vốn từ Quỹ quốc gia về việc làm mang lại thu nhập cao và ổn định so với trước đó. Kết quả khảo sát từ phiếu điều tra cho thấy, có 17/92 người đã tham gia vay vốn từ Quỹ quốc gia để tạo việc làm, trong đó, có 11/17 người có thu nhập cao hơn trước đây, chiếm tỷ lệ 65,8%.

#### **2.4.2. Những tồn tại, hạn chế**

Bên cạnh những kết quả đạt được, công tác tạo việc làm cho người lao động tại huyện Thạch Thất còn một số những tồn tại, hạn chế như sau:

- Mặc dù mỗi năm tạo ra hơn 400 lao động mới song tỷ lệ thiếu việc làm vẫn còn cao, năm 2018 còn hơn 7% lực lượng lao động thiếu việc làm. Còn gần 10% người lao động chưa được tạo việc làm.

- Không thể phủ nhận việc xuất khẩu lao động (XKLĐ) đã làm thay đổi diện mạo của nhiều gia đình, làng xã và cả lượng ngoại tệ chuyển về hằng năm cho đất nước. Tuy vậy, bên cạnh những kết quả đạt được, vẫn còn đó không ít những cá nhân, doanh nghiệp lợi dụng XKLĐ để trục lợi, đem con bỏ chợ. Một bộ phận người lao động đi xuất khẩu lao động phải về nước trước thời hạn. Một bộ phận lao động hết thời hạn nhưng không trở về nước mà vẫn ở lại làm việc gây ảnh hưởng tới hoạt động xuất khẩu lao động. Đây cũng là nguyên nhân chủ yếu dẫn đến Hàn Quốc không tiếp tục ký biên bản thỏa thuận theo chương trình EPS trong thời gian qua.

- Hội chợ việc làm tổ chức thường xuyên nhưng thông tin về thị trường lao động chưa được cập nhật thường xuyên, thông tin và yêu cầu tuyển dụng chưa cụ thể nên chưa tạo được hiệu ứng tích cực trong tạo việc làm cho người lao động.

- Hiện nay, ngoài trung tâm dạy nghề huyện còn có rất nhiều các cơ quan, đơn vị trong và ngoài huyện tham gia các khóa đào tạo nghề nông nghiệp và phi nông nghiệp cho người lao động. Nhìn chung, hệ thống cơ sở vật chất phục vụ đào tạo nghề được đầu tư và nâng cấp song vẫn còn 1/3 hệ thống trường lớp chưa được đảm bảo, máy móc, công nghệ lạc hậu chưa cập với yêu cầu của thị trường. Kết quả khảo sát còn 2,8% không hài lòng với giáo trình và 3,2% không hài lòng với dụng cụ học tập do giáo trình, tài liệu học tập chưa phong phú, máy móc, dụng cụ thực hành còn lạc hậu, chưa cập nhật với sự thay đổi của thị trường.

- Đội ngũ giáo viên tham gia đào tạo nghề còn thiếu do đó chất lượng sau đào tạo chưa đáp ứng được yêu cầu của một số doanh nghiệp.

- Còn nhiều lao động trong diện hộ gia đình bị thu hồi đất không tìm được việc làm.

- Một bộ phận người lao động sử dụng vốn vay từ Quỹ quốc gia về việc làm chưa hiệu quả. Kết quả khảo sát cho thấy, có 2/17 người có thu nhập thấp hơn trước đây, chiếm tỷ lệ 10,3%. Nguyên nhân của tình trạng này là do đàn gia súc của một số hộ chăn nuôi gặp phải dịch bệnh nên phải tiêu hủy dẫn đến lãi vay ngân hàng không trả được; một số khác thì gặp khó khăn trong việc áp dụng kỹ thuật trồng rau hữu cơ, thiếu vốn đầu tư nên hiệu quả không cao.

Ngoài những khó khăn gặp phải của các hộ vay vốn từ Quỹ quốc gia để sản xuất kinh doanh trên đây, qua trao đổi với ông Nguyễn Trung Hiếu, Phó giám đốc Ngân hàng chính sách xã hội huyện Thạch Thất (cơ quan được ủy thác để người dân vay vốn tạo việc làm) cho rằng: *“hoạt động cho vay vốn tạo việc làm từ Quỹ quốc gia về việc làm cũng đang gặp những khó khăn như: Chất lượng việc làm tạo ra chưa cao, hoạt động cho vay ở huyện Thạch Thất chủ yếu trong lĩnh vực nông nghiệp, đối tượng cho vay là các cơ sở sản xuất,*

*kinh doanh thấp. Nguồn vốn cho vay của Quỹ còn hạn chế, mới chỉ đáp ứng 30-35% nhu cầu vốn tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm”.*

- Đại bộ phận người lao động được tuyển dụng vào làm việc trong các khu công nghiệp có mức lương cao song không có thời gian chăm sóc gia đình.

Có việc làm ổn định với mức lương cao song người lao động hầu như phải làm việc tăng ca, thậm chí làm việc trong cả ngày nghỉ Lễ nếu đơn hàng gấp, do đó, họ không có thời gian dành cho gia đình. Trao đổi với chị Nguyễn Thị Hà, công nhân thuộc khu công nghiệp Thạch Thất – Quốc Oai, chị cho biết: *“Nếu làm theo giờ hành chính 8h/ngày thì lương tháng rất thấp, chỉ khoảng 4,5 khoảng 5,5 triệu đồng. Nếu làm tăng ca 10h – 12h/ngày thì chúng tôi được lương cao hơn, chi tiêu cũng thoải mái hơn chút, khoảng 8 – 9 triệu. Tuy nhiên, bản thân tôi không mong muốn tăng ca nhiều vì con tôi còn quá nhỏ, nhiều hôm tăng ca về muộn con đã đi ngủ, sáng sớm đi làm thì con chưa ngủ dậy. Do vậy mà hầu như không có thời gian chăm sóc và vui chơi cùng con”.*

Không có thời gian dành cho con cái và gia đình, hoạt động trồng trọt và chăn nuôi của những gia đình có lao động chính làm việc trong các khu công nghiệp cũng bị bỏ dở. Kết quả phỏng vấn sâu cho thấy, có 8/10 lao động là công nhân đang làm việc trong khu công nghiệp cho biết, từ khi làm công nhân trong nhà máy, họ chỉ cấy một vài sào ruộng để lấy gạo ăn, còn không trồng rau màu hay chăn nuôi gia súc, gia cầm như trước nữa. Bởi vì thứ nhất họ không có thời gian, đi làm ở công ty về đã muộn và chỉ được nghỉ cuối tuần, thậm chí còn phải đi làm cả cuối tuần. Thứ hai, trồng rau màu hay chăn nuôi thì thị trường đầu ra rất bấp bênh đó là chưa kể có thể gặp thiên tai, dịch bệnh.

- Phát triển làng nghề được coi là biện pháp chủ lực tạo việc làm cho người lao động, đặc biệt là lao động cao tuổi tại địa phương trong thời gian tới, tuy vậy nhiều làng nghề còn để xảy ra tình trạng ô nhiễm môi trường gây ảnh hưởng tới sức khỏe của người dân và làm mất mỹ quan làng nghề truyền thống.

#### **2.4.3. Nguyên nhân của hạn chế**

- Một bộ phận người lao động đi XKLD chưa có ý thức chấp hành quy định, cam kết trong XKLD, ở lại làm việc bất hợp pháp khi chấm dứt hợp đồng lao động làm ảnh hưởng tới hoạt động XKLD. Ngoài ra, qua trao đổi với cán bộ Trung tâm giáo dục hướng nghiệp – đơn vị chịu trách nhiệm về công tác XKLD huyện Thạch Thất là ông Nguyễn Văn Bình Giám đốc Trung tâm giáo dục hướng nghiệp cho biết, việc doanh nghiệp tham gia tuyển dụng lao động trên địa bàn tỉnh quá nhiều đã gây ra sự cạnh tranh không lành mạnh, dẫn đến tuyển dụng chưa đúng theo đơn hàng phê duyệt, người lao động không hưởng đầy đủ quyền lợi theo cam kết ban đầu, còn nhiều kẽ hở cho các tổ chức, cá nhân lợi dụng để lừa đảo XKLD.

- Việc tổ chức Hội chợ việc làm chưa được quan tâm đúng mức, còn mang tính hình thức, chưa được quảng bá sâu rộng do đó nhiều lao động chưa biết tới hội chợ việc làm.

- Chính quyền địa phương còn thiếu năng động trong thực hiện chính sách tạo việc làm, tổ chức đào tạo nghề theo nhu cầu của người lao động, hoạt động tư vấn định hướng lựa chọn nghề của người lao động theo nhu cầu của thị trường chưa đạt hiệu quả.

- Chưa bố trí được cán bộ chuyên trách về công tác dạy nghề ở cấp huyện. Qua trao đổi, Lãnh đạo phòng LĐ-TBXH huyện Thạch Thất ông Nguyễn Quyết Thắng Phó trưởng phòng LĐ-TBTX huyện Thạch Thất cho biết, hiện nay công tác quản lý, giám sát của đoàn giám sát của cấp huyện đối



với hoạt động đào tạo nghề ở các xã còn gặp nhiều khó khăn do thiếu cán bộ chuyên trách về đào tạo nghề. Hiện chỉ có 01 công chức của phòng LĐTBXH vừa phụ trách công việc ở phòng vừa phụ trách đào tạo nghề nên không thể đi cơ sở thường xuyên.

- Việc chọn nghề học chạy theo tâm lý đám đông vì đại bộ phận người học nghề là lao động nông thôn, còn tình trạng người lao động “đánh trống ghi tên” để đi học nghề nhằm trục lợi tiền hỗ trợ của nhà nước.

- Trình độ dân trí chưa cao nên chưa nhận thức được tầm quan trọng của đào tạo nghề đối với vấn đề việc làm trước yêu cầu của thị trường lao động. Mặt khác, đội ngũ cán bộ làm công tác tư vấn còn thiếu kinh nghiệm và sự nhiệt tình trong công việc.

- Do ngân sách nhà nước eo hẹp, địa phương lại chưa xây dựng được quỹ tạo việc làm nên việc thực hiện vay vốn từ Quỹ quốc gia về việc làm mặc dù diễn ra nhanh gọn song số vốn được vay thấp, thời gian quay vòng ngắn việc đầu tư còn manh mún. Ngoài ra, việc tư vấn giúp người dân sử dụng đồng vốn hiệu quả còn chưa được thực hiện, việc giám sát sử dụng vốn có đúng với mục đích cam kết ban đầu hay không còn bị buông lỏng nên dẫn tới tình trạng có một bộ phận các hộ vay vốn sử dụng sai mục đích như: vay vốn để trả nợ, tiêu xài...vv. gây lãng phí ngân sách nhà nước.

## CHƯƠNG 3

### GIẢI PHÁP TẠO VIỆC LÀM CHO NGƯỜI LAO ĐỘNG TẠI HUYỆN THẠCH THẮT THÀNH PHỐ HÀ NỘI

#### 3.1. Định hướng, mục tiêu tạo việc làm cho người lao động tại huyện Thạch Thất thành phố Hà Nội

Trong những năm gần đây Thạch Thất có tốc độ phát triển kinh tế nhanh, cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tăng dần tỷ trọng các ngành công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp, thương mại - dịch vụ và giảm dần tỷ trọng ngành nông lâm nghiệp. Nghị quyết Đảng bộ huyện Thạch Thất lần thứ XXIII xác định mục tiêu đến năm 2020 tầm nhìn đến năm 2030 là một huyện công nghiệp, có tốc độ phát triển kinh tế nhanh và bền vững, văn hóa xã hội được phát triển, đời sống tinh thần của nhân dân được nâng cao, an ninh - chính trị, trật tự an toàn xã hội được giữ vững.

Định hướng tạo việc làm cho người lao động tại huyện Thạch Thất dựa trên định hướng phát triển kinh tế xã hội của địa phương và quy mô, tốc độ gia tăng dân số; cơ cấu dân số; cơ cấu lao động phân bổ trong các ngành kinh tế.

*\* Dự báo quy mô dân số, nguồn lao động.*

Căn cứ vào tỷ lệ tăng dân số tự nhiên hàng năm của huyện Thạch Thất khoảng 1,6 % /năm. Bình quân, mỗi năm dân số tăng thêm khoảng 3.100 người/năm. Đến năm 2020, dự báo dân số toàn huyện khoảng 211.500 người.

Trong đó:

- Dân số dưới tuổi lao động: 54.000 người, chiếm 25,5 % dân số.
- Dân số trong độ tuổi lao động: 128.000 người, chiếm 60,5 % dân số.

Trong đó:

+ Số người có khả năng làm việc: 122.800 người, chiếm 96% tổng số người trong độ tuổi lao động; số người có việc làm thường xuyên là 121.100 người chiếm 98,6% số người có khả năng làm việc; số người chưa có việc

làm, mất việc làm trong năm là 1.700 người chiếm 1,4% số người có khả năng làm việc.

+ Số người không có khả năng làm việc là: 5.200 người, chiếm 4% số người trong độ tuổi lao động.

- Dân số trên độ tuổi lao động: 29.500 người, chiếm 14% dân số.

*\* Dự báo về chất lượng lao động*

Tỷ lệ lao động qua đào tạo của huyện Thạch Thất ngày càng tăng, mỗi năm tăng hơn 2%, dự báo đến năm 2020 số lao động qua đào tạo 87.000 lao động, đạt 68%. Trong đó:

- Số lao động có trình độ sơ cấp nghề là 44.500 lao động chiếm 51%

- Số lao động có trình độ trung cấp nghề là 23.500 lao động, chiếm 27%

- Số lao động có trình độ cao đẳng trở lên là 19.000 lao động, chiếm 22%

*\* Dự báo cơ cấu lao động*

Cơ cấu lao động tiếp tục chuyển dịch theo hướng tích cực, tăng dần tỷ trọng các ngành công nghiệp – xây dựng, thương mại – dịch vụ, giảm tỷ trọng trong ngành nông nghiệp. Cụ thể:

- Lao động làm việc trong lĩnh vực công nghiệp - xây dựng dự báo là 64.000 lao động, chiếm 52% số người có khả năng làm việc.

- Lao động làm việc trong lĩnh vực thương mại - dịch vụ dự báo là 30.500 lao động, chiếm 25% số người có khả năng làm việc.

- Lao động làm việc trong lĩnh vực nông, lâm nghiệp - thủy sản là 28.300 lao động, chiếm 23% số người có khả năng làm việc.

Như vậy, về cơ bản trong thời gian tới, ngành công nghiệp – xây dựng vẫn là ngành chiếm tỷ trọng lớn nhất trong cơ cấu nền kinh tế, số lao động làm việc trong lĩnh vực này vẫn chiếm tỷ trọng cao nhất. Tiếp đến là ngành thương mại – dịch vụ. Ngành nông lâm thủy sản có xu hướng giảm dần.

*\* Dự báo nhu cầu tuyển dụng lao động của các doanh nghiệp trên địa bàn huyện Thạch Thất*

Hiện nay trên địa bàn huyện Thạch Thất có một số khu công nghiệp, cụm công nghiệp làng nghề đang được xây dựng và đi vào hoạt động tạo ra hàng trăm ngành chỗ làm việc cho lao động địa phương, đặc biệt là lao động khu vực nông thôn. Căn cứ vào tình hình phát triển kinh tế xã hội của địa phương trong những năm tiếp theo, mỗi năm các cơ sở sản xuất kinh doanh cần tuyển dụng một lực lượng lao động lớn. Cụ thể, được thể hiện trong bảng số liệu sau đây:

**Bảng 3.1: Nhu cầu tuyển dụng nhân lực của các doanh nghiệp huyện Thạch Thất giai đoạn 2019 - 2020**

STT	Tên doanh nghiệp	Năm 2019	Năm 2020	Tổng cộng
1	Khu công nghiệp Thạch Thất – Quốc Oai	483	461	944
2	Khu công nghệ cao Hòa Lạc	271	209	480
3	Các doanh nghiệp còn lại	1162	1300	3886

*(Nguồn: Phòng LĐTBXH huyện Thạch Thất)*

*\* Dự báo nhu cầu học nghề tạo việc làm của người lao động huyện Thạch Thất*

Đào tạo nghề giải quyết việc làm là chủ trương lớn của Đảng và Nhà nước ta. Có nghề để có việc làm như người nghèo được cho “cần câu” để sinh nhai. Mặc dù mỗi năm có hàng chục lớp đào tạo nghề nông nghiệp và phi nông nghiệp được mở song thực tế mới đáp ứng được 70% nhu cầu học nghề của người lao động địa phương. Căn cứ vào kết quả khảo sát nhu cầu học nghề của người lao động, nhu cầu sử dụng nhân lực của các doanh nghiệp, chiến lược, kế hoạch phát triển KTXH của địa phương, huyện Thạch Thất dự báo nhu cầu học nghề trong hai năm 2019, 2020 vẫn tập trung vào ba nhóm ngành là nông

nghiệp; phi nông nghiệp và dịch vụ. Trong đó, chủ yếu là nhóm ngành phi nông nghiệp. Cụ thể được thể hiện trong bảng số liệu dưới đây.

**Bảng 3.2: Dự báo nhu cầu học nghề của người lao động huyện Thạch Thất giai đoạn 2019 - 2020**

STT	Nhóm nghề	Năm	
		2019	2020
<b>1</b>	<b>Nhóm nghề nông nghiệp và dịch vụ nông nghiệp</b>	<b>820</b>	<b>905</b>
	<i>Trồng cây lương thực</i>	170	180
	<i>Chăn nuôi gia súc</i>	205	215
	<i>Trồng hoa cây cảnh</i>	140	150
	<i>Chế biến nông lâm thủy sản</i>	105	150
	<i>Thú y chăn nuôi</i>	200	210
<b>2</b>	<b>Nhóm nghề phi nông nghiệp</b>	<b>2615</b>	<b>2920</b>
	<i>Nghề mộc, điêu khắc</i>	325	330
	<i>Mây tre giang đan</i>	210	280
	<i>Cơ khí, tiện, gò hàn</i>	430	480
	<i>Điện, điện tử, điện lạnh</i>	330	385
	<i>Vận hành sửa chữa máy công nghiệp</i>	130	140
	<i>Xây dựng</i>	260	290
	<i>May công nghiệp</i>	420	450
	<i>Sửa chữa ô tô, xe máy</i>	240	265
	<i>Các nghề khác</i>	270	300
<b>3</b>	<b>Nhóm nghề dịch vụ, thương mại</b>	<b>1080</b>	<b>1160</b>
	<i>Chế biến món ăn</i>	170	180
	<i>Dịch vụ khách sạn, nhà hàng</i>	145	170
	<i>Các nghề khác</i>	765	810
	<b>Tổng cộng</b>	<b>4515</b>	<b>4985</b>

(Nguồn: Phòng LDTBXH huyện Thạch Thất)

### **3.1.2. Mục tiêu tạo việc làm cho người lao động tại huyện Thạch Thất thành phố Hà Nội**

#### **\* Mục tiêu tổng quát**

- Xúc tiến hoàn thành việc mở rộng và quy hoạch các cụm công nghiệp làng nghề, cụm công nghiệp nhằm tạo ra nhiều chỗ việc làm mới cho người lao động.

- Trong nông nghiệp chú trọng mở rộng mô hình trồng rau an toàn, rau hữu cơ, chuyển đổi cơ cấu cây trồng vật nuôi hướng tới một nền nông nghiệp sạch, bền vững, năng suất cao, chất lượng tốt, gắn bó người nông dân với đồng ruộng nhằm hạn chế thấp nhất tình trạng thiếu việc làm trong nông nghiệp đồng thời đảm bảo nguồn lương thực, thực phẩm cho địa phương.

- Gắn đào tạo nghề với giải quyết việc làm, phấn đấu nâng tỷ lệ có việc làm sau đào tạo lên trên 80%.

#### **\* Mục tiêu cụ thể**

- Đẩy nhanh việc mở rộng và xây dựng các cụm công nghiệp, làng nghề, nhằm phát triển cơ sở sản xuất kinh doanh ở các làng nghề, doanh nghiệp, tạo nhiều chỗ việc làm mới để thu hút và tạo việc làm cho người lao động.

**Bảng 3.3. Dự kiến tạo việc làm mới cho NLD huyện Thạch Thất giai đoạn 2019 - 2020**

Năm	Tổng cộng	Các hình thức tạo việc làm				
		Trong KCN	Trong làng nghề	Đào tạo nghề	XKLD	Quỹ QGVL
2019	625	115	250	142	50	68
2020	700	180	235	150	65	80

(Nguồn: Phòng LĐTĐ và XH huyện Thạch Thất)

+ Tạo việc làm từ nguồn vốn vay giải quyết việc làm: năm 2019 giải quyết việc làm cho 68 lao động, năm 2020 giải quyết cho 80 lao động.

+ Tư vấn giới thiệu đi xuất khẩu lao động: năm 2019 là 50 lao động, năm 2020 là 65 lao động.

+ Giới thiệu việc làm trong các doanh nghiệp: năm 2019 là 115 lao động, năm 2020 là 180 lao động.

+ Giải quyết việc làm tại các làng nghề, cụm công nghiệp, các cơ sở sản xuất kinh doanh tại các hộ gia đình được xem là giải pháp tạo việc làm chủ lực. Do đó, dự kiến số lao động được tạo việc làm thông qua hình thức này cao nhất. Cụ thể, năm 2019 tạo việc làm cho 250 lao động, năm 2020 là 235 lao động.

- Giảm tỷ lệ lao động có nhu cầu làm việc nhưng không có việc làm từ 1,8% giai đoạn 2011-2015 xuống còn 1,4%.

- Chuyển dịch cơ cấu lao động theo ngành kinh tế đến năm 2020: Công nghiệp xây dựng: 51%, thương mại dịch vụ: 25%, nông lâm thủy sản: 24%.

Để đạt được mục tiêu tạo việc làm cho người lao động, trong thời gian tới cần triển khai đồng bộ nhiều giải pháp nhằm huy động sự vào cuộc của các cấp chính quyền, ban ngành đoàn thể, đặc biệt là bản thân người lao động.

### **3.2. Một số giải pháp tạo việc làm cho người lao động tại huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội**

#### ***3.2.1. Tăng cường hoạt động quản lý nhà nước về xuất khẩu lao động trên địa bàn***

- XKLD là hoạt động tạo việc làm hiệu quả, mang lại thu nhập cao cho người lao động. Trong thời gian tới, để tiếp tục duy trì các thị trường XKLD truyền thống như Hàn Quốc, Đài Loan, Malaysia cần mở rộng XKLD sang các thị trường mới như: Nhật Bản, Đức, các nước Trung Đông, MaCao, Lybia,... với mức thu nhập cao;

- Để người lao động có thể đáp ứng được yêu cầu công việc khi đi XKLD thì việc bồi dưỡng nâng cao trình độ của người lao động là rất cần thiết, người lao động cần được đào tạo thuần thực về ngoại ngữ, văn hóa, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng làm việc nơi xứ người.

- Để giúp người lao động lựa chọn thị trường XKLD phù hợp và hiệu quả, giải quyết hồ sơ thủ tục nhanh gọn trong giai đoạn tiếp theo cần bố trí cán bộ làm công tác chuyên trách về hoạt động XKLD nhằm tư vấn, hỗ trợ cho người dân về các thủ tục, chính sách XKLD.

- Để hạn chế tình trạng lừa gạt người lao động đi XKLD như hiện nay cần tăng cường sự phối hợp chặt chẽ giữa UBND các xã/thị trấn, các ban ngành và các doanh nghiệp XKLD. Đẩy mạnh phát triển mô hình liên kết xã/thị trấn với các doanh nghiệp XKLD nhằm đưa được nhiều người đi XKLD.

- Làm tốt công tác tuyên truyền để nâng cao ý thức của người lao động đi XKLD, với những trường hợp người lao động bỏ trốn cần có hình thức lên án, giải thích những hệ quả tiêu cực do hành động bỏ trốn của người lao động mang lại.

- Tạo điều kiện để người lao động đi XKLD được vay vốn từ Quỹ quốc gia về việc làm.

Khuyến nghị: Để tăng cường công tác quản lý nhà nước về XKLD cần có sự phối kết hợp chặt chẽ giữa các ban ngành đoàn thể từ thành ủy tới UBND huyện và UBND cấp xã. Siết chặt quản lý với các đơn vị có đăng ký đưa người đi XKLD.

### **3.2.2. *Đổi mới hoạt động tổ chức Hội chợ việc làm***

- Hiện nay, ở huyện Thạch Thất, việc tổ chức Hội chợ việc làm chưa được quan tâm đúng mức, còn mang tính hình thức, chưa được quảng bá sâu rộng do đó nhiều lao động chưa biết tới hội chợ việc làm. Do đó, để hoạt động



này đạt hiệu quả như mong đợi, trong thời gian tới cần thực hiện một số biện pháp như sau:

+ Đổi mới về hình thức: bên cạnh tổ chức hội chợ việc làm theo kiểu truyền thống, cần đổi mới hình thức hội chợ việc làm theo sàn giao dịch việc làm.

+ Tổ chức nhiều sàn giao dịch việc làm với những đối tượng khác nhau để đảm bảo NLD có cơ hội tìm việc làm phù hợp.

+ Thông tin tuyển dụng trong các sàn giao dịch việc làm cần được cập nhật thường xuyên, liên tục theo hình thức online, cụ thể về vị trí việc làm, yêu cầu về trình độ chuyên môn, lương, phúc lợi xã hội.

+ Chính quyền các cấp, ban ngành đoàn thể cần quan tâm hơn nữa, tạo mọi điều kiện về nhân lực, vật lực để công tác việc làm ngày càng tốt hơn. Ngoài ra, các doanh nghiệp cung cấp các thông tin một cách kịp thời, chính xác để Trung tâm dịch vụ việc làm quảng bá giúp đến với người lao động qua đó, người lao động tìm việc đúng nguyện vọng, nhờ vậy, sẽ hạn chế được tình trạng nhảy việc của người lao động.

Khuyến nghị với Bộ LĐTBXH:

Để hoạt động của các sàn giao dịch việc làm được hiệu quả, trong thời gian tới, Bộ LĐTBXH cần đầu tư nâng cao năng lực hệ thống Trung tâm dịch vụ việc làm; hỗ trợ phát triển thị trường lao động qua việc hỗ trợ các địa phương tổ chức các sàn giao dịch việc làm, tổ chức điều tra, khảo sát thị trường lao động phục vụ công tác quản lý và phân tích, dự báo thị trường lao động; Hỗ trợ lao động di cư từ nông thôn ra thành thị, các khu công nghiệp và lao động vùng biên; hỗ trợ tạo việc làm cho thanh niên, người khuyết tật, người dân tộc thiểu số, phụ nữ nghèo nông thôn...

Bên cạnh đó, Bộ cần tiếp tục nghiên cứu hoàn thiện chính sách bảo hiểm thất nghiệp tập trung vào phát huy giá trị cốt lõi của chính sách này là tổ

chức hệ thống thông tin thị trường lao động, hỗ trợ doanh nghiệp tránh sa thải và duy trì việc làm cho người lao động, đào tạo nâng cấp kỹ năng hoặc trang bị kỹ năng mới cho người lao động để thích ứng với những yêu cầu mới của vị trí việc làm trong bối cảnh cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 đang làm thay đổi cấu trúc của thị trường lao động; Nâng cao năng lực, tuyên truyền, kiểm tra, giám sát, đánh giá việc triển khai thực hiện các chương trình, dự án về việc làm.

Việc hoàn thiện hệ thống thông tin thị trường lao động, nâng cao chất lượng dự báo thị trường lao động trong ngắn hạn và dài hạn nhằm cung cấp các thông tin về cơ hội việc làm, chỗ việc làm trống, các khoá đào tạo có ý nghĩa đặc biệt quan trọng giúp thanh niên, sinh viên lựa chọn và quyết định học nghề, lập nghiệp, tham gia thị trường lao động.

Đây là những giải pháp đồng bộ, then chốt giải quyết những vấn đề tồn tại về chất lượng đào tạo, trình độ, tay nghề của thanh niên, tạo việc làm, phát huy vai trò của lực lượng thanh niên trong phát triển kinh tế - xã hội.

### ***3.2.3. Đa dạng hóa các hình thức tạo việc làm thông qua phát triển kinh tế***

Phát triển nền kinh tế xã hội bền vững sẽ tạo ra nhiều vị trí việc làm mới cho người lao động. Để làm được như vậy, trong giai đoạn tiếp theo huyện Thạch Thất cần thực hiện một số các biện pháp như sau:

#### ***\* Về công nghiệp – xây dựng***

- Tiếp tục đẩy mạnh việc phát triển các cụm công nghiệp phù hợp với quy hoạch để giải quyết mặt bằng sản xuất cho doanh nghiệp.

- Tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc về vốn, nguồn nguyên liệu, tạo môi trường và chính sách đầu tư thông thoáng.

- Yêu cầu các doanh nghiệp ký cam kết sản xuất đi đôi với thực hiện nghiêm chỉnh các biện pháp bảo vệ môi trường, đảm bảo phát triển bền vững bền vững.

- Việc quy hoạch, xây dựng các khu công nghiệp gắn liền với giải quyết việc làm cho người lao động bị thu hồi đất, người lao động thuộc gia đình chính sách.

- Hoạt động sản xuất nông nghiệp công nghệ cao là xu hướng phát triển sản xuất nông nghiệp tất yếu trong thời gian tới ở nước ta nói chung và Thạch Thất nói riêng, do đó, để ngành nông nghiệp công nghệ cao có thể phát triển được thì cần phải có sự đổi mới trong hoạt động đào tạo, tư vấn, giám sát của cán bộ kỹ thuật. Bên cạnh đó, nhà nước cần có chính sách hỗ trợ về vốn, giống cây trồng và hỗ trợ địa phương tìm đầu ra cho sản phẩm nông nghiệp.

- Nâng cao vai trò của tổ chức công đoàn doanh nghiệp trong việc bảo vệ quyền lợi hợp pháp của người lao động, đặc biệt, quan tâm hơn nữa tới chính sách với lao động nữ.

*\* Về phát triển các làng nghề truyền thống*

- Hoàn thành việc quy hoạch các cụm công nghiệp làng nghề, hạn chế thấp nhất tình trạng ô nhiễm môi trường nhằm bảo vệ sức khỏe cho người dân.

- Khôi phục và phát triển các làng nghề truyền thống nhằm tạo ra nhiều vị trí việc làm cho lao động địa phương, đặc biệt là lao động đã quá tuổi vào làm việc trong khu công nghiệp và lao động cao tuổi. Những người cao tuổi có vị trí đặc biệt trong thị trường lao động. Đây là những người có kinh nghiệm, những người có tích lũy trong làm việc và có các kỹ năng để làm việc tốt nhất. Những người này có ý thức chấp hành và am hiểu pháp luật tốt hơn. Mặt khác, thỏa thuận giữa người lao động và sử dụng lao động dễ hơn. Nhiều nước trên thế giới cũng có sử dụng lao động là người cao tuổi, ở Hàn Quốc có chương trình sử dụng người lao động cao tuổi như chương trình “Màn hai cuộc đời” để hỗ trợ cho người cao tuổi tìm việc, hỗ trợ cho chủ lao động là người cao tuổi.

- Tạo môi trường đầu tư thuận lợi cho các cơ sở, hộ sản xuất kinh doanh nghề, phát triển làng nghề gắn với bảo vệ môi trường.

*\* Về dịch vụ - thương mại*

- Đẩy mạnh phát triển mô hình du lịch cộng đồng gắn với các làng nghề truyền thống nhằm phát huy lợi thế của địa phương.

- Thực hiện hoạt động tuyên truyền, quảng bá sản phẩm truyền thống của địa phương để thu hút du khách.

*\* Về nông nghiệp – lâm nghiệp – thủy sản*

+ Tổ chức đào tạo cán bộ nguồn thực hiện công tác khuyến nông, khuyến lâm từ đó giúp bà con nhân dân trong lĩnh vực này chuyển giao công nghệ, nâng cao hiệu quả kinh tế.

+ Tập trung đầu tư vào những lĩnh vực nông – lâm nghiệp mà huyện có lợi thế như sản xuất, chế biến các mặt hàng nông, lâm sản, chăn nuôi đại gia súc, trồng cây ăn quả, làm trang trại, trở thành nghề sản xuất chính mang lại nguồn thu nhập ổn định của phần lớn người dân.

+ Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động tạo sự chuyển biến mạnh mẽ về nhận thức của người dân, nhất là việc chuyển dịch cơ cấu sản xuất nông – lâm nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa, nâng cao giá trị thu nhập trên một đơn vị diện tích canh tác.

+ Sử dụng giống mới và thực hiện đầu tư thâm canh để nâng cao năng suất lúa và ngô nhằm đảm bảo an ninh lương thực. Phát triển mạnh cây đậu tương, lạc và mía trên cơ sở áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật để nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, tăng khả năng cạnh tranh trên thị trường.

+ Chú trọng phát triển mô hình trồng rau an toàn, rau hữu cơ, hướng tới một nền nông nghiệp sạch, phát triển bền vững.

### ***3.2.4. Tăng cường công tác quản lý nhà nước về đào tạo nghề, gắn đào tạo nghề gắn với tạo việc làm***

- Như trên đã trình bày, hiện nay, chính quyền địa phương còn thiếu năng động trong thực hiện chính sách tạo việc làm, tổ chức đào tạo nghề theo nhu cầu của người lao động, hoạt động tư vấn định hướng lựa chọn nghề của người lao động theo nhu cầu của thị trường chưa đạt hiệu quả. Vì vậy, trong thời gian tới UBND huyện cần tăng cường công tác quản lý nhà nước về đào tạo nghề.

+ Đối với công tác khảo sát nhu cầu học nghề: UBND huyện giao phòng LĐTB&XH xây dựng kế hoạch đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa.

+ Hoàn thiện và hiện đại hóa hệ thống thông tin thị trường lao động; thu thập, xử lý, phân tích, dự báo, quản lý và cung cấp thông tin thị trường lao động theo các cấp trình độ, các ngành nghề, lĩnh vực; phát triển các hình thức thông tin thị trường lao động nhằm kết nối cung-cầu lao động;

- Tạo thuận lợi cho doanh nghiệp trong quá trình tuyển dụng lao động phối hợp với yêu cầu sản xuất, kinh doanh.

- Huy động tối đa cơ sở vật chất, đội ngũ giáo viên ở các cơ sở dạy nghề công lập và ngoài công lập, các nghệ nhân, NLD có tay nghề cao, cá nhân điển hình sản xuất giỏi... tham gia dạy nghề.

- Tuyển chọn, bố trí cán bộ chuyên trách dạy nghề phải đảm bảo về chuyên môn, nghiệp vụ quản lý, dạy nghề. Chấn chỉnh các trường hợp bố trí kiêm nhiệm nhiều công việc.

- Đổi mới phương pháp giảng dạy để đảm bảo: chương trình đào tạo phù hợp với trình độ, nhận thức của từng đối tượng lao động, áp dụng thực tế để khi hoàn thành khóa học, học viên có kỹ năng thực hành.

- Tăng cường sự liên kết giữa các cơ sở dạy nghề với doanh nghiệp. Các ngành nghề đào tạo cũng cần đa dạng hơn, trong đó tập trung chủ yếu vào việc đào tạo các nghề TTCN như: may công nghiệp, điện dân dụng,... Chuyển giao các kỹ thuật về trồng trọt, nuôi thủy sản, chăn nuôi thú y, dịch vụ nông nghiệp... để phát huy thế mạnh sẵn có ở địa phương. Thực hiện quyết liệt và đồng bộ giải pháp chuyển mạnh hình thức đào tạo nghề theo năng lực sẵn có của

- Đào tạo thêm một số ngành nghề mới mà xã hội có nhu cầu như: đào tạo kỹ năng cho người lao động đi giúp việc gia đình, đi XKLD.

### **3.2.5. Khuyến khích người lao động tự tạo việc làm**

- Đối với đối tượng lao động trẻ chiếm tỷ lệ lớn trong lực lượng lao động, có sức khỏe, có ý chí phấn đấu nhưng do thiếu trình độ nên chưa tìm kiếm được việc làm thì cần phải hướng họ chuyển nghề từ nông nghiệp sang lao động trong các ngành CN- XD và DV.

- Đầu tư xây dựng trung tâm dạy nghề, hướng nghiệp trên địa bàn huyện; nâng cao năng lực các cơ sở giới thiệu việc làm; ban hành chính sách hỗ trợ học nghề, chính sách khuyến khích thu hút và đào tạo nghề cho lao động trong các khu công nghiệp của huyện đặc biệt là các khu công nghiệp có các doanh nghiệp nước ngoài đem lại thu nhập cao cho lao động;

- Liên kết các chương trình đầu tư phát triển kinh tế với GQVL, tiếp tục phối hợp với Công ty Cổ phần Đầu tư và xây dựng số 1 Hà Nội, công ty may Hồ Gươm tổ chức các hội nghị tư vấn, tuyển dụng lao động sau khi NLD được đào tạo nghề.

- Chính quyền địa phương cần tổ chức các buổi giao lưu và sinh hoạt tập thể theo định kỳ giữa những NLD để họ có thể trao đổi kinh nghiệm và học hỏi thêm những kỹ năng trong lao động sản xuất, mở những lớp đào tạo nghề phù hợp với trình độ và khả năng của họ, đề ra những chính sách đãi

ngộ, khen thưởng, thể hiện sự coi trọng những lao động giỏi, có trình độ tay nghề cao, có ý thức phấn đấu cũng là một cách để thúc đẩy NLD học hỏi nhiều hơn, đồng thời cải thiện được suy nghĩ của họ về lợi ích của quá trình tham gia vào đào tạo và dạy nghề. Từ đó, giúp họ nhanh chóng có được việc làm, tăng được thu nhập cho bản thân, gia đình và xã hội.

Khuyến nghị với nhà nước: Chính phủ cần ban hành nhiều chính sách về hỗ trợ tạo và tự tạo việc làm cho người lao động, nhất là cho các nhóm lao động yếu thế; các chính sách hỗ trợ người lao động thất nghiệp nhanh chóng quay trở lại thị trường lao động (chính sách bảo hiểm thất nghiệp); các chính sách về tư vấn, giới thiệu việc làm, cung ứng lao động, định hướng nghề nghiệp, thông tin dự báo thị trường lao động nhằm kết nối cung cầu lao động; các chính sách bảo hiểm xã hội, an toàn vệ sinh lao động, bệnh nghề nghiệp... góp phần đẩy mạnh giải quyết việc làm cho người lao động, nâng cao thu nhập và cải thiện cuộc sống cho người dân.

### ***3.2.6. Nâng cao hiệu quả tạo việc làm thông qua vay vốn từ Quỹ quốc gia về việc làm***

Thời gian tới, thị trường lao động ngày càng sôi động hơn đòi hỏi việc nâng cao hiệu quả và chất lượng tín dụng hỗ trợ của Nhà nước qua NHCSXH. Trong đó tăng cường nguồn vốn cho vay hỗ trợ tạo việc làm và đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, tăng cường nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác cho vay hỗ trợ việc làm qua NHCSXH.

Theo ông Nguyễn Văn Lý, Phó Tổng Giám đốc NHCSXH cho biết: Để chương trình trong thời gian tới đạt hiệu quả cao hơn, NHCSXH đề nghị Chính phủ hàng năm tăng cấp bổ sung ngân sách Nhà nước, bổ sung nhiều nguồn lực của xã hội (trong nước và ngoài nước) cho Quỹ quốc gia về việc làm, do nhu cầu vay vốn tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm. Bộ LĐTBXH nghiên cứu, tham mưu trình Chính phủ xem xét, điều chỉnh lãi suất vay vốn từ Quỹ

quốc gia về việc làm lên bằng lãi suất vay vốn đối với hộ cận nghèo theo từng thời kỳ do Thủ tướng Chính phủ quy định. Đồng thời, doanh nghiệp tuyển dụng người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng phải có tài khoản tại NHCSXH để người lao động nộp tiền tuyển dụng trả cho doanh nghiệp vào tài khoản mở tại NHCSXH; biện pháp mạnh để xử lý đối với doanh nghiệp không thực hiện đúng hợp đồng đã ký với người lao động đi làm việc ở nước ngoài.

### ***3.2.7. Đa dạng hóa các biện pháp tạo việc làm cho người lao động bị thu hồi đất***

- Đầu tư phát triển sản xuất tạo việc làm cho người lao động bị thu hồi đất, có giải pháp phối hợp với các doanh nghiệp thu hút lao động khi bị thu hồi đất vào làm việc, hỗ trợ các doanh nghiệp thu hút được nhiều lao động được vay vốn phát triển sản xuất từ quỹ Quốc gia giải quyết việc làm.

- Tạo điều kiện để các doanh nghiệp có nhu cầu tuyển dụng lao động được tuyển trực tiếp tại huyện, xây dựng kế hoạch tổ chức đào tạo nguồn nhân lực tại chỗ để đáp ứng kịp thời cho các khu công nghiệp, các doanh nghiệp trên địa bàn huyện.

- Yêu cầu các doanh nghiệp đầu tư sản xuất kinh doanh vào huyện cam kết sử dụng lao động của huyện khi thuê đất. Ký kết hợp tác tuyển dụng lao động giữa UBND huyện với một số doanh nghiệp thường xuyên có nhu cầu sử dụng nhiều lao động, ký cam kết đào tạo nghề theo đơn đặt hàng của doanh nghiệp.

### ***3.2.8. Tăng cường đầu tư kinh phí cho hoạt động tạo việc làm***

- Hiện nay, do ngân sách nhà nước eo hẹp, địa phương lại chưa xây dựng được quỹ tạo việc làm nên việc thực hiện vay vốn từ Quỹ quốc gia về việc làm mặc dù diễn ra nhanh gọn song số vốn được vay thấp, thời gian quay vòng ngắn việc đầu tư còn manh mún. Do đó, để hoạt động tạo việc làm cho NLD được hiệu quả trong thời gian tới cần tăng cường đầu tư kinh phí cho hoạt động tạo việc làm thông qua xã hội hóa tạo việc làm cho người lao động.



Coi tạo việc làm không chỉ là nhiệm vụ của nhà nước mà là nhiệm vụ của toàn xã hội. Mỗi địa phương huy động nguồn vốn trong nhân dân để tạo lập quỹ quốc gia về tạo việc làm, tăng cường ngân sách trung ương cho quỹ quốc gia về việc làm.

## KẾT LUẬN

Việc làm là vấn đề kinh tế xã hội tổng thể. Tạo việc làm cho người lao động là giải quyết được vấn đề thu nhập, góp phần xóa đói giảm nghèo, ổn định an ninh chính trị xã hội.

Huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội là địa phương có nguồn lao động dồi dào, mỗi năm có hơn 2000 người bước vào độ tuổi lao động. Nguồn lao động dồi dào là điều kiện thuận lợi để phát triển KTXH của địa phương song tạo áp lực không nhỏ lên vấn đề việc làm.

Để giúp người lao động có việc làm, trong những năm gần đây chính quyền huyện Thạch Thất đã triển khai nhiều chính sách tạo việc làm cho người lao động. Bên cạnh những kết quả đạt được, công tác tạo việc làm cho người lao động tại huyện Thạch Thất gặp phải một số khó khăn và hạn chế.

Để thực hiện đề tài *Tạo việc làm cho người lao động tại huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội*, tác giả đã sử dụng kết hợp một số phương pháp nghiên cứu như: thống kê so sánh, điều tra bằng bảng hỏi, phỏng vấn sâu..vv nhằm mô tả tình hình tạo việc làm cho người lao động tại huyện Thạch Thất thời gian qua; đánh giá những kết quả đạt được và hạn chế còn tồn tại từ đó đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả tạo việc làm cho người lao động trong thời gian tiếp theo.

Mặc dù đã có nhiều cố gắng song đề tài không tránh khỏi những thiếu sót, tác giả rất mong nhận được ý kiến đóng góp quý báu của quý thầy cô để tác giả chỉnh sửa đề tài được hoàn thiện hơn.

## DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Thủ tướng Chính phủ (2009), *Đề án Đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020*. Đề án được phê duyệt kèm theo quyết định số 1956/QĐ-TTg ban hành ngày 27 tháng 11 năm 2009.
  2. Mai Ngọc Cường, Đề tài cấp Nhà nước CTDT.26.17/16-20: *Đánh giá hiệu quả và tác động của chính sách dạy nghề, giải quyết việc làm cho lao động vùng dân tộc từ đổi mới đến nay*.
  3. PGS.TS Trần Xuân Cầu (2013), *Giáo trình kinh tế nguồn nhân lực*, Nxb Đại học Kinh tế quốc dân, Hà Nội.
  4. Nguyễn Hữu Dũng (1995), *Luận cứ khoa học cho việc xây dựng chính sách giải quyết việc làm ở nước ta khi chuyển sang nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần*, Đề tài nghiên cứu khoa học cấp nhà nước KX.04.04.
  5. PGS.TS Phạm Ngọc Linh, T.S Nguyễn Thị Kim Dung (2011), *Giáo trình Kinh tế phát triển*, Nxb Kinh tế Quốc Dân, trang 131.
  6. Chu Tiến Quang, *Việc làm ở nông thôn: thực trạng và giải pháp*.
  7. Bộ Luật Lao động (2012),
  8. Luật Việc làm (2013),
- Các văn bản:**
9. UBND huyện Thạch Thất, Báo cáo tình hình thực hiện Quyết định số 1956/QĐ-TTg năm 2014, kế hoạch thực hiện năm 2015.
  10. UBND huyện Thạch Thất, Báo cáo tình hình thực hiện Quyết định số 1956/QĐ-TTg năm 2015, kế hoạch thực hiện năm 2016.
  11. UBND huyện Thạch Thất, Báo cáo tình hình thực hiện Quyết định số 1956/QĐ-TTg năm 2016, kế hoạch thực hiện năm 2017.
  12. UBND huyện Thạch Thất, Báo cáo tình hình thực hiện Quyết định số 1956/QĐ-TTg năm 2017, kế hoạch thực hiện năm 2018.

13. UBND huyện Thạch Thất, Báo cáo tình hình thực hiện Quyết định số 1956/QĐ-TTg năm 2018.
14. UBND huyện Thạch Thất, Kế hoạch giải quyết việc làm, đào tạo nghề cho lao động nông thôn năm 2014.
15. UBND huyện Thạch Thất, Kế hoạch giải quyết việc làm, đào tạo nghề cho lao động nông thôn năm 2015.
16. UBND huyện Thạch Thất, Kế hoạch giải quyết việc làm, đào tạo nghề cho lao động nông thôn năm 2016.
17. UBND huyện Thạch Thất, Kế hoạch giải quyết việc làm, đào tạo nghề cho lao động nông thôn năm 2017.
18. UBND huyện Thạch Thất, Kế hoạch giải quyết việc làm, đào tạo nghề cho lao động nông thôn năm 2018.
19. UBND huyện Thạch Thất, Đề án tăng cường công tác đào tạo nghề, giải quyết việc làm huyện Thạch Thất giai đoạn 2016 – 2020 Các trang điện tử:
20. <https://khql.neu.edu.vn/vi/nghien-cuu-khoa-hoc-928/de-tai-cap-nha-nuoc-ctdt-26-17-16-20-danh-gia-hieu-qua-va-tac-dong-cua-chinh-sach-day-nghe-giai-quyet-viec-lam-cho-lao-dong-vung-dan-toc-tu-doi-moi-den-nay>
21. <http://nhandan.com.vn/kinhte/item/39399902-tao-viec-lam-cho-lao-dong-nong-thon.html>
22. <https://www.baoquangbinh.vn/xa-hoi/201811/giai-quyet-viec-lam-cho-lao-dong-bao-dam-an-sinh-xa-hoi-2161869/>.
23. <http://baodansinh.vn/nam-2018-nhieu-giai-phap-tao-viec-lam-ho-tro-nguoi-lao-dong-d73133.html>.
24. <http://thachthat.hanoi.gov.vn/it/lang-nghe-truyen-thong/-/news/SVzLSt4jNFBs/13019.html?jsessionid=vySeK1o1bzwqLr80SNl8RDxa.app2>
25. <http://laodongxahoi.net/vay-von-quy-quoc-gia-ve-viec-lam-chinh-sach-tin-dung-gop-phan-thuc-hien-hieu-qua-xoa-doi-giam-ngheo-va-giai-quyet-viec->

lam-1310101.html

26. <https://baotintuc.vn/xahoi/quy-quoc-gia-ve-viec-lam-moi-dap-ung-khoang-35-nhu-cau-vay-von-tao-viec-lam-20181011112059672.htm>

27. [http://viendantochoc.vass.gov.vn/noidung/nghiencuukhoahoc/Lists/nghiencuukhoahoc/View\\_Detail.aspx?iDCapCoQuan=3&ItemID=285](http://viendantochoc.vass.gov.vn/noidung/nghiencuukhoahoc/Lists/nghiencuukhoahoc/View_Detail.aspx?iDCapCoQuan=3&ItemID=285)

28 <https://khql.neu.edu.vn/vi/nghien-cuu-khoa-hoc-928/de-tai-cap-nha-nuoc-ctdt-26-17-16-20-danh-gia-hieu-qua-va-tac-dong-cua-chinh-sach-day-nghe-giai-quyet-viec-lam-cho-lao-dong-vung-dan-toc-tu-doi-moi-den-nay>



			tạo VL				nghe		

**Câu 2: Thu nhập của anh chị so với trước khi tham gia chương trình tạo việc làm ?**

- Cao hơn
- Không thay đổi
- Thấp hơn
- Khác

**Câu 3: Ngoài tạo việc làm cho bản thân, công việc hiện tại của anh/chị tạo việc làm thêm cho bao nhiêu lao động?**

- 01
- 02
- 03
- Khác

**Câu 4: Anh/ chị đánh giá như thế nào về biện tạo việc làm của địa phương?**

- Rất hài lòng
- Hài lòng
- Bình thường
- Không hài lòng
- Rất không hài lòng
- Khác

**Câu 5: Những khó khăn mà anh/chị gặp phải?**

- Thiếu vốn
- Tay nghề yếu

- Gò bó thời gian
- Thị trường đầu ra bấp bênh
- Khác

***Câu 6: Theo anh/chị, để nâng cao hiệu quả tạo việc làm cho người lao động trong thời gian tới cần phải thực hiện những biện pháp như thế nào?***

.....

.....

.....

.....

***Xin chân thành cảm ơn.***



**PHỤ LỤC 2**  
**CÂU HỎI PHỎNG VẤN SÂU**

**I. Dành cho Lãnh đạo Phòng LĐTBXH huyện Thạch Thất**

1. Xin ông/bà cho biết để triển khai hoạt động đào tạo nghề cho lao động nông thôn cần thực hiện các bước nào?

.....  
.....  
.....

2. Ông bà cho biết những thành tựu và khó khăn gặp phải trong công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn ở huyện Thạch Thất hiện nay?

.....  
.....  
.....

3. Để công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn được hiệu quả trong thời gian tới cần có những biện pháp như thế nào?

.....  
.....  
.....

**II. Dành cho Lãnh đạo Trung tâm giáo dục hướng nghiệp huyện Thạch Thất**

1. Xin ông/bà cho biết hiện nay người lao động ở huyện Thạch Thất đi xuất khẩu lao động theo hình thức nào?

.....  
.....  
.....

2. Ông bà cho biết những khó khăn gặp phải trong công tác xuất khẩu lao động huyện Thạch Thất hiện nay và biện pháp khắc phục?

.....  
.....  
.....

**III. Dành cho đại diện Ngân hàng chính sách xã hội huyện Thạch Thất**

1. Xin ông/bà cho biết để có thể vay vốn từ Quỹ quốc gia về việc làm, người lao động và tổ chức sản xuất kinh doanh cần chuẩn bị những gì?

.....  
.....  
.....

2. Ông bà cho biết những khó khăn gặp phải trong công tác vay vốn tạo việc làm từ Quỹ quốc gia về việc làm huyện Thạch Thất hiện nay và phương hướng khắc phục?

.....  
.....  
.....

*Trân thành cảm ơn.*

**PHỤ LỤC 3**  
**CÂU HỎI PHỎNG VẤN SÂU DÀNH CHO NGƯỜI LAO**  
**ĐỘNG LÀM VIỆC TẠI KHU CÔNG NGHIỆP**

**I. Giới thiệu chung:**

Tuổi:

Nghề nghiệp:

Nơi làm việc:

**II. Nội dung phỏng vấn**

1. Trước khi làm công nhân anh chị có trồng trọt hoặc chăn nuôi không?

.....  
.....

2. Mức lương hàng tháng của anh chị là bao nhiêu?

.....  
.....  
.....

3. Khi làm công nhân anh chị có gặp khó khăn gì trong việc chăm sóc con cái và gia đình hay không?

.....  
.....  
.....

4. Hiện nay, anh chị có thời gian trồng trọt hay chăn nuôi không?

.....  
.....  
.....

*Cảm ơn anh chị.*